



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

**CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH
VỚI ĐẠI TƯỚNG
VÕ NGUYỄN GIÁP**



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

**CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH
VỚI ĐẠI TƯỚNG
VÕ NGUYỄN GIÁP**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương

LÊ MẠNH HÙNG

Phó Chủ tịch Hội đồng

Q. Giám đốc - Tổng Biên tập

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

PHẠM CHÍ THÀNH

Thành viên

VŨ TRỌNG LÂM

NGUYỄN ĐỨC TÀI

TRẦN THANH LÂM

NGUYỄN HOÀI ANH

CHU TRỌNG HUYẾN

**CHỦ TỊCH
HỒ CHÍ MINH
VỚI ĐẠI TƯỚNG
VÕ NGUYỄN GIÁP**

NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong sự nghiệp cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đào tạo được nhiều học trò xuất sắc, trong đó Võ Nguyên Giáp là một trong những học trò gần gũi, xuất sắc của Người. Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn luôn ghi nhớ và làm theo lời dạy của Bác Hồ, là một tấm gương điển hình về đạo đức của người cách mạng, về đặt quyền lợi của quốc gia, dân tộc lên trên hết.

Lịch sử nước nhà mãi lưu danh hai nhân vật vĩ đại: Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất và Đại tướng Võ Nguyên Giáp - vị tướng huyền thoại, thiên tài quân sự, người Anh cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lịch sử đã đưa hai con người xuất chúng ấy đến gần nhau, trở thành hai thầy trò, hai người đồng chí, hai người tri kỷ để làm nên hai cái tên mà chắc là lịch sử sẽ luôn nhắc tới.

Thực hiện Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn của Ban Tuyên giáo Trung ương cũng như nhằm góp phần giáo dục, phát huy truyền thống yêu nước, tiếp tục đẩy mạnh cuộc Học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật phối hợp với

Nhà xuất bản Văn học xuất bản cuốn sách ***Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Võ Nguyên Giáp.***

Cuốn sách đề cập những câu chuyện hết sức chân thực về mối quan hệ gần gũi, thân tình giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, về những dấu mốc đã đưa Đại tướng đến gần với Bác, về sự thiên tài nhân quan của Bác trong việc phát hiện nhân tài cho đất nước.

Mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn cuốn sách, nhưng đây là đề tài lớn nên khó tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những học trò xuất sắc, cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong những năm tháng được sống và làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Người giáo dục, rèn luyện, tin tưởng trao trọng trách lớn, Đại tướng đã nỗ lực học tập đạo đức, tác phong của vị lãnh tụ tối cao và luôn luôn tranh thủ sự giúp đỡ của đồng nghiệp các cấp, phấn đấu để trở thành một vị tướng kiệt xuất, có những đóng góp to lớn vào công cuộc đấu tranh cách mạng vẻ vang của dân tộc.

Nội dung cuốn sách *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Võ Nguyên Giáp* chủ yếu tập trung đề cập mối quan hệ làm việc, cộng tác gần gũi giữa Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với nhà quân sự chiến lược Võ Nguyên Giáp từ những năm 1940 cho tới khi nhân dân ta kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tái xâm lược bằng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Đó là mối quan hệ thân tình mà thiêng liêng giữa vị lãnh tụ tối cao của dân tộc với một trong những đồng chí, cộng sự tin cậy của Người. Qua cuốn sách, ta có thể thấy rõ tầm ảnh

minh, quảng bác của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lãnh đạo, chỉ đạo về đường lối cách mạng, về khả năng và sử dụng nhân tài của Người. Đồng thời, cuốn sách cũng chỉ rõ tài năng binh nghiệp của chàng thanh niên yêu nước Võ Nguyên Giáp. Nhờ đi theo con đường cách mạng, Võ Nguyên Giáp đã được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ở nơi đất khách quê người để rồi từ một lời dặn của Người, coi như là “anh hùng đoán giữa trần ai” mà về sau “nên nổi cơ đồ” ở trong ông. Cùng với yếu tố quý giá đó là sự nỗ lực rèn luyện, phấn đấu không ngừng của nhà quân sự Võ Nguyên Giáp, một trong những người đi đầu trong việc học tập, làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau khi được xuất bản lần đầu tiên vào năm 2007 (do Nhà xuất bản Thông tấn tổ chức xuất bản), cuốn sách *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đại tướng Võ Nguyên Giáp* đã được đông đảo bạn đọc gần xa đón nhận và góp thêm nhiều ý kiến quý báu. Nhân dịp cuốn sách được tái bản, tác giả đã tiếp thu mọi ý kiến, chỉnh lý, bổ sung để tác phẩm thêm chất lượng, xứng đáng với sự quan tâm của quý độc giả. Tuy nhiên, với một đề tài lớn và quan trọng như thế, cuốn sách khó tránh khỏi những khiếm khuyết trong nội dung và cách thể hiện, mong quý bạn đọc tiếp tục góp thêm ý kiến phê bình để nội dung cuốn sách ngày một hoàn thiện.

TÁC GIẢ

TỪ NHỮNG DÒNG SÔNG

Quê nội của chị em Nguyễn Thị Minh Khai và Nguyễn Thị Quang Thái ở tỉnh Hà Đông, nay thuộc Hà Nội.

Từ xa xưa, cả về địa lý và lịch sử, Hà Đông là vùng đất được lập nên và chi phối từ những chi lưu của sông Nhị Hà.

Tiến sĩ Đặng Xuân Bảng (sinh năm 1827), người huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, làm quan đến chức Tuần vũ, là nhà sử học và thiên văn học, đã viết cuốn sách *Sử học bị khảo*, trong đó nói rõ: “Từ Nhị Hà chia ra, sông Nhuệ ở huyện Từ Liêm đổ vào Long Đàm rồi theo hướng đông nam chảy qua các huyện Thanh Oai, Thanh Trì đến ngã ba Hà Liễu thì đổ vào Tô Lịch. Lại có sông Đỗ Động bắt đầu ở đầm Ngũ Xá, huyện Thượng Phúc mà nhập vào Nhuệ Giang. Còn về phía tây nam thì có sông Kim Ngưu bắt đầu từ Hồ Tây (huyện Vĩnh Thuận) mà chảy nhập vào”. Đến ngã ba Lương Thủy, Nhuệ Giang còn có nhánh của sông Hát từ phía đông chảy đến. Mà Hát Giang chảy dưới Bát Cảnh Sơn, đó là nơi gắn bó với sự nghiệp vĩ đại và cả giây phút oai hùng cuối

đồi của Hai Bà Trưng. Về thắng cảnh ấy, Đặng Xuân Bảng viết: “Núi Bát Cảnh... 99 ngọn đổ xuống sông Hát Nhuệ Giang cứ thế chảy theo hướng nam, đến Cửa Bộc, huyện Nam Xang thì lại đổ vào sông Hồng”¹.

Nhị Hà từ tây sang đông

Kim Ngư, Nhuệ Thủy là sông bên này.

(Ca dao)

Ngoài lúa ngô, khoai đậu, Nhuệ Giang còn tạo nên ở nơi đây một vùng dâu lụa nổi tiếng của đất nước. Đó là hiện trạng do sự ban phát cách đây ít nhất một thế kỷ rưỡi của dòng sông tơ tằm, một chi lưu của Nhị Hà. Nay thì cảnh quan tự nhiên đã khác rất nhiều do sự biến hóa của trời đất và bởi tác động của con người nhưng nền móng để tạo nên vùng đất văn hiến ven Kinh thành ở chốn này thì vẫn còn nguyên vẹn trong dấu ấn của lịch sử.

Nền đất do phù sa sông Hồng không ngừng bồi tụ ấy thật phì nhiêu, có lẽ vì cư dân ở đây sớm đông đúc mà từ lâu đời đã có những lớp người phát tán đi nhiều nơi mang theo trong mình nét văn hóa từ văn minh của dòng sông Cái. Mà đã có kẻ đi thì rồi tất có người đến vì các miền đất nước đều là tài sản chung của mọi cư dân. Rồi đến một ngày, khi Kinh thành rực rỡ cờ hoa đón đoàn

1. Trích trong cuốn sách *Sử học bị khảo* (Đỗ Mộng Khương dịch, Hoa Bằng hiệu đính), Thư viện Viện Sử học, ký hiệu ĐVv, 307/1-2.

quân chiến thắng trở về tiếp quản Thủ đô sau cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp để bảo vệ độc lập dân tộc (1946-1954), có gia đình một vị tướng quê từ sông Gianh đến định cư lâu dài ở trên bờ con sông Hồng này.

Khoảng nửa thế kỷ trước đó, cũng có một người đàn ông đã rời quê hương, nơi gắn bó với dòng Nhuệ Giang để đi vào đất Nghệ, với chức vụ là thư ký nhà ga Vinh. Ông họ Nguyễn, quý danh là Bình, được thưởng sắc Hàn lâm nên gọi là ông Hàn Bình. Ông đã xây dựng gia đình tại thị xã, nơi vốn là quà tặng của dòng sông Lam. Bà Hàn Bình là cháu ngoại của một nhà Nho ở đất Trung Cấn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, một làng nằm bên hữu ngạn của dòng sông trong xanh ấy. Mẹ của bà lấy chồng về làng Đào, tổng Thịnh Quả, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Làng này với Trung Cấn tuy khác tỉnh nhưng theo đường chim bay thì chỉ cách nhau độ vài ba cây số. Cả hai nơi cùng nằm trên một miền bãi bồi trải rộng giữa hai dòng sông là Lam Giang (tức Ngàn Cỏ) và sông La (tức Ngàn Sâu - một phụ lưu của nó). Ở miền quê này, lụt lội là chuyện thường niên nhưng đất đai thì khá phì nhiêu vì có phù sa của các con sông ấy bồi đắp. Con người ở đây trung hậu, chí thú làm ăn, sắt son, tình nghĩa:

Nước lên cho cá lên theo

Đôi bên cha mẹ đói nghèo cả hai.

(Ca dao)

Bà Hàn Bình lớn lên ở Thịnh Quả nhưng nhà có quầy hàng bán vải ở chợ Vinh. Bà lấy chồng lúc mười tám tuổi. Rồi cùng chồng lập gia đình ở phố Ga của thành phố này. Năm 1910, họ sinh Nguyễn Thị Minh Khai, bốn năm sau thì sinh người con thứ hai, cũng là con gái. Ông Hàn Bình vui mừng, liền đặt tên cho cô là Nguyễn Thị Quang Thái. Theo nghĩa trong Kinh Dịch, hai chữ “Khai - Thái” có hàm ý là đã đến lúc hanh thông, tức vận may đang đến, làm việc gì cũng thuận lợi. Còn riêng chữ Quang Thái thì còn có nghĩa là những tia ngũ sắc được đan xen vào nhau để tạo nên một màn hoa rực rỡ.

Minh Khai học Lớp Nhất dưới sự dạy dỗ của thầy Trần Phú. Sau khi đỗ bằng tiểu học tại thành phố Vinh, noi theo thầy giáo của mình, chị tham gia hoạt động cách mạng, vào Đảng Tân Việt. Năm 1930, Minh Khai là đảng viên cộng sản, xuất dương sang Trung Quốc, được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc huấn luyện thêm về cách mạng. Một thời gian, chị làm thư ký, giúp việc cho Người. Từ năm 1934, chị là Ủy viên trong Ban Cán sự của Đảng ở nước ngoài. Năm 1935, Đại hội Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ nhất họp ở Ma Cao (Trung Quốc), chị được cử làm đại biểu đi dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, họp tại Liên Xô. Thời gian ấy chị lập gia đình, kết duyên với Lê Hồng Phong - Tổng Bí thư của Đảng Cộng sản Đông Dương, làm Trưởng đoàn đi dự

Đại hội Quốc tế Cộng sản. Sau đó Minh Khai về nước, làm Bí thư Thành ủy Sài Gòn. Anh chị sinh được một người con gái là Lê Hồng Minh. Chị bị đế quốc Pháp bắt giam rồi đem ra xử bắn tại Hóc Môn (ngoại ô thành phố Sài Gòn), năm 1941.

Nguyễn Thị Quang Thái sinh năm 1913. Khi còn ở bậc tiểu học, có lúc về nhà, Quang Thái thấy Minh Khai mang sổ ghi tiền bán hàng của mẹ ra và xóa tên cho những người có số nợ chẳng là bao song vì nhà nghèo nên đã lâu rồi, họ chưa trả được. Cô biết rõ điều đó nhưng không mách mẹ mà ủng hộ việc làm của chị gái.

Quang Thái vì là em, có điều kiện hơn nên sau khi đỗ tiểu học thì thi vào Trường Nữ học Đồng Khánh, Huế. Ít lâu sau, một số sự kiện đã xảy ra, như: sự kiện cụ Phan Bội Châu, người khởi xướng, tổ chức, đi đầu trong công cuộc Đông du sang Nhật rồi bị trục xuất nên phải qua Trung Quốc, sau bị thực dân Pháp bắt giải về nước, kết án tù chung thân và giam lỏng tại Huế (năm 1925); cụ Phan Châu Trinh, lãnh tụ đấu tranh đòi dân quyền, sang Pháp một thời gian rồi về, mất tại Sài Gòn (năm 1926), được nhiều nơi để tang. Ngoài ra, những cuộc biểu tình của học sinh, sinh viên suy tôn tinh thần cách mạng của hai cụ Phan cũng đã nổ ra ở nhiều tỉnh thành, nhằm đòi quyền tự do dân chủ cho nhân dân. Riêng tại các nhà trường từ bậc trung học trở lên, hình thức đấu tranh không dừng lại ở mức độ ấy mà còn biểu thị bằng các cuộc bãi khóa.

Bấy giờ Võ Nguyên Giáp đã là đảng viên Đảng Tân Việt.

Trước đó, anh bị đuổi khỏi Quốc học Huế vì là thành viên trong nhóm cầm đầu cuộc bãi khóa của học sinh trường này vào những năm 1927-1928. Ít lâu sau, anh được cụ Huỳnh Thúc Kháng mời vào làm việc ở Báo *Tiếng Dân* và sinh hoạt trong Tiểu tổ Đảng Tân Việt của Tòa soạn báo. Bấy giờ, cụ Huỳnh Thúc Kháng không vào Tân Việt nhưng cụ tôn trọng những người làm cách mạng. Tổ chức giao anh Giáp giữ mối liên lạc giữa các cấp bộ của Đảng này từ các nơi về với Thừa Thiên - Huế.

Nguyễn Thị Quang Thái vì tham gia các vụ bãi khóa ở Trường Nữ học Đồng Khánh nên cũng bị đuổi. Quay trở về nhà, chị cũng vào Đảng Tân Việt và hoạt động tại Vinh.

Rồi đến một ngày, Quang Thái được Tỉnh bộ Tân Việt Nghệ An giới thiệu vào bắt liên lạc với các tổ chức của đảng mình ở Kinh kỳ. Việc đầu tiên của chị là phải gặp cho được Võ Nguyên Giáp.

Nơi trọ cũng là văn phòng làm việc của anh Giáp đặt tại gia đình ông Lê Ấm, con rể cụ Phan Châu Trinh. Ngôi nhà ấy nằm khuất phía sau Kinh thành Huế. Từ cửa Đông Ba rẽ trái, rồi phải, đi qua những cung đường ngoằn ngoèo khó nhận ra nhưng vì trách nhiệm của đoàn thể giao và bởi một sự thôi thúc nào đó chưa hình dung được mà Quang Thái cứ mạnh dạn đi và đã tìm được đến nơi.

Bảy giờ xuất hiện trước chàng thanh niên Võ Nguyên Giáp là một tiểu thư dáng hình mảnh dẻ, xinh xắn, đôi mắt tươi vui, đầy vẻ cương quyết với giọng nói nhẹ nhàng nhưng rắn rỏi. Gương mặt vừa trong sáng vừa dịu dàng ấy có một sức thu hút lạ thường đối với người mà cô đang đối diện. Bỗng nhiên, anh Giáp tự đặt câu hỏi: Không biết con người này, với cặp mắt ấy, mình đã bắt gặp ở đâu, trong hoàn cảnh nào?

Dòng ký ức hiện lại trong anh.

Số là cách đó khoảng một năm, khi Tổng bộ Đảng Tân Việt đã chuyển vào Huế, anh Giáp được tổ chức cử ra Bắc. Trên đường đi phải dừng lại ở Vinh để thông báo với Tỉnh bộ Nghệ An một số vấn đề về chủ trương mới của đảng này.

Anh đóng vai một công tử giàu có, mặc bộ comple hàng hiệu, đội mũ phớt đắt tiền, ngồi toa hạng Nhì trên tàu hỏa. Khi gần đến nơi, nếu xuống rồi không lâu lại lên tàu giữa trung tâm thành phố Vinh thì rất dễ bị mật thám Pháp theo dõi nên anh phải dừng lại khi xe lửa đỗ ở một ga xép, là ga Thôn Thượng (Hưng Nguyên). Từ đó anh còn phải cuộc bộ khoảng bốn cây số theo đường ray. Dân các làng và khách bộ hành qua lại cứ tưởng anh là một công chức đi làm từ nơi xa, nay đang trên đường về thăm nhà. Đến vùng ngoại ô của đô thị, anh gọi một chiếc xe kéo loại sang, nhờ đi đến hiệu cắt tóc Vĩnh Long, phố Thống chế Phúc (nay là đường Quang Trung), nơi

Đảng Tân Việt đặt cơ sở liên lạc của Tỉnh bộ Nghệ An. Anh chàng “công tử” ấy, sau khi trả tiền công cho bác phu xe, trong túi chỉ còn hai hào.

Nguyễn Đình Đoàn dẫn anh đến cơ quan, đóng tại một xóm đạo ở phía Cầu Râm. Người trực tiếp làm việc với anh là một phụ nữ. Trong điều kiện bí mật, các đồng chí ở Vinh tiếp nhận chỉ thị của Tổng bộ xong còn phải lo đủ kinh phí để anh Giáp đi tiếp ra Hà Nội.

Rất tiếc là thời gian và hoàn cảnh không cho phép ở lại lâu dù anh Giáp biết, núi Con Mèo, nơi khai sinh ra hội Phục Việt (tên thuở ban đầu của Tân Việt) ở cách chỗ anh đứng chỉ một thôi đường.

Khi tiễn anh ra ga Vinh, Nguyễn Đình Đoàn chỉ kịp nói:

- Người cán bộ làm việc với anh vừa rồi là Nguyễn Thị Minh Khai. Chị có cô em gái là Quang Thái, cũng rất thông minh và xinh đẹp.

Võ Nguyên Giáp ra ngoài đó để gặp Kỳ bộ Tân Việt của xứ Bắc, mang biệt danh là Nhân Kỳ.

Hành lý của anh vẫn là chiếc vali rất sang ấy, đựng quần áo cùng nhiều tập giấy thông thường. Cái xen lẫn vào trong đó lại là thứ quan trọng, đó là các công văn, tài liệu của đoàn thể.

Xuống tàu ở ga Hàng Cỏ, anh cuốc bộ đến Trường Đại học Đông Dương tại phố Bôliô, nay là đường Lê Thánh Tông. Tôn Quang Phiệt tiếp anh trong một quán nước ở trước ngõ nhà trường rồi họ cùng đi tới trụ sở liên lạc của Kỳ bộ Tân Việt

của đất Bắc - Nhân Kỳ, bí mật đặt tại phố Huế, nằm lọt giữa khu nhà 24 gian, là một trong những xóm Cô Đầu của đất Hà Thành. Thuở bấy giờ, các thông tin quan trọng của đoàn thể được những bậc trí thức đóng các vai “lăng tử” chuyển tải cho nhau ở nơi giao tiếp giữa đời thường của thế gian như vậy đó.

Mấy hôm sau, khi xong việc, Võ Nguyên Giáp trở về, cũng trên một chuyến xe lửa Hà Nội - Huế. Khi tàu đã chạy qua ga Vinh một quãng, nhân có việc phải đi lên ở toa phía trước, anh gặp hai cô gái đang cùng đứng trò chuyện. Trong đó có một người anh quen, ấy là cô Cẩm, nữ sinh Trường Đồng Khánh, em của chị Hải Đường, cùng tham gia bãi khóa năm trước. Cẩm nhận ra anh Giáp. Cô vội chào rồi giới thiệu bạn mình là Nguyễn Thị Quang Thái, nhà ở Vinh, có việc cùng vào Huế. Bấy giờ vì hoàn cảnh công tác không tiện chuyện trò lâu nhưng Giáp đã để ý đến cô bạn của Cẩm với gương mặt trái xoan, dáng đoan trang và đôi mắt sáng. Để đến hôm nay thì anh thực sự bị chính đôi mắt ấy chinh phục. Anh lại cứ nghĩ là không biết tại sao trong dịp ghé lại Vinh dạo nọ, khi tiễn anh ra ga xe lửa, anh Đoàn đã nói về cô em gái của chị Minh Khai để buổi gặp gỡ trên tàu sau đó đã tạo nên ở trong anh một cái gì đó vương vấn.

Trở lại buổi gặp nhau ở Huế, khi anh Giáp tính chuyện thu xếp nơi nghỉ cho khách thì Quang Thái bảo:

- Cảm ơn anh, việc đó sẽ có Cẩm, bạn em lo liệu.

Trời đã cuối thu nhưng tiết giao mùa ở trong này có muộn hơn so với ngoài xứ Nghệ. nắng vàng vẫn rải nhẹ trên bờ sông Hương. Hai người giữ bước đi cách quãng, tưởng như không hề liên quan. Họ nói với nhau trong im lặng, ít ngôn từ mà nhiều ký thác.

Một gốc tùng cổ thụ rũ tóc vàng trong nắng thu. Cây đứng bên đường như là quà tặng cho những trai thanh, gái lịch để cùng hẹn hò, đổi trao. Và, với chàng trai lớn lên ở Đồng Hới, nơi giọng nói giàu “ngọt lịm yêu thương” cùng cô gái đến từ thành phố bên bờ sông Lam “dạt dào sóng nước” thì gốc tùng cũng tựa như người bạn đang âm thầm lắng nghe những tâm tình gửi trao giữa đôi bên. Tuy họ không nhìn nhau nhưng hai trái tim thì lại giao hòa. Chàng thư sinh họ Võ kể cho người bạn gái nghe về dòng sông lớn đất Quảng Bình, cũng là sông rộng nhất miền Trung của Tổ quốc, tức sông Gianh, tên chữ là Linh Giang. Còn con sông nhỏ chảy qua làng quê An Xá, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình quê anh, ấy là dòng Kiến Giang, cũng gọi là sông Đại. Sông này cũng bắt nguồn từ Trường Sơn, chảy len lỏi giữa vùng núi An Mã rồi tuôn xuống đồng bằng, tưới mát cho đồng điền hai huyện Quảng Ninh và Lệ Thủy. Có người nói, trong thành ngữ: “Nhất Đồng Nai, nhì Hai Huyện” thì địa danh “Hai Huyện” là chỉ Quảng Ninh và Lệ Thủy. Có lẽ vì vậy nên có câu ca:

“Ai về cửa bể Quảng Bình

Cá ngon, cơm trắng là mình với ta”.

Về xuôi, Kiến Giang nhập vào phá Hạc Hải rồi cùng đổ ra cửa Nhật Lệ. Phá Hạc Hải còn do nhiều dòng nước khác tuôn về nên rộng mênh mông. Xung quanh phá có những động cát trắng phau. Dưới chân những đụn cát là các trảng đất để trồng cói rồi mới đến cái đầm nước. Cây cói ở đây được đem sánh với lá nón nơi Quy Hậu, Ba Đồn, nên có câu: “Chiếu cói An Xá, nón lá Quy Hậu”.

Tiếng vậy chứ trên bản đồ, người ta chú ý đến sông Nhật Lệ nhiều hơn, tuy cả hai cùng hợp lưu rồi đổ vào phá Hạc Hải, vì Nhật Lệ chảy qua thị xã Đồng Hới. Còn khi nhắc đến cư dân Quảng Bình thì người ta nói đó là những người con của sông Gianh. Mà sự thật về lịch sử và văn hóa, Linh Giang đủ đại diện cho cả Kiến Giang và Nhật Lệ.

Sông Gianh bắt nguồn từ núi Trường Sơn, trên một lưu vực rất rộng mà mỗi ngọn nguồn, mỗi bến nước đều mang trong mình biết bao câu chuyện thần kỳ:

Núi Truôi ai đắp mà cao

Sông Gianh ai bồi, ai đào mà sâu.

(Ca dao)

Võ Nguyên Giáp đưa câu ca đã từ ngàn xưa ấy ra hỏi bạn, Quang Thái chịu không trả lời được và bảo:

- Ôi, Đèo Ngang, sông Gianh, Phong Nha rồi cả Lũy Thầy nữa, đến quê anh, mỗi bước đường lắng đọng mỗi sự tích thần kỳ. Chẳng biết đất có giúp ta học theo được chút gì qua hào khí của cổ nhân. Em nghĩ, những chàng trai như các anh phải trả lời trước các câu hỏi đó. Còn em, ước gì chúng ta cùng nhau có dịp cùng đứng nhìn dòng sông Lam. Bấy giờ em sẽ trả lời anh câu hỏi này.

Lời của Quang Thái bỗng khiến người thanh niên Võ Nguyên Giáp nhớ lại và ngẫm nghĩ về vai trò “Địa giới” của sông Gianh trong thời Trịnh - Nguyễn phân tranh (1627-1672). Qua cuộc độ sức lâu dài ấy, quân Nguyễn tuy non hơn về binh lực nhưng do chủ yếu là chiến đấu trên đất nhà, lại có thành lũy kiên cố nên qua bảy lần giao chiến, quân Trịnh không sao tiến sâu vào phía trong được nên cuối cùng phải chịu giảng hòa, lấy sông Gianh làm giới hạn để phân định Đàng Trong - Đàng Ngoài.

Hệ thống đồn lũy ấy được bố trí cách quãng trên bốn bức thành chạy dài và vững chãi từ tây xuống đông. Trong đó, các bức kiên cố nhất là lũy Trường Dục, bắt đầu từ chân Trường Sơn kéo xuống tận Hạc Hải và lũy Đông Hồi từ núi Đầu Mâu chạy xuôi tới cửa biển Nhật Lệ. Các bức lũy ấy đắp từ năm 1630 đến năm 1634 và được gọi chung là Lũy Thầy vì do Đào Duy Từ, bậc quân sư kiệt xuất đã giúp chúa Nguyễn Phúc Nguyên tổ chức xây đắp.

Lớn lên trên vùng sông Gianh - Lũy Thầy, dải đất một thời binh đao kéo dài rồi bị chia cắt hàng trăm năm, Võ Nguyên Giáp đã bắt đầu nghĩ về những bài học quân sự của tiền nhân và ít nhiều có những nhận thức rằng, sự phân liệt sơn hà của những triều đại phong kiến như vậy hẳn đã làm cho kinh tế của nước nhà chậm phát triển và các thế lực bên ngoài dễ lợi dụng mà len vào. Bài học về đoàn kết dân tộc và thống nhất đất nước, tuy còn mơ hồ nhưng đã nhen nhóm trong ý thức của chàng thanh niên họ Võ, đảng viên Đảng Tân Việt hồi ấy.

Quang Thái đọc được nét suy tư ở người bạn trai, cũng là người đồng chí rồi hỏi:

- Chắc anh đang nghĩ về một điều gì khác?

- Không, không... cũng là việc chung thôi mà! -

Chàng trai đáp vội để cô gái yên lòng.

Quang Thái nhận ra nơi vầng trán rộng và cao ở người bạn một chút vẻ tang bồng. Rồi từ trong lòng mình, cô muốn hỏi thêm đôi ba câu chuyện nhưng thời gian không còn.

Hai người tạm chia tay nhau ở đó.

Xa người nhưng gương mặt tươi vui cùng vẻ đẹp trang nhã từ miệng cười và đôi mắt diễm lệ của nàng thì đọng lại trong hồn của kẻ phải tạm cách chia.

Họ đã thuộc về nhau rồi sao!

Về việc ngắm dòng sông Lam mà ở phía tả ngạn thuộc vùng hạ du có làng Sen, làng Chùa,

nơi cậu Nguyễn Sinh Cung về sau là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã cất tiếng khóc chào đời, được nuôi lớn rồi bước đến với nhân loại là điều Võ Nguyên Giáp hằng ao ước nhưng chưa có dịp nào, dù đã vài lần anh từng ngồi trên xe lửa, băng qua các con cầu trên sông Cả, sông La.

Số là kể từ lần đầu, hồi lên trung học, anh được học với Giáo sư Đặng Thai Mai. Thầy là con trai của Phó bảng Đặng Nguyên Cẩn, người làng Lương Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Cụ thân sinh ra thầy đã từng hoạt động Văn thân, bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Cụ đã từng sống những ngày “Đặng, Huỳnh, Ngô ba bốn bác hàn huyên, khi nhấp rượu, lúc ngâm thơ, trước cửa ngục lầm than mà khảng khái” (Phan Bội Châu). Thầy Mai từng theo Nho học, khi đã đủ trình độ để thi Hương thì người Pháp buộc Chính phủ Nam triều phải bãi bỏ các kỳ thi chữ Hán. Lớp nho sinh như thầy ở đất Nghệ có cả Nguyễn Sĩ Sách, Tôn Quang Phiệt,... phải chuyển sang Tân học. Sau đó, tuy giỏi tiếng Pháp, tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm, dạy ở trường Quốc học nhưng thầy vẫn trau dồi chữ Hán. Thấy anh Giáp là người ham học, vào một dịp nghỉ hè, thầy đã rủ anh ra Vinh. Và cả hai người đã cùng đến học với vị cử nhân Hồ Phi Huyền ở phố Khách.

Cụ Cử Hồ đổi công cho một số chủ hiệu thuốc Bắc bằng cách cụ kê đơn, chỉ cho bệnh nhân mua thuốc ngay ở hiệu này; còn chủ hiệu thuốc thì họ

dành cho cụ một căn phòng ở sát sân nhà ngoài để ăn nghỉ và cũng là để “bảo vệ cơ ngơi” cho họ! Có điều là cụ không bao giờ để trống thời gian. Ban ngày, cụ kê đơn cho gia đình bệnh nhân đến từ nhiều làng quê, thậm chí từ những nơi rất xa, vì họ nghe tin về sự hiệu nghiệm của những thang thuốc do thầy kê đơn. Chủ hiệu thuốc rất mừng và thêm quý ông Cử bởi sự giỏi giang và thanh bạch. Khi đêm về yên tĩnh, cụ ngồi viết sách. Hai tác phẩm nổi tiếng *Đạm Trai văn tập* và *Nhân đạo quyền hành* được cụ viết tại nơi này. Thầy Mai có trình độ cao nên tiếp thu được từ cụ nhiều hơn, về sau thầy trở thành con rể của cụ. Với Võ Nguyên Giáp, đương nhiên, sức tiếp thu không bằng thầy học của mình nhưng đây là những ngày tháng rất bổ ích cho anh. Mỗi lời giảng của cụ Cử có chất lý luận (ta thường gọi là lôgic triết học) rất cao và thấm đượm tính nhân đạo rất sâu. Cụ thường nói với các môn đệ rằng, người không có năng lực lý luận thì khi gặp cảnh nguy nan trong quan hệ xã hội, họ sẽ khó mà phân biệt rõ đúng, sai để định ra được cách xử lý việc đời cho thích hợp. Đó cũng là điều mà sau này anh Giáp thường nhắc lại với em trai mình là Võ Thuần Nho, cả khi ông Nho đã là Thứ trưởng Bộ Giáo dục.

*

* *

Còn về Nguyễn Ái Quốc, người con được sinh ra trên bờ sông Lam, khi vừa xuất hiện trên các báo

chí ở Pari liền được các chính khách ở bên đó tôn xưng là “Lơ Patorióttò Nguyễn” (Le Patriote Nguyễn), tức “Ông Nguyễn Yêu nước”. Tin đó sớm được truyền về Đông Dương và những bài viết của Người. Với anh Giáp, do hoạt động trong điều kiện bí mật, nên chỉ biết qua tài liệu mà chưa được tiếp xúc và quen biết, nhưng tấm hình người thanh niên mặc Âu phục, đội mũ phớt, có đôi mắt sáng, kiên nghị, có sức nhìn như thấu suốt mọi tình cảnh của nhân gian thì anh không thể nào quên.

Nhớ mấy năm về trước, khi đã bị đuổi học vì tham gia bãi khóa, về sống với gia đình ở An Xá, Võ Nguyên Giáp được Nguyễn Chí Diểu tìm đến nhà, trao cho cuốn sách *Chủ nghĩa cộng sản* viết bằng tiếng Pháp, in ở Brúcxen, Bỉ, cùng một số tài liệu nói về Liên hiệp các dân tộc bị áp bức trên thế giới và mấy văn bản ghi chép từ các cuộc họp của những người cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu (Trung Quốc), đặc biệt trong đó có bài nói chuyện của đồng chí Lý Thụy. Trước khi ra về, đồng chí Diểu còn mách nhỏ để anh Giáp biết, các tài liệu ấy được chuyển về là do chủ trương và công sức của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Và, Lý Thụy là mật danh của Người.

Có được số tài liệu ấy, anh Giáp lần lượt mang ra lùm cây sau vườn, trèo lên chỗ cành rậm, ngồi đọc. Cứ sau mỗi đoạn, mỗi chương anh lại liên hệ đến cách hành văn của Nguyễn Ái Quốc trong tập

“Bản án chế độ thực dân Pháp” mà anh Nguyễn Khoa Văn¹ đã bí mật cho mượn. Sau này, Võ Nguyên Giáp viết trong cuốn sách *Những chặng đường lịch sử*: “Lần đầu tiên tôi được đọc một tập tài liệu có hệ thống về chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa quốc tế. Có thể nói là, tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản đã được cắt nghĩa lần lần qua từng trang sách. Sau đó, tôi trở lại Huế, lần này không phải đi học mà là đi hoạt động cách mạng”.

Vào quãng thời gian tham gia Đảng Tân Việt và làm Báo *Tiếng Dân* ở đất Kinh kỳ, càng tiếp xúc với những tài liệu, báo chí từ cả nước ngoài gửi về, anh Giáp càng hình dung đến cây bút viết nghị luận và châm biếm sắc sảo Nguyễn Ái Quốc, nên anh càng thiết tha được tìm hiểu về con người lỗi lạc đó. Chưa được tiếp kiến trực tiếp thì cũng phải đi đến vùng quê nơi đã sinh ra và nuôi lớn Người, để tự cắt nghĩa được phần nào những băn khoăn, thắc mắc của mình, nhằm giải đáp được điều bản thân luôn suy nghĩ: Vì sao nước Nam này lại có được một nhân vật lớn như vậy? Để sau này, nếu may mắn được gặp Người thì mình sẽ bớt đi phần nào sự ngỡ ngàng.

Rồi đến một ngày, chàng thư sinh họ Võ thực sự được đến với sông Lam. Cùng với công việc của đoàn thể, chàng còn tới để đòi lại “món nợ” mà

1. Bút danh là Hải Triều, nhà lý luận mácxít của Đảng.

người bạn gái đã hứa là trả trọn khi họ cùng được ngắm nhìn dòng sông này.

Chàng đánh bạo đến thăm nhà của ý trung nhân (số 139, đường Thống chế Phốc (Maréchal Fock), về sau gọi là phố Ga), lấy cớ là cùng hoạt động nên quen biết Quang Thái, nhân có công tác phải ra ngoài này, rồi được bạn mời về. Gia đình ông Hàn Bình thường vốn đông khách khứa lui tới nhưng chàng thư sinh đến từ sông Gianh này quả đã để lại cho chủ nhân một ấn tượng đẹp.

Được phép của ông bà Hàn, hai cô cậu đến bến Cửa Tiên, thuê một chuyến dò dọc, đi ngược sông Lam. Đến Sa Nam thì họ lên bờ, trà trộn vào buổi chợ phiên, giả dạng mua bán, xong rồi lại xuống thuyền chứ không dám đi xa. Thế cũng đủ để đôi bạn trẻ hình dung ra cả một dải hạ lưu của sông, một mạch chảy, nơi đã sản sinh ra biết bao những anh hùng, hào kiệt của mỗi thời.

Vùng Cát Ngạn bên hữu ngạn sông là nơi hồi thế kỷ X, quan Thứ sử Đinh Công Trứ đã đóng trấn sở. Bà Đàm Thị là Đinh phu nhân đã tới đây và có mang trên đất này rồi sinh ra người con trai mà về sau đã đánh bại 11 sứ quân khác để lập nên cơ nghiệp nhà Đinh, thống nhất đất nước. Ấy là vua Đinh Tiên Hoàng. Bên tả ngạn, từ trên xuống, cách ngã ba Cửa Rào (cái rốn của cộng đồng dân tộc Mường thuở trước) về xuôi không xa là đất Thành Nam. Tương truyền khi quân Minh mới sang xâm chiếm nước ta, chúng

đã bắt Nguyễn Trãi đem vào giam lỏng ở nơi này¹. Tiếp đến là doanh trại Trà Lân, nơi hồi thế kỷ XV, nghĩa binh của Lê Lợi đã đánh tan đạo quân xâm lược Minh đồn trú tại đây. Cứ thế, vẫn bên tả ngạn xuôi dưới chân núi Vệ Sơn, tại xã Hương Lãm, huyện Nam Đàn là di tích thành Vạn An, nơi vào năm 722, Mai Thúc Loan đã phát cờ khởi nghĩa rồi từ đó tiến ra Tống Bình (Thăng Long sau này) đuổi viên quan đô hộ nhà Đường là Quang Sở Khách chạy về Tàu. Đất nước được giải phóng, ông lên ngôi hoàng đế. Cứ thế, về xuôi, có thôn Đan Nhiệm của Giải nguyên Phan Bội Châu và đi về phía tay trái một quãng, ấy là làng quê của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Cũng ngang chặng ấy, bên hữu ngạn sông là các làng quê của hai vị Thám hoa đỗ cùng khoa (Quý Sửu -1853). Đó là Thám nhất Nguyễn Đức Đạt và Thám nhì Nguyễn Văn Giao. Khuất về phía xa tây nam, là nơi ở ẩn của La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp, người đã giúp Hoàng đế Quang Trung, với “*Một lời nói mà nên nổi cơ đồ*”. Sau đó, sông chảy về xuôi, bên tả là huyện Hưng Nguyên, bên phải là phủ Đức Thọ (Hà Tĩnh). La Giang sau khi chảy qua làng quê của Đình nguyên là nhà lãnh tụ Cẩn vương Phan Đình Phùng thì theo hướng đông nam mà đổ vào Lam Giang. Nơi ngã ba sông ấy, phía hữu ngạn

1. Theo dân gian, thế mới có câu: “*Góc Thành Nam/ Cơm một niêu, lều một gian/ No nước uống, thiếu cơm ăn*” trong thơ Nguyễn Trãi.

là Phù Thạch, còn bên tả ngạn là Triều Khẩu, có dãy núi Lam Thành đổ bóng. Gọi là Lam Thành bởi xưa kia đây là trấn sở của nhà Trần. Về sau (vào thế kỷ XV), tướng giặc Minh là Trương Phụ chiếm đóng. Ý cho đắp thêm thành và xây cao cột cờ để chống lại lực lượng kháng chiến của nhà Hậu Trần. Nhưng rồi ngược lại, mấy năm sau, chính nơi này, Lê Lợi đã dùng kế vây thành, diệt viện để tiến lên đuổi sạch quân xâm lược Minh, giải phóng cả nước. Cần nói thêm, ở chặng ấy, bên hữu ngạn sông còn có làng quê của vị sứ thần Nguyễn Biểu, người đã vì nền độc lập của dân tộc mà dám cả gan ăn cỗ đầu người trước mặt tướng giặc Minh, dù ngay sau đó ông đã bị chúng sát hại. Từ đây, Lam Giang thêm rộng lòng sau khi nhận thêm các ngôi lạch ở vùng Can Lộc, quê hương danh sĩ Nguyễn Thiếp, Thám hoa Nguyễn Huy Oánh, thân sinh nhà thơ Nguyễn Huy Tự. Tiếp đến, khi chảy sát dải đất Nghi Xuân là quê hương Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ thì sông hòa vào biển cả. Cần nói thêm, khi về xuôi, đặng phải núi Hồng Lĩnh thì sông Lam mở rộng lòng mà ôm lấy thị xã Vinh - Bến Thủy, một trung tâm kỹ nghệ và thương mại lớn của khu vực Bắc Trung Kỳ.

Lam Giang cũng như Linh Giang, mỗi khúc sông, mỗi bến nước còn ghi dấu tài thao lược đuổi giặc ngoại xâm, giữ yên bờ cõi của người xưa. Khi đất nước còn bóng kẻ xâm lăng thì bốn phận của những người con trai, con gái như Võ Nguyên Giáp,

Nguyễn Thị Quang Thái,... còn phải vươn lên vì nợ nước, thù nhà.

Từ hồi Trịnh - Nguyễn phân tranh cho đến hết thời Tây Sơn, vùng đất mà trấn thủ Nghệ An phải kiêm quản đã vào đến sát tận sông Gianh. Như thế, lịch sử đã ghi nhận một hệ quả nghịch của chiến tranh, đó là có một thời, hai con sông Linh Giang và Lam Thủy đã trở thành cật ruột nối nguồn với biển ở dải đất thuộc Bắc miền Trung.

Nhìn non, nhìn nước mà ngẫm nghĩ, thì ra, bước đến nơi này, “món nợ” mà chàng thư sinh họ Võ được nhận lại là khúc hát đò đưa:

*Ai biết nác sông Lam rằng là trong, rằng là đục
Thì biết cuộc đời rằng là nhục, rằng là vinh.
Thuyền em lên thác xuống ghềnh,
Nác non là ngãi, là tình... ai ơi!¹*

Thế rồi, khi thấy đôi mắt chàng trai đượm buồn, cô gái gọi chuyện, và được nghe kể về chuyện của gia đình anh thuộc một thời đã xa:

- Trên dòng sông Kiến Giang chảy qua làng An Xá quê anh, vào mùa lụt của một năm Thìn, nước ngàn tuôn về đột ngột, làm ngập cả cái gác lúa, trong ấy gọi là cái tra. Nước cuốn trôi cả mẹ và chị gái, tên là Châu. Mẹ nhờ mớ tóc dài cuốn vào bờ tre nên ba cứu được. Còn chị Châu thì mất tích,

1. Tiếng địa phương trong câu ca: “rằng” là như thế nào, có sao; “nác” là nước.

không có mộ! Trước đó thì anh Toại, người con lớn nhất nhà bị dịch tả, một thứ dịch bệnh cướp đi mạng người trong chốc lát. Anh Toại van: “Thầy ơi, cứu con với”. Thầy có biết làm thuốc nhưng anh Toại lâm vào một thứ bệnh tình quá quái ác, thầy cũng đành nhắm mắt mà khóc!

Nghe chuyện, Quang Thái đỏ hoe đôi mắt rồi ngâm ngùi nói:

- Khi con người chưa đủ sức khắc phục mọi thứ thiên tai, dịch tễ thì “mỗi con sông là một dòng sữa pha lẫn nước mắt”, anh nhỉ!

Như để khỏi gọi thêm những hoài niệm buồn, Võ Nguyên Giáp nói:

- Tuy nhiên, sông vẫn giúp sự sống của nhân gian. Mỗi con người đều được sinh ra ở trên lưu vực của một dòng sông và dù hoàn cảnh sống như thế nào thì họ cũng mang hình ảnh về con sông ấy trong suốt cuộc đời của mình. Mỗi dòng sông nuôi sống một miền quê, tạo nên một nền hay ít nhất cũng là một vùng văn hóa mang đặc thù của xứ sở ấy, trong đó có việc sản sinh ra những nhân tài.

Họ lại cùng liên tưởng đến đồng chí Nguyễn Ái Quốc, con người đang cuốn hút họ bởi những tác phẩm nổi tiếng trong việc tuyên truyền về đường lối cách mạng giải phóng cho các dân tộc bị áp bức bởi chủ nghĩa thực dân. Các sách báo ấy được chuyển về từ Pari, từ Mátxcơva cũng như từ Quảng Châu (Trung Quốc).

Quang Thái nói:

- Tuy chưa được gặp nhưng từ lâu chúng ta đều đã trở thành những học trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc rồi, anh nhỉ!

Giọng Quang Thái nói đầy vẻ âu yếm. Tình yêu giữa hai người đã không thể chia cắt nhưng vì công việc của đoàn thể, họ chưa có điều kiện để cùng chung một mái ấm gia đình. Phải đợi đến mấy năm sau, khi cả hai cùng ra khỏi nhà tù của thực dân Pháp, điều đó mới được thực hiện.

*

* *

Vào một buổi chiều nọ, ông Phan Kiêm Huy, người cùng huyện với bà Hàn Bình, trước ở trong Tổng Bộ Tân Việt mà bấy giờ là cựu chính trị phạm, mở trường dạy học ở Vinh, ông đã giúp vào việc tác thành cho đôi lứa.

Lấy chỗ quen biết, ông Phan dẫn Võ Nguyên Giáp đến nhà Quang Thái để chính thức cầu hôn. Trước khi đi, ông Phan nói với chàng Võ:

- Ông Hàn người Bắc. Tục lệ dạm hỏi ở ngoài đó tế nhị và cách bức lắm, cậu thử nghĩ xem mình có vượt qua được không?

Chàng trai nói:

- Thưa chú, chỉ sợ là mình không hiểu ý của người ta để thực hiện mà thôi.

Ông Phan:

- Thế thì được. Chuyện đó, với một thanh niên sắc sảo và tế nhị như cậu, chắc sẽ không đến nỗi nào.

Ông Phan sắm giúp chàng một bộ: áo lương, quần cát bá trắng tinh, khăn đóng vải lượt đen nhánh và đôi xăngđan da thuộc màu nâu sẫm.

Khi tới nhà Quang Thái tại phố Ga, sau mấy câu chuyện xã giao mở đầu, ông Phan Kiêm Huy nói rõ mục đích về sự có mặt của họ.

Người đàn ông giúp việc trong nhà đang chờ để được sai phái cũng rất tinh ý, nhìn tân lang, cười, rồi liền lấy một chiếc chiếu hoa trải ra giữa nhà. Võ Nguyên Giáp hiểu ý, bước tới và quỳ xuống, cung kính lạy bố mẹ vợ tương lai hai lạy, theo đúng phong tục của người Kinh Bắc thuở ấy. Ông Hàn cảm động đến bất ngờ, vội chạy lại, đỡ chàng trai đứng lên. Bà Hàn từ bối rối đến ngỡ ngàng, kéo ngăn tủ lấy ra hai lạng vàng rồi gọi cả Quang Thái lại, trao cho họ và nói:

- Thầy u cho hai con để làm vốn.

Đôi lứa cùng khóc!

Sau bữa cơm thịnh soạn, trên đường về, ông Phan nói:

- Cậu giỏi lắm, nhập vai rất linh hoạt. Tổ mà còn em gái, tổ gả trước cho cậu rồi kia!

Võ Nguyên Giáp vẫn cười, bẽn lẽn.

Nhưng rồi cuộc đời dâu bể...

Võ Nguyên Giáp còn gặp lại dòng sông Lam này trong một hoàn cảnh khác. Bấy giờ anh đã là bạn chiến đấu thân thiết của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Thế là đối với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, trên chiều dài đất nước, qua cuộc đời hoạt động cách mạng và chỉ huy trận mạc, ít nhất có ba dòng sông lớn trên bản đồ Tổ quốc đã gắn bó với cuộc đời của ông: Linh Giang, Hồng Hà và Lam Giang.

TỪ TÂY HỒ ĐẾN THÚY HỒ

Trong những năm tháng kế tiếp, Võ Nguyên Giáp vừa hoạt động vừa học tập, thi đỗ Cử nhân khoa Luật tại Đại học Đông Dương (Hà Nội)¹ rồi tham gia giảng dạy ở một số bộ môn để làm công tác tuyên truyền cho đoàn thể.

Trong thời kỳ phong trào Mặt trận Bình dân (1936-1939), Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Quang Thái cưới nhau. Rồi cả hai cùng được đoàn thể bố trí ra Bắc. Anh dạy môn Lịch sử tại Trường Trung học Tư thực Thăng Long, tham gia viết bài cho các tờ báo công khai. Chị làm công tác phụ vận, là cán bộ nòng cốt của Mặt trận Dân chủ thành phố. Họ đã có một cháu gái đặt tên là Hồng Anh.

Từ khoảng cuối năm 1939, khi chính quyền của Mặt trận Bình dân ở bên Pháp đổ thì phong trào đấu tranh công khai tại Đông Dương cũng bị thực

1. Xem William J. Duiker: *Hồ Chí Minh - Một cuộc đời* (có bản dịch là *Hồ Chí Minh - Chân dung một cuộc đời* (Ho Chi Minh a Life), Hyperion, New York, 2000. Phòng Phiên dịch Bộ Ngoại giao dịch (chưa in), Hà Nội, tháng 5/2001).

dân Pháp khủng bố nên ta lại phải tiến hành đấu tranh bí mật.

Vào một ngày thứ sáu của tháng 5/1940, sau khi dồn dạy hết các giờ ngày hôm sau của tuần lễ đó, thầy giáo Giáp nói với học trò: “Vì ở quê có việc cần, thầy phải xin phép nghỉ mấy hôm”. Thế là anh có trọn vẹn cả ngày thứ bảy cho chuyến đi theo như kế hoạch của đoàn thể. Đồng thời, anh cũng đã có thư xin phép ông Đốc trường là Hoàng Minh Giám, viện lý do rằng, mình về thăm nhà rồi bị mệt ở trong quê nên sẽ ra trễ. Thư đó được gia đình gửi từ Quảng Bình ra cho nhà trường theo đường bưu điện. Ông Giám cũng là một vị giáo sư nhiệt tình với cách mạng. Ông không ngăn cấm các thầy giáo và học trò có những hoạt động yêu nước. Tất nhiên, khi bức thư ấy đến tay người nhận thì thầy Giáp đã ở một nơi rất xa Hà Nội.

Sau giờ giảng cuối của chiều thứ sáu nói trên, Võ Nguyên Giáp lững thững bước về phía Hồ Tây như người đi dạo mát. Không khí ở đây vào một chiều đầu hè như vừa thôi thúc bước chân, lại như vừa muốn níu giữ anh lại. Những đóa hoa phượng đỏ lấp ló sau vòm lá, những tiếng ve vào vụ gợi cảm giác nồng nàn của cả một mùa hạ nắng nỏ, tràn đầy sinh lực của tuổi ba mươi thuộc lớp người như anh. Tuy nhiên, anh tự nhủ là phải cẩn trọng. May mà qua mỗi quãng đường, nhìn trước, nhìn sau anh thấy không có một bóng người nào khả nghi là mật thám qua lại.

Đến đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên), nhìn vào chỗ bên một nơi vắng người, anh thấy Quang Thái đang ẵm bé Hồng Anh, đứng đợi.

Quang Thái cũng muốn tham gia hoạt động bí mật, càng xa càng thích nhưng lúc đó bé Hồng Anh chưa đầy năm, không gửi ai chăm nuôi được, nên chị đành gác lại hoài bão ấy.

Hai người không dám đến gần nhau. Quang Thái luôn hướng đôi mắt trông ra hồ để những người qua lại khỏi chú ý. Anh Giáp bảo:

- Ráng thêm tí nữa, khi con của chúng mình cứng cáp lên thì ta gửi bé về Vinh, có ông bà ngoại và các cậu, các dì giúp đỡ, bấy giờ, nhà có thể đảm nhận công tác bí mật.

Quang Thái vẫn không dám nhìn chồng. Chị ngoảnh đi khi đôi mắt rơm rớm:

- Cũng đành phải đợi thôi!

Rồi chị ôm con mà hôn thật nhiều, như để làm thay cho cả phần của chồng. Chị vẫn nói mà không ngoảnh lại, khuyên anh cố giữ gìn sức khỏe và phải hết sức cẩn trọng trong sinh hoạt, thỉnh thoảng gắng tìm cách cho nhà biết tin.

Khi họ đang đóng vai những người “không quen biết nhau” như thế thì một chiếc xe kéo tiến sát sau lưng anh. Bác “phu xe” hỏi:

- Thầy có đi đâu không ạ!

Anh Giáp quay lại, nhận ra đó là Giáo Minh!.

Số là, hồi tháng Tư, chính Giáo Minh đã báo tin cho anh Giáp, bảo tối gặp đồng chí Hoàng Văn Thụ. Nơi họ hẹn nhau là Chèm. Tại đó, suốt một đêm,

đồng chí Thụ nói cho anh Giáp nghe về những nghị quyết của Đảng trong Hội nghị Trung ương lần thứ 6 vừa qua mà nội dung chính là: Chúng ta phải chống tất cả các kẻ thù xâm lược đến từ bên ngoài, không kể là da trắng hay da vàng, để tự giải phóng, giành độc lập thực sự. Lúc này, hình thức tổ chức là Mặt trận Dân chủ không còn thích hợp nữa. Với hoàn cảnh hiện tại, Đảng đã chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế, nhằm tập hợp mọi lực lượng chống chiến tranh đế quốc, giải phóng, giành độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương. Vì biết trước là kẻ địch lại điên cuồng khủng bố nên Đảng lại phải đưa quân chúng trở lại hoạt động bí mật để chuẩn bị cho công cuộc đấu tranh giải phóng. Đồng chí Thụ cho biết, theo quyết định của Đảng, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp sẽ được bố trí vượt biên, sang nhận công tác ở Trung Quốc. Cho nên từ đó, anh Giáp vừa dạy, vừa lo chuẩn bị cho việc xuất dương. Anh Đồng, sau ngày được ra tù từ Côn Đảo trở về, sức vẫn yếu nhưng khi nhận được tin đó thì rất phấn khởi, người như khỏe thêm ra. Cũng quãng thời gian ấy, biết các anh là những cán bộ của Đảng đang hoạt động công khai, bọn mật thám Pháp theo dõi rất riết, nên việc đưa tin cho nhau là rất khó khăn. Những chiến sĩ như Giáo Minh giữ vai trò rất quan trọng.

Ít lâu sau, Giáo Minh lại đến bảo anh Giáp rằng, đồng chí Thụ cần gặp anh để trao đổi

thêm. Địa điểm là một nơi ở gần thị xã Hà Đông. Anh Giáp đi tàu điện, đến ga Cầu Mới thì xuống rồi rẽ vào nghĩa trang Quảng Thiệu. Một người mặc áo dài đen, đội khăn xếp, tay cầm cây ô đang đứng chờ. Đó là Hoàng Văn Thụ.

Anh Giáp được nghe truyền đạt với ý: Tình hình này, sớm muộn gì phát xít Nhật cũng sẽ chiếm Đông Dương. Có thể lúc đó quân Đồng Minh cũng đổ bộ vào. Bấy giờ đòi hỏi chúng ta phải có lực lượng vũ trang. Mà hoàn cảnh, địa thế đất nước mình thì đấu tranh du kích là hữu hiệu và kịp thời. Đồng chí Thụ cũng nói rõ những nhiệm vụ trước mắt rồi dặn, sang bên đó, chắc các anh sẽ được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nên phải chuẩn bị sẵn tinh thần để khi nghe Người nói thì mình dễ tiếp thu.

Trước khi chia tay, anh Thụ dặn thêm:

- Nếu được gặp Người thì anh nhớ hỏi xem, ý định thành lập “Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông” hiện nay như thế nào?

Lúc chia tay, Võ Nguyên Giáp biết lần này rồi phải xa nhau lâu nhưng anh đâu có ngờ, đó lại là giây phút cuối cùng mình được gặp Hoàng Văn Thụ, một vị lãnh đạo kiệt xuất của Đảng!

Qua lời căn dặn của đồng chí Thụ, anh Giáp nhận ra rằng để bảo đảm được công việc giải phóng dân tộc trong hoàn cảnh tới thì chúng ta phải có lực lượng quân sự. Về phương diện này, Đảng mình đã có kinh nghiệm trong việc tổ chức các đội Tự vệ Đỏ thời cao trào cách mạng 1930-1931.

Đã hơn mười năm rồi, nhưng những tấm gương vượt khó, dũng cảm hy sinh của các chiến sĩ Xích vệ ấy khiến lớp trẻ hôm nay hết sức khâm phục, noi theo. Hình ảnh về các tráng sĩ “vung gươm ra sa trường” dù mới chỉ trong tưởng tượng cũng đã nổi dài sự thu hút sức trai muốn “đứng lên đáp lời sông núi”.

Chẳng biết vì đâu mà việc lập những đội quân để đấu tranh đuổi quân xâm lược, việc phải đem sức mình mà giải phóng cho mình, việc phải có tổ chức, phải có lực lượng là những chuyện cứ làm cho Võ Nguyên Giáp trầm trở, suy nghĩ.

Anh nhớ là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, khi đến Quảng Châu, công việc đầu tiên của Người là huấn luyện cho thanh niên về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc theo trào lưu mới rồi chọn và gửi họ vào học ở Trường Võ bị Hoàng Phố để làm nòng cốt bồi dưỡng những đội “Xích vệ” cho các trận chiến mới mà dân mình buộc phải tiến hành. Võ Nguyên Giáp cũng nhớ đến một số tờ báo bí mật mà anh đã được đọc, trong đó nói nhiều đến chiến tranh du kích chống Nhật ở những căn cứ rất rộng lớn của Bát lộ quân và Tân tứ quân Trung Quốc. Rồi nhìn lại lịch sử thế giới, hồi thế kỷ XVIII, đội quân hùng mạnh nhất trời Tây của Napôlông (Napoléon) cũng bị sa lầy bởi chiến tranh du kích của nhân dân nước Tây Ban Nha. Đúng như anh Hoàng Văn Thụ nói, với hoàn cảnh của đất nước mình, trước mắt để chống lại các thế lực ngoại xâm thì phải dùng chiến thuật

đánh du kích. “Du kích chiến”, một ý niệm khiến Võ Nguyên Giáp cứ mãi nghĩ suy. Dù dạo ấy, thời gian ở lại Hà Nội không còn nhiều nhưng anh vẫn đến thư viện mượn cuốn sách *Đại Từ điển bách khoa* để tra đọc những ý kiến trình bày về tác dụng trong chiến đấu của súng trường và lựu đạn. Anh nghĩ, đó cũng là một sự chuẩn bị tinh thần để tiếp thu ý kiến như đồng chí Hoàng Văn Thụ truyền đạt khi anh được sang nước bạn.

Được biết, rất có thể mình sẽ được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, anh Giáp mừng khắp khởi. Kể từ khi mới tham gia Đảng Tân Việt, tổ chức đã có ý định sẽ cử anh sang Quảng Châu để được dự một lớp huấn luyện do Người trực tiếp giảng dạy nhưng rồi bởi nhiều lý do khách quan nên với anh, điều mong ước ấy đã không thành. Tuy chưa được gặp nhưng từ đó, qua các bức ảnh, các chuyện kể, hình bóng của Người luôn hiển hiện trong tâm trí anh. Rồi một hôm bỗng nghe tin Người đã mất vì bệnh lao phổi ở trong nhà tù đế quốc tại Hồng Kông (Trung Quốc), anh Giáp đã cứ khóc mãi. May mà đó chỉ là một tin thất thiệt, đồn nhảm bằng miệng hay trên một số tờ báo của phía thực dân. Nay sắp được ra nước ngoài và có thể được gặp Lãnh tụ, lòng anh Giáp khôn xiết mừng vui và mong mau tới ngày ấy.

Giáo Minh đến thật đúng lúc. Bấy giờ tâm trạng của Võ Nguyên Giáp thật nao nao, khó tả. Vì từ đây anh phải cách xa gia đình nhỏ bé mà đây yêu thương, hạnh phúc của mình. Không tìm

giữ được cái vẻ “thờ ơ” trong tình cảm nồng cháy, Quang Thái ngược lên nhìn chồng. Anh Giáp đưa đôi mắt cương nghị của chàng thanh niên ngoài ba mươi tuổi mà đã được một nữ kỹ giả phương Tây, bà Ôriana (Oriana Fallaci) nhận xét là: “Đôi mắt thông minh nhất mà tôi từng thấy” sang trừu mển nhìn người bạn đời như để thay cho vòng tay ôm thương nhớ. Quang Thái trở về. Trời Hồ Tây đã ngả màu tím. Phong cảnh đường Cổ Ngư đẹp một cách huyền ảo. Chị ôm chặt con gái vào lòng và biết, Hồng Anh chưa hiểu gì giây phút mà thêm một lần cả mẹ và bé được soi mình vào đôi mắt của ba.

Giáo Minh đưa anh Giáp đến một quán cơm nhỏ ở cuối đường Yên Phụ. lát sau, anh Đồng cũng tới. Hai người nghỉ đêm lại đây để tránh sự dò la của bọn cảnh sát Pháp. Sáng ra, họ lên xe lửa ở ga Đầu Cầu (ga Long Biên) để ngược Lào Cai theo vé tàu mà Giáo Minh đã lo sẵn. Để giữ bí mật, mỗi người ngồi riêng một nơi. Anh Giáp lấy chiếc kính râm to bản ra đeo để ít nhiều che mắt những ai có ý tò mò.

Từ lúc bước lên xe lửa để xuất biên, lòng Võ Nguyên Giáp thêm phấn chấn, nghĩ đến cái phút khi mình đã bước qua được biên giới thì bản thân sẽ như cánh chim sổ lồng, trời sẽ cao hơn, đất sẽ rộng hơn, rồi sẽ gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và qua sự dẫn dắt của Người, mình sẽ làm thêm được nhiều việc quan trọng, có ích cho Tổ quốc, cho đồng bào. Nhưng mặt khác, anh nghĩ, trên tỉnh

Vân Nam của nước Trung Quốc rộng lớn, nơi mình sắp đi tới, tình hình cũng không phải đã thật sáng sủa bởi tướng Long Vân đứng đầu Quốc dân Đảng đóng ở đó vốn là một tên quân phiệt chống Cộng khét tiếng.

Vì Giáo Minh - người tổ chức cho hai anh Đồng và Giáp vượt biên phải đi chuyến tàu sau nên khi xe hỏa chạy đến ga Yên Bái thì Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp phải tạm xuống, ngủ đêm tại đây để chờ đi cùng khi chuyến tàu có Giáo Minh vào ngày hôm sau.

Ba người cùng xuống một ga nhỏ cách trung tâm thị xã Lào Cai một ga. Cả ba người phải đi vòng quanh ở phía ngoài thị xã để vượt Hồng Hà ở khúc sông gọi là Nậm Thi. Bên kia đã là Hà Khẩu, huyện Hà Quảng Trung Quốc. Đất đai hai bờ khúc sông này lúc bấy giờ đều thuộc quyền kiểm soát gắt gao của thực dân Pháp. Anh Đồng và anh Giáp phải nấp trong một bờ lau chờ Giáo Minh chuẩn bị phương tiện riêng để vượt sông. Lúc Giáo Minh kiếm được một chiếc bè nhỏ bồng có chiếc canô của bọn cảnh sát Pháp đi tuần lướt tới. May mà bọn chúng không biết gì về hoạt động của các anh. Chờ cho chiếc xuồng máy kia đi khỏi, Giáo Minh liền chống bè đến đón hai anh. Nhưng chiếc bè rất mảnh chỉ đủ cho hai người nên anh Đồng bảo bạn mình sang trước.

Anh Giáp qua được sông rồi đứng đợi, mong cho chuyến bè tiếp sau được an toàn. Và vạn sự

đã như ý. Nhìn về phương Nam, ai cũng thấy làng mạc, núi non của Tổ quốc mình như vẫy chào, mong các anh được chân cứng, đá mềm.

*

* *

Trên đất bạn, Giáo Minh đưa hai đồng chí của mình vào nhà một người quen. Dân chúng ở đây phần nhiều nói thạo tiếng Việt. Do đã có sự chuẩn bị sẵn của phía bạn, anh Đồng và anh Giáp, mỗi người được nhận một bộ quần áo may theo kiểu Tôn Trung Sơn cổ đứng, màu xám sẫm. Các anh mặc vào trông như những người dân Trung Quốc đi xa nước lâu ngày mới trở về. Họ đều cảm động trước sự tận tụy vì công việc của đoàn thể và lòng thương yêu đồng chí rất mực của Giáo Minh. Các anh nghĩ, Đảng mình, nhân dân mình có được những con người như thế này thì chắc chắn sẽ đánh thắng hết mọi kẻ thù ngoại xâm.

Võ Nguyên Giáp cũng chưa tiện hỏi rồi đây mình sẽ ngược lên bằng phương tiện gì. Tuy nhiên, anh cũng không thể không tiếp tục để tâm đến sông Nhị Hà, con sông đang cần khẩn tải phù sa bồi đắp cho đồng bằng xứ Bắc Kỳ của Tổ quốc anh, là dòng sông quan trọng mà anh đã từng nghiên cứu về nó để dạy các môn Lịch sử và Địa lý ở bậc trung học. Tỉnh Vân Nam, nơi anh đang đứng chân còn là nơi phát nguyên hoặc địa bàn chảy qua của các con sông Dương Tử, Tây Giang, Cửu Long.

Riêng sông Hồng Hà, người bản địa gọi là sông Kôi. Tên gọi đó cũng được ghi trong *Từ điển Larút* (Larousse). Còn hai tiếng “Hồng Hà” là được đặt từ sắc màu phù sa hòa trong dòng nước au au đỏ ấy. Sông này được bắt nguồn từ núi Ngụy Bảo Sơn. Khởi thủy là những bụi nước li ti thoát ra từ các kẽ đá quanh một lũng đất đỏ rồi tụ lại thành từng con ngòi, chảy len lỏi trong rừng cây Ngụy Vạn Lâm mà nguồn quan trọng nhất là Ân Giang. Càng về xuôi, sông càng mở rộng lòng với lưu tốc mỗi chặng một gia tăng. Tổng cộng sông dài 1.143 cây số. Trung bình, mỗi năm, sông tuôn về Việt Nam 52 tỷ mét khối nước, mà cứ mỗi mét khối nước như vậy có sức làm lắng đọng hai lạng phù sa mỡ màu. Sông nuôi sống hàng chục triệu người dân thuộc hai dân tộc Trung - Việt, trước tiên là bởi nó tạo nên sự nảy mầm, đâm rễ ròi cho hạt của các giống cây bắp, cây lúa nước. Người Trung Quốc có câu phương ngôn: “Nếp xuống hạ lưu, tẻ lên thượng nguồn”. Và phù sa của sông đã nuôi lớn hàng ngàn, hàng vạn giống cây trồng cùng vô vàn những sản vật khác.

Sông bồi đắp cả tư duy, tâm hồn của con người. Vì thế, từ ngàn xưa, những người dân Trung Quốc theo đạo Hồi, dù sống ở thượng nguồn của Hồng Hà, cũng đã có câu ca: “*Chạy đi sông ơi/ Chạy đi sông ơi/ Mang theo phù sa/Mang theo tình ta*”...

Khi chảy về đến Việt Nam, vào những dịp không gặp lụt lội, dòng sông âm thầm chảy như sự ẩn mình của chàng Thủy Tinh hết cuồng nộ

sau khi thất bại trong mối tình huyền thoại từ buổi hồng hoang. Còn trên suốt chiều dài lịch sử, con sông đã cùng dân chúng cần lao ở bất cứ địa hạt nào đem hết sức mình làm nên những kỳ tích như chàng Sơn Tinh dũng mãnh, để làm nên những chiến thắng huy hoàng trong xây dựng cuộc sống và chống mọi kẻ thù đến từ bên ngoài.

Từ rất lâu, giới tư bản Pháp, từ xứ Nam Kỳ đã muốn theo sông Hồng ngược lên để thâm nhập vùng đất hết sức hiểm trở và cũng vô cùng giàu có của xứ Tây Nam Trung Quốc. Chỉ riêng tỉnh Vân Nam, với diện tích gần 370 ngàn cây số vuông đã chứa trong đó biết bao quặng mỏ quý giá với trữ lượng lớn như: sắt, đồng, chì, thiếc, bạc, than đá, muối mỏ,... Về khí hậu thì thị trấn Mông Tự là nơi có thời tiết giống như thành phố Nícơ (Nice) ở trên bờ biển Địa Trung Hải của nước Pháp. Nơi đó, nhiệt độ trung bình giữa mùa hè là 22,5°C và mùa đông là 9,3°C. Riêng về yếu tố ấy, nó cũng đã đủ sức hấp dẫn, mời gọi đối với khách du lịch gần xa.

Vì thế, sau khi chiếm trọn đất Nam Kỳ của ta (năm 1867), thực dân Pháp đã phái hai sĩ quan thủy quân là Lagorê (Doudart de Lagrée) và Gácniê (François Garnier) thám hiểm sông Mê Kông để mong từ Sài Gòn, người của họ sẽ bằng đường thủy mà tiến vào miền đất giàu có chứa nhiều bí ẩn, là xứ Vân Nam lạ kỳ ấy.

Lagorê tiến lên trước và đã chết vì thác lũ khi chưa vượt khỏi đoạn trung lưu của sông Mê Kông. Gácniê phải thu quân trở lui rồi tìm những dòng

nước len lỏi, đi về phía đông, để xuôi dòng Dương Tử mà trở về. Nhờ sự sống sót ấy mà vào khoảng những năm 1870-1871, Gácniê đã có được một sự tín nhiệm nhất định từ Pari. Bởi thế, năm 1873, Gácniê lại được phái ra Bắc Kỳ mong khóa lấp nổi khốn đốn của họ ở nơi thượng nguồn sông Mê Kông trước kia bằng cách chiếm lấy đồng bằng ở hạ du sông Hồng để rồi theo đó mà đi ngược lên vùng Tây Nam nước Trung Quốc. Nhưng rồi mộng tưởng “làm một công mà sẽ được hai việc” ấy của người Pháp vào lúc đó đã bị sụp đổ khi chính Gácniê phải thua trận và bị giết tại ô Cầu Giấy, nơi ngoại thành Thăng Long thuở bấy giờ (ngày 21/12/1873). Về sau, công việc thăm dò vùng Tây Nam Trung Quốc được Duypuy (Jean Dupuis) là một tay buôn súng thực hiện, bằng cách thám hiểm sông Hồng từ xứ Bắc Kỳ của ta mà ngược thuyền đi tới. Và y đã vượt được cái thị trấn duyên giang Mạn Hảo để mà ngó lên miền lục địa ấy. Chắc bấy giờ, người Pháp ở Đông Dương hiểu rằng, từ thời cổ sơ, các nhà hàng hải đã tính toán được rằng, nếu theo đường thủy ngược sông này mà đi lên thì đi thuyền buồm từ Hải Phòng ngược Lào Cai mất 5 ngày; đi thuyền tam bản từ Lào Cai lên Mạn Hảo mất 7 ngày; đi thuyền độc mộc hoặc bè, mảng từ Mạn Hảo tới Vân Nam Phủ¹, tức Côn Minh mất khoảng 12 đến 14 ngày.

1. Xem Albert Demangeon: *Dictionnaire de Géographie*, Librairie Armand, Colin Paris, 1925.

Còn chuyến này, các anh Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp cũng đang đi ngược lên phía đó với một động cơ hoàn toàn trong sáng và không phải tránh trên các thuyền, mảng mà là ngồi xe lửa.

Tuyến đường ray từ Hà Khẩu đi Côn Minh dài 464 km. Nếu tính cả phần chạy trên đất Việt, từ Hà Nội lên, cộng với các nhánh phụ là 861 km. Bảy giờ nó thuộc quyền quản lý của Công ty hỏa xa Đông Dương Vân Nam, được quản lý từ Paris, hoàn thành vào năm 1910. Bảy giờ, thực dân Pháp khoe khoang, cho đó là một công trình kỹ thuật kỳ công và là một thắng cảnh nhân tạo. Trong cuốn sách *Hướng dẫn du lịch* của Madorôn (Madrolle) in tại Paris năm 1932 viết: “Đây là một trong những đường xe lửa ngoạn mục nhất và hiếm trở nhất châu Á. Nó băng qua những cảnh quan đa dạng, khi thì đi sâu vào rừng nhiệt đới, khi thì trèo trên những sườn núi cheo leo, khi thì uốn khúc bên đáy vực thẳm”.

Nhưng có một thực tế mà cuốn sách kia không ghi chép là, để khơi mả, xây dựng công trình đó, ngoài việc đắp đường, những người bị bắt đi lao động phải đào xuyên núi, mả 315 quãng đường hầm, có chỗ nằm ở độ cao 2.000 m so với mực nước biển. Để hoàn thành được tuyến đường xe lửa đó, Công ty hỏa xa Đông Dương Vân Nam của Pháp đã bỏ chết năm vạn phu làm đường mà họ gọi là culi (coolie), bao gồm cả người Trung Hoa và người Việt Nam. Bởi thế nhân dân nước ta đã có lời kể trong một bài ca: *“Lại nghe nói Lào Cai, Yên Bái/*

Mấy muôn người xẻ núi lấp sông/Độc thay lam chướng ngàn trùng/Sông sâu gửi xác, hang cùng chất xương/Nỗi diệt chủng vừa thương vừa sợ/ Dân Nam mình biết có còn không”¹. Điều lắng lại trong lòng Võ Nguyên Giáp lúc này là nhờ mồ hôi, nước mắt và cả máu của nhân dân lao động của cả hai nước Việt và Trung mà tư bản Pháp có được tuyến đường sắt để thu lợi. Và hôm nay đây, những con người chủ trương chống lại ách đô hộ của bọn thực dân lại nhờ vào tuyến đường sắt này để đi tới nơi mà họ phải đến.

Vì không có hộ chiếu để mua vé tàu nên anh Đồng và anh Giáp cứ phải liên tục thay đổi chỗ ngồi trên các toa xe. Hễ khi các nhân viên hỏa xa kiểm tra vé ở toa này thì hai anh lại lánh sang toa khác. Cứ như vậy, hai anh đã xuống tàu một cách an toàn ở ga Côn Minh, thủ phủ của tỉnh Vân Nam và cũng là ga cuối cùng của tuyến đường sắt ấy.

Vũ Anh và một số cán bộ của ta đã chờ sẵn. Họ dẫn những người bạn mới tới đi theo đường vòng, vượt lên phía trên, là nơi các công nhân đứng bề ghi đường ray, xin họ được bước qua để tránh sự kiểm soát vé. Sau đó, cả mấy người cùng tới địa điểm đã hẹn để gặp anh Kiên.

*

* *

1. Ý của câu ca còn kéo dài... Rồi từ Lào Cai, Yên Bái, người nước ta bị bọn chủ thầu tuyến đường sắt ấy bắt phải vượt sông để sang làm cả ở bên kia, thuộc địa phận từ Hà Khẩu ngược lên, là đất của nước Trung Hoa.

Phùng Chí Kiên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương của Đảng ta - một người hồn hậu, vui tính và cũng rất chín chắn, được phái sang hoạt động ở Trung Quốc đã khá lâu, có cơ sở bí mật đặt tại khu du kích Sán Đầu. Sang đây, anh đã tu luyện, tốt nghiệp Trường Đại học Hồng quân tại khu Xôviết ở Côn Minh.

Nơi làm việc của anh là một căn buồng nhỏ trong một ngõ hẻm, chỉ đủ đặt chiếc giường, một tấm ván kê làm bàn và mấy chỗ để những đồ dùng cần thiết. Nay căn buồng ấy có thêm hai người nữa. Rồi ít lâu, anh Cao Hồng Lãnh từ Diên An được phái về, cũng ở đây. Cơm nước hàng ngày do các anh tự thổi, nấu lấy. Anh Kiên, anh Lĩnh thạo tiếng Trung có nhiệm vụ giao tiếp ở ngoài và chợ búa. Võ Nguyên Giáp được phân công lo bếp núc nhưng sau vì thấy anh không quen việc thổi, nấu nên lại được phân cho trách nhiệm rửa bát và quét dọn. Anh Kiên, anh Lĩnh nói cho các bạn mới sang biết về tình hình an ninh, chính trị của địa phương và dạy họ tiếng Trung.

Bấy giờ, Côn Minh được coi như là một hậu phương của phong trào kháng Nhật ở nước bạn và cũng là địa bàn ẩn nấp để hoạt động của không ít người cách mạng đến từ Nam Kinh, Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu,... Bởi thế, những người như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp dù vốn tiếng Trung chỉ mới học được đôi

câu thì cũng dễ trà trộn vào nơi phố xá đông đúc, nhộn nhịp và nhiều người ngoại quốc ấy. Các hoạt động kinh tế, văn hóa ở đây ngày một sôi động. Phần tô giới của Pháp rộng và ảnh hưởng của họ cũng còn mạnh nhưng hiện tình, tất cả đều nằm dưới chế độ quân phiệt của Quốc dân Đảng kiểm soát. Vân Nam lại là tỉnh có chung biên giới với nước Miến Điện (nay là Mianma) nên Côn Minh cũng là nơi Quốc dân Đảng tiếp nhận viện trợ của Mỹ thông qua đường biên nhiều núi cao, vực sâu, cheo leo, hiểm trở ấy. Tuy nhiên, do áp lực của nhân dân các nơi mà bọn Quốc dân Đảng đã phải ký kết với Đảng Cộng sản Trung Quốc về sự hợp tác chống Nhật trên vùng đất Vân Nam.

Khi Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp hỏi về phần công tác mà họ phải đảm nhiệm thì Phùng Chí Kiên nói: “Việc đó phải chờ đồng chí Vương quyết định mà đồng chí chưa về”. Anh Giáp thêm nôn nao trong lòng và cứ tự hỏi, không biết đồng chí Vương là ai? Hình như ba tiếng “đồng chí Vương”, anh đã được nghe biết trong một dịp nào đó¹.

Trong lúc chờ đợi, anh Giáp nhớ lại, hồi Mặt trận Bình dân (1936-1939), được giao phụ trách công việc báo chí của Đảng ở Bắc Kỳ, lúc cùng

1. Danh xưng “đồng chí Vương” của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có từ khi Người về hoạt động tại Quảng Châu, Trung Quốc (1924-1926).

biên tập tờ báo công khai của Đảng là *Tiếng nói của chúng ta* (“Notre Voix”, in bằng Pháp ngữ), các anh thường nhận được những bài viết trên bản đánh máy ký tên là “P.C.Lin” từ nước ngoài gửi về Hà Nội. Sau một vài lần nhận được các bài như thế, anh đoán đó là bài của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Trong ban biên tập cứ trao cho nhau, đọc đi, đọc lại và khi đăng lên báo thì xếp vào tiêu đề: “Những lá thư từ Trung Hoa”. Với sự suy nghĩ, sao mà tác giả P.C.Lin am hiểu tình hình cách mạng ở Trung Quốc đến như vậy mà anh Giáp đoán: Đồng chí Vương mà Phùng Chí Kiên giới thiệu và mọi người đang cùng nhau chờ đợi ấy chính là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Thế rồi vào một ngày đầu tháng 6, Phùng Chí Kiên rủ các bạn cùng đi Thúy Hồ. Khi gần đến nơi, anh nói:

- Ta đang bước tới nơi mà đồng chí Vương hẹn gặp.

Ôi, trong lòng mỗi người, ai cũng khắp khối mừng thầm!

Từ ngày sang đây, Thúy Hồ là nơi các anh đã có nhiều lần lui tới. Đây là một thắng cảnh của Côn Minh. Thúy Hồ khá rộng, cả những con đường đi ngang ở giữa và chạy vòng quanh nao nao, uốn lượn, bao lấy các thảm cỏ, gợn cảm giác yên bình giữa những nét thanh tú. Trường Giảng võ học hiệu của chính quyền cách mạng ngoảnh

mặt ra lòng hồ, cách một thao trường rộng. Hằng ngày, thiếu sinh quân kéo nhau ra đấy luyện tập. Vào những giờ nghỉ, họ cùng ngồi hát các bài ca cách mạng. Nhìn quang cảnh sinh hoạt như thế, Võ Nguyên Giáp nói với các bạn: “Dù sao, binh sĩ ở một nước nửa thuộc địa¹ vẫn còn hơn lính tráng ở một nước thuộc địa”.

Những ngày ở Côn Minh, trong khi chờ đợi, Võ Nguyên Giáp nhớ đến lời mách bảo và giao dặn của anh Hoàng Văn Thụ trước lúc mình ra đi, nên đã có một sự liên tưởng rồi thêm một lần, anh xác định: “Đồng chí Vương chính là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc”.

Bấy giờ, vừa đến bờ Thúy Hồ, mấy người đã nhìn thấy người đàn ông đang ngồi dưới thuyền với Vũ Anh là một vị đã đứng tuổi, mặc bộ áo quần kiểu Tôn Trung Sơn đậm màu, đội mũ phớt, có đôi mắt rất sáng. Anh Giáp nhớ đến những bức ảnh chụp về Người rồi nhận ra và trong lòng tự reo lên: “Đồng chí Nguyễn Ái Quốc! Đúng rồi, đồng chí Vương chính là Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc!”. Ấy là vị lãnh tụ từng được nhắc đến với biệt danh là Lý Thụ khi Người mới đến Quảng Châu.

1. Từ cuối thế kỷ XIX, chính quyền Mãn Thanh đã ký nhiều hiệp ước bất bình đẳng, đồng ý giao một số thành phố và vùng đất của Trung Quốc thành tô giới của đế quốc phương Âu - Mỹ. Từ đó Trung Quốc được coi là một nước phong kiến nửa thuộc địa.

Anh nhìn Người không chớp mắt rồi thâm so với những bức ảnh mà mình đã được xem thì thấy đồng chí Nguyễn ở ngoài trông linh hoạt và sắc sảo hơn nhiều.

Lại nói, khi chưa được gặp, Võ Nguyên Giáp cứ nghĩ, chắc ở đồng chí Nguyễn phải có một dáng vẻ oai phong hiem có. Nhưng khi được gặp trực tiếp, anh thấy Người hoàn toàn không giống như những điều mình hằng tưởng tượng. Ngay từ giây phút đầu tiên, anh cứ thấy như bản thân mình đã từng được gần gũi bên Người, đã được quen biết Người từ lâu. Ở Người toát ra sự trong sáng, giản dị, thân tình chứ không có gì là đặc biệt, khác thường. Điều làm cho anh cảm mến nhất là, trong những câu nói, Người thường chen vào các tiếng địa phương của miền Trung. Và anh nghĩ, không ngờ một người đi xa nước lâu năm như vậy mà vẫn giữ được giọng nói của quê nhà.

Người rời con thuyền, lên bờ, đi bộ cùng mấy anh, vừa dạo quanh bờ hồ vừa nói chuyện. Người hỏi về những khó khăn khi đi đường, hỏi tình hình trong nước gần đây, hỏi về sự hoạt động của Đảng và các đoàn thể quần chúng, hỏi chuyện làm báo, rồi Người nói:

- Các đồng chí đi ra ngoài được như thế này là tốt. Vài ngày nữa, tổ chức sẽ bố trí công tác.

Nhớ lời anh Hoàng Văn Thụ dặn, anh Giáp hỏi Người về việc tổ chức Hội Liên hiệp các dân tộc

Á Đông. Người nói là vẫn rất cần nhưng tình hình hiện nay không thuận lợi, nên chưa đặt ra.

Đó là lần đầu tiên Võ Nguyên Giáp được gặp Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Mãi cho đến sau này, trong anh vẫn còn nguyên vẹn cảm giác của buổi gặp gỡ đầu tiên với Người tại Thúy Hồ ấy. Anh nhận ra rằng, ở Người trước sau, trong tác phong vẫn là một vẻ giản dị và trong sáng. Rồi anh nghĩ, con người vĩ đại thường là con người bên ngoài lúc nào cũng giản dị.

Ở Côn Minh, anh Giáp còn nhiều dịp đến Thúy Hồ và được gặp lại đồng chí Vương. Anh kể với Người về những điều mình đã để tâm và nhận xét về cảnh quan địa lý, về năng lực hoạt động của các vùng cư dân trên những chặng đường mà mình đã đi qua. Đồng chí Vương tỏ ý bằng lòng và hỏi là vì đâu mà anh có được cái sở thích đó. Võ Nguyên Giáp thưa là mình vốn dạy các môn Lịch sử và Địa lý ở trường trung học. Hơn nữa, đồng chí Hoàng Văn Thụ trước khi giao trách nhiệm cho anh sang đây thì đã nói: “Tình hình này, không sớm thì muộn, thế nào phátxít Nhật cũng đánh chiếm Đông Dương. Rất có thể, lúc đó, quân Đồng Minh cũng đổ bộ vào. Cho nên cách mạng cần phải có lực lượng quân sự. Chúng ta phải chuẩn bị nhiều mặt để phát động chiến tranh du kích thì mới kịp thời. Mà nói đến quân sự, dù là đánh du kích thì cũng phải nói đến trận đồ, địa thế”. Trình bày xong câu đó, anh Giáp tự thấy,

trước đồng chí Vương, mình thật là ấu trĩ. Vì điều mà anh vừa phản ánh chính là tinh thần của cuộc Hội nghị Trung ương Đảng mới họp. Mà Nghị quyết của Trung ương lần này chính là văn kiện phản ánh tư tưởng chỉ đạo của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, điều đã được bí mật chuyển tải về cho Hoàng Văn Thụ, cũng là nét tinh thần chủ đạo mà anh Thụ đã dặn khi anh giao nhiệm vụ cho Võ Nguyên Giáp đi sang bên này.

CỐ GẮNG HỌC THÊM QUÂN SỰ

Một hôm, đồng chí Vương nói với Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp:

- Các chú sẽ đi Diên An, lên trên ấy vào Trường Quân chính kháng Nhật học chính trị, cố gắng học thêm về quân sự.

Rồi trước khi đoàn lên đường, Người còn nói thêm với anh Giáp:

- Lên trên ấy, chú cố gắng học thêm về quân sự.

Anh Giáp tự hỏi, không biết vì sao Người lại dặn thêm với riêng mình như vậy. Suy đi, nghĩ lại, anh chỉ mới nhận ra một điều là so với anh Đồng thì mình trẻ tuổi hơn¹. Nhưng không chỉ có thế. Mãi về sau, khi được Người giao trách nhiệm thành lập và chỉ huy Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân² thì anh mới nghiệm ra rằng,

1. Phạm Văn Đồng sinh năm 1906, Võ Nguyên Giáp sinh năm 1910 (có bản ghi năm 1911 hoặc năm 1912).

2. Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được đồng chí Hồ Chí Minh ký tại Cao Bằng vào tháng 12-1944. Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân làm lễ tuyên thệ trước cờ Đảng.

ngay từ buổi đầu rồi qua từng lúc được tiếp xúc với Người, trong con mắt của vị lãnh tụ, Người đã cố nhìn xem ở từng cán bộ có hay không có khả năng về chỉ huy chiến trận.

Hoàn cảnh hoạt động của những người cách mạng Việt Nam tại Trung Quốc lúc bấy giờ cũng không ít khó khăn.

Cầm đầu Quốc dân Đảng Trung Quốc khi ấy là Tưởng Giới Thạch, kẻ chủ trương bên ngoài thì bắt tay với Đảng Cộng sản Trung Quốc để hợp tác chống Nhật nhưng bên trong lại ngấm ngấm tìm mọi cách để làm suy yếu lực lượng cách mạng nên luôn sẵn sàng phản bội lại những gì đã cam kết. Còn bọn phản động trong Việt Nam Quốc dân Đảng ở đây thì đang bám gót quân đội Tưởng để mong khi trở về thì sẽ nắm quyền chính trị ở trong nước, nên cứ chờ cho đến lúc “Hoa quân nhập Việt”¹. Chúng phối hợp với bọn phản động Quốc dân Đảng Trung Quốc, cố sức phát hiện các tổ chức cách mạng của ta để báo cho chính quyền Tưởng Giới Thạch và cả bọn đại diện Pháp.

Đối sách của ta là thật thận trọng, kín đáo và mềm dẻo để bảo vệ cho được cán bộ và cả tổ chức. Trên cơ sở có bà con Việt Kiều, tranh thủ thêm sự ủng hộ của nhân dân nước bạn nên đã giữ được sự bình thường trong các hoạt động ở từng địa

1. Tức khi có lệnh của Đồng Minh thì quân của Tưởng Giới Thạch sẽ đổ bộ vào Việt Nam.

phương. Đồng chí Vương đã tổ chức ở Vân Nam các hội quần chúng của người nước mình. Trong đó có cả Việt Nam hưởng ứng Trung Quốc kháng địch hậu viện hội nên cũng dễ tranh thủ được người của nước họ. Đảng Cộng sản Trung Quốc chủ trương ngoài những trụ sở chính, tại các thành phố và những nơi trọng yếu khác đều cho đặt cơ quan gọi là Biện sự xứ để làm trạm nghỉ chân và là nơi liên lạc của các cán bộ trên đường công tác. Nhờ cách tổ chức gắn kết những người làm cách mạng giữa hai nước với nhau như đồng chí Vương đã chủ trương mà các cán bộ, đảng viên của ta khi đến các Biện sự xứ thì đều được người của bên bạn đón tiếp niềm nở và giúp sức tận tình.

Khi Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp lên đường để đến Diên An, đồng chí Vương lại gặp và căn dặn:

- Hành trình đi tới đó là dài, khó khăn nhất là phải đối phó với bọn địch. Đi đường cần cẩn thận, phải luôn luôn cảnh giác, đề phòng. Trên đường sẽ qua nhiều vùng cư dân đời sống còn rất khó khăn nên mình cũng phải chia phần, chịu đựng. Mùa thu và mùa đông ở Diên An thì lạnh, phải biết giữ gìn sức khỏe mà học tập cho tốt.

Rồi Người nhắc lại với anh Giáp:

- Lên đó nhớ cố gắng học thêm quân sự.

Diên An, nơi các anh sẽ đi tới là tên của một huyện thuộc tỉnh Thiểm Tây. Từ năm 1935, nơi đó đã là trung tâm văn hóa - chính trị của chính

quyền nhân dân do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo.

Diên An nằm bên bờ sông Hoài.

Hoàng Hà, con sông hùng vĩ nhất của Trung Quốc khi xuyên qua sa mạc Gô Bi thì chảy hướng Bắc-Nam. Đến đất Thiểm Tây, Hoàng Hà nhận thêm nước của sông Hoài. Chảy được một chặng nữa thì gặp dãy Tần Lĩnh nên nó phải tránh mà băng về phía đông rồi đổ ra vịnh Trục Lệ.

Sông để lại sau lưng, nơi nó uốn quanh ấy một vùng đất có địa thế khuất khúc, hiểm trở, trong đó có Diên An. Vì thế, Diên An nằm sâu trong lục địa, lại thuộc vùng khí hậu cận ôn đới nên đúng là về mùa đông ở đây rất rét. Nhiều bộ phận cư dân phải trú trong những hang động. Ở đây, lương thực chủ yếu là lúa mì. Ánh sáng từ quá chiều hôm trước đến đầu buổi hôm sau có được là nhờ việc đốt củi. Tuy thế, Diên An đã là thủ phủ của chính quyền nhân dân, là đất thánh cách mạng của Trung Quốc¹. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã nhiều dịp đến đó, và lưu lại công tác và cả vì yêu cầu của bạn trong việc trao đổi kinh nghiệm đấu tranh cho các dân tộc Á Đông.

Nói về Diên An, có lần hồi còn ở Côn Minh, đồng chí Vương đã kể là có một dịp bọn Quốc dân

1. Từ năm 1947, khi Hồng quân Trung Quốc giải phóng toàn bộ lục địa thì Diên An mới thôi vai trò là thủ phủ cách mạng của mình. Còn lúc đoàn của anh Đồng, anh Giáp định đến đó thì Diên An vẫn là nơi ngưỡng vọng của những con người khát khao giải phóng.

Đảng bắt được những thanh niên định trốn lên trên đó, chúng đem họ về nhốt lại ở một trại tập trung. Rồi để khùng bố tinh thần cách mạng của những người khác, chúng dìm họ vào trong một bể nước cho đến chết mới thôi. Nhưng thanh niên cả nước Trung Quốc vẫn mong được đến thủ phủ của chính quyền mới ấy.

Biết là trước mắt có nhiều khó khăn nhưng anh Đồng, anh Giáp vẫn háo hức, mong sớm đến được nơi đó.

Mấy đồng chí Trung Quốc ở Côn Minh tổ chức cho đoàn của các anh đi Quế Dương, rồi từ đấy sẽ đi tiếp lên Diên An. Và từ Quế Dương ngược lên, đường còn rất xa, phải vượt sông Dương Tử rồi lại đi qua nhánh của nó là sông Hán, nhất là vượt dãy núi Tần Lĩnh đồ sộ nhất ở miền Bắc Trung Quốc.

Bởi hành trình phải như thế nên các đồng chí Trung Quốc tổ chức cho anh em đi trên một ô tô vốn có nhiệm vụ chuyên chở thuốc chữa bệnh từ Côn Minh đi về Quế Dương. Đó là xe của bọn Quốc dân Đảng nhưng người lái lại là một đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Các anh Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Cao Hồng Lĩnh được bố trí ngồi trong khoang ghế hàng. Phía sau của cái thùng xe ấy chỉ được che bằng một miếng vải bạt treo lơ lửng. Bụi đường cứ thế cuốn vào, bám lên mắt, chui vào mũi, vào tai của các anh. Chốc chốc các anh lại phải đưa tay lên mà vuốt, mà móc từng tảng

đất mùn như vậy ra, để cho nhẹ bớt mặt mày! Không những thế, thỉnh thoảng lúc gặp máy bay Nhật đón đường ném bom, xe phải phanh gấp để mọi người xuống tìm chỗ tránh. Có lần bom nổ sát ngay bên cạnh chỗ mấy người cùng nấp. Để đến được Quế Dương xe đã phải chạy trong mịt mù bụi đường và đạn bom như vậy suốt ba ngày ròng rã.

Quế Dương là thủ phủ của tỉnh Quý Châu¹, vùng đất cao nguyên rộng gần 16 vạn cây số vuông. Ruộng đất ở đây thích hợp với các loại cây lúa mì, ngô. Vì vùng này cũng có nhiều đồng cỏ nên việc nuôi ngựa được phát triển. Còn quặng mỏ thì Quý Châu giàu về thủy ngân. Tuy nhiên, phần lớn diện tích của tỉnh là núi đồi. Quý Châu cùng Vân Nam tạo nên vùng cao nguyên Vân Quý nổi tiếng ở khu vực Tây Nam Trung Quốc. Đây là nơi phát nguyên hầu hết các con sông lớn của vùng Đông Bắc Á. Đoàn của anh Đồng, anh Giáp được bố trí nghỉ ngay trong Biện sự xứ tại đây.

Vì Quế Dương nằm sâu trong nội địa, giao thông bằng đường bộ gặp nhiều khó khăn lại bị địch phong tỏa nên bấy giờ lương thực, thực phẩm

1. Quế Dương cũng như Quế Châu, chữ “Quế” là tiếng địa phương của người Miêu, một dân tộc ở thượng nguồn sông, rồi hỏi đó người ta cũng quen gọi như thế. Còn tiếng phổ thông Trung Quốc thì gọi là Quý Dương, Quý Châu. Người Pháp (trong *Từ điển Larousse*) coi Quý Châu là một tỉnh, với thủ phủ là Quế Dương.

ở đây đều khan hiếm. Vì thế, việc ăn uống, sinh hoạt của anh em ở Biện sự xứ rất kham khổ. Cùng với đoàn Việt Nam còn có một số cán bộ, nhân viên của nước họ đi qua, ghé vào để đón xe đi Diên An. Tất cả đều phải chờ khá lâu nên đã cùng chịu mọi sự thiếu thốn.

Không biết đồng chí Nguyễn qua Quế Dương đã mấy lần mà ở đây, người của cả cơ quan, từ đồng chí phụ trách đến cô cấp dưỡng trong Biện sự xứ, ai cũng luôn trù mẩn nhắc đến đồng chí Hồ Quang¹. Các anh, chị em đang học tiếng Nga và tiếng Anh thì càng nóng lòng chờ đợi, mong Người trở lại để giúp họ trong cách đọc, cách viết các ngôn ngữ ấy. Bởi đồng chí Quang dùng tiếng Quan thoại mà dạy họ học tiếng Nga, tiếng Anh, nên họ coi đồng chí như là một giáo viên người Trung Quốc dạy tiếng nước ngoài. Khi biết anh Đồng, anh Giáp... là những cán bộ do đồng chí Hồ Quang phái đến thì họ càng mừng và chú ý động viên, chăm sóc.

Lương thực ở Biện sự xứ chủ yếu là bánh mì. Thức ăn thì thường có rau, một ít đậu tương rang và canh bí. Đó là những thứ do cơ quan tự tăng gia được. Thỉnh thoảng mới có ít thịt. Các đồng chí chủ nhà luôn dành phần ngon để ưu tiên cho số anh em trong đoàn Việt Nam.

1. Là một trong những bí danh của đồng chí Nguyễn Ái Quốc hồi đó.

Rồi đến một ngày, các đồng chí Trung Quốc báo tin cho đoàn Việt Nam biết là sắp có xe đi Diên An. Thực tế là, vì thấy anh em của ta chờ đã lâu mà chưa có thêm chuyến ô-tô nào đi Diên An để có thể gửi đoàn đi được, nên các bạn ở Biện sự xứ đã quyết định thuê một chuyến xe riêng. Anh em bên ta rất mừng rỡ và cảm động. Mỗi người còn được phát thêm một bộ áo quần của Thập bát tập đoàn quân thuộc Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, có kèm theo băng đeo ở tay và phù hiệu cài trên ngực. Anh Giáp cùng các bạn còn tranh thủ ra phố sắm thêm một số áo quần chống rét để giữ gìn sức khỏe để học tập cho tốt khi ở Diên An. Bấy giờ đã là giữa tháng 6/1940 (hơn 10 tháng sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai mở màn).

Vào một buổi trưa, anh em đọc báo thì bắt gặp một bài viết với mục đề: “Pari thất thủ, Pháp đầu hàng”. Cũng biết, trước thế lực phe trục thì sức của Pháp là yếu nhưng không ngờ bọn tư bản cầm quyền ở bên đó đứng đầu là Thống chế Pétanh (Philippe Pétain) lại sớm bị khuất phục đến như vậy. Ngay ngày hôm sau thì điện của đồng chí Hồ Quang đến với đoàn Việt Nam, đề nghị đoàn dừng lại ở đấy rồi đi về Quế Lâm.

Kế đó, Phùng Chí Kiên và Vũ Anh cùng đến Quế Dương. Họ chỉ biết ý của đồng chí Hồ Quang là trước tình hình mới, Pháp đã đầu hàng phátxít Đức, tất cả sẽ đi đến Quế Lâm để rồi tìm cách về nước, lo xây dựng thêm lực lượng cách mạng nhằm giải phóng dân tộc.

Sau đấy, thay chỗ của các anh Đồng, Giáp, đồng chí Hồ Quang cử Cao Hồng Lãnh lên học ở Diên An.

*

* *

Đường từ nơi đóng Biện sự xứ ở Quế Dương của đất Quý Châu mà xuôi về phía đông nam để đến Quế Lâm cũng không ít khó khăn. Trên lộ trình kéo dài đầy khuất khúc, trắc trở ấy, khách bộ hành phải vượt qua rất nhiều núi đồi, khe suối trập trùng mới đến được bờ sông Tây Giang.

Rồi về tới đó là các anh đã thấy được hơi hướng của vùng xuôi. Dù từ đấy đi về phía đông nam, đến tỉnh thành của Quảng Đông là điểm hẹn, thì còn cách bốn trăm cây số nữa. Bởi Quảng Tây và Quảng Đông xưa kia vốn chung là đất Quảng Châu cũ cắt ra để thành hai tỉnh như hiện nay.

Đến Quế Lâm, để giữ bí mật, đoàn của anh Giáp thuê một căn phòng ở ngoại ô chứ không ở trong Biện sự xứ của tỉnh đó.

Sinh hoạt văn hóa ở vùng đất thuộc cái tỉnh miền Đông Nam này khá hơn cả ở Côn Minh. Cơ quan Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Quế Lâm có tờ báo công khai là *Cứu vong nhật báo*. Tại đây, các thư quán mở ra nhiều. Xen lẫn vào trong đó có nhiều loại sách tiến bộ, nói cả về phong trào cộng sản và công nhân của nhiều nước. Các đồng chí Trung Quốc thường tổ chức những buổi nói chuyện để giáo dục thanh thiếu nhi. Anh em

trong đoàn của ta cũng tới nghe. Họ cũng đã tạo điều kiện để bên ta có dịp phát biểu, bày tỏ về tình hình chính trị và phong trào cách mạng Việt Nam nhằm mở rộng sự tuyên truyền về những nội dung đó trong bà con Việt kiều. Và đó cũng là điều cần thiết cho sự hoạt động của Đảng bạn.

Nhớ là trước khi đoàn rời Quế Dương, ông Hồ Học Lãm, một người Việt Nam yêu nước làm võ quan trong quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa đã tìm đến. Ông Lãm cho biết mình là bạn cũ và cũng là người cùng quê với đồng chí Hồ Quang. Ông Lãm viết thư giới thiệu người của đoàn ta đến gặp Lý Tế Thâm.

Bấy giờ Lý Tế Thâm là Chủ nhiệm khu tây nam hành dinh của Tưởng Giới Thạch, hiện đóng trụ sở tại Quế Lâm. Ông Lãm cũng có nói qua về người này. Nội dung cũng gần giống như điều mà đồng chí Hồ Quang đã nhận xét trước kia về viên tướng Quốc dân Đảng hùng hổ này. Rằng, hồi còn đóng ở Quảng Châu, Lý Tế Thâm khét tiếng về việc ra uy để tìm diệt những người cộng sản. Tuy nhiên, vì yêu cầu của công việc, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp vẫn quyết định đến gặp Lý Tế Thâm để xem trước sự thay đổi về tình hình chung lúc ấy thì thái độ của Lý Tế Thâm như thế nào. Các anh tự đặt cho mình tên gọi mới: Phạm Văn Đồng là Lâm Bá Kiệt, Hoàng Văn Hoan là Lý Quang Hoa, Võ Nguyên Giáp là Dương Hoài Nam,...

Nơi ở của Lý Tế Thâm giống như một cung điện, có lính gác vòng trong, vòng ngoài. Y làm ra

bộ niềm nở khi gặp đoàn của ta và nói với ý, nay mai theo lệnh Đồng minh, quân đội của Trung Hoa Dân quốc sẽ tiến vào Đông Dương để làm phận sự của mình. Ấy là kế hoạch “Hoa quân nhập Việt”. Lúc đó phía Lý Tế Thâm sẽ nhờ bên ta giúp đỡ. Rồi y nói thêm, tỏ ý tò mò, muốn biết điều lệ của tổ chức Việt Nam Giải phóng đồng minh. Cuối cùng y khuyên rằng, muốn cách mạng thành công thì đừng đi theo con đường cộng sản!

Ít ngày sau thì có tin về vụ biến Giang Nam. Trong đó quân Tưởng đã phối hợp với phát xít Nhật đánh úp Tân tứ quân của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhân cơ hội, Quốc dân Đảng Trung Quốc thêm ra mặt phản bội. Tại Quế Lâm, chúng cho tịch thu hết các sách báo tiến bộ, bắt đóng cửa cả Tân Hoa thư điểm cũng như cho niêm phong cả Sinh hoạt thư điểm, là những cơ sở tuyên truyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bấy giờ, Chu Ân Lai đã kịch liệt lên án về tội ác ấy của quân Tưởng.

Tại Đông Dương, ngày 22/9/1940, Nhật ném bom xuống Hải Phòng, kéo quân vào Lạng Sơn và đổ bộ lên Kiến An. Thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng quân Nhật!

Phát xít Nhật vào nhưng chúng chưa vội truất hết quyền của Pháp. Vì tuy đã bị quân Đồng minh đuổi, nhưng Nhật vẫn có tham vọng vươn ra chiếm giữ vùng biển Đông Nam Á nên ở xứ mình, Nhật lợi dụng Pháp làm tay sai tạm thời cho chúng, đàn áp cách mạng thay chúng. Còn Pháp

thì hy vọng là tuy chúng đã bị Nhật tranh quyền trên dải đất hình chữ S này nhưng rồi địch thủ của chúng sẽ bị Đồng Minh đánh bại, thì lúc đó, Pháp sẽ khôi phục lại quyền thống trị ở Đông Dương nên chúng cứ vẫn mù quáng lòng bất, bỏ tù, thậm chí bắn giết cả những người dân Việt Nam chống Nhật!

Thật, thuở đó nhân dân ta phải chịu cảnh “Thân một cổ hai tròng nô lệ”!

Tình thế diễn ra đúng như nhận định của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và của Trung ương Đảng mà đồng chí Hoàng Văn Thụ đã nói với anh Giáp ngày nào. Giữa lúc ấy, đồng chí Hồ Quang đến Quế Lâm. Võ Nguyên Giáp cùng các anh em trong đoàn được gặp Người.

Bấy giờ, tất cả giả bộ đang lúc nhàn rỗi. Họ rảo bước tới một bãi cỏ đến nơi có mấy gốc cây tỏa bóng mát thì dừng lại. Quang cảnh giống như mấy người lao động cùng làm việc ở một nơi nào đang hội nhau lại để bàn công việc của ngày tới. Đồng chí Hồ Quang thông báo thêm về sự kiện Giang Nam rồi nhận định: Qua vụ bọn Tưởng cho đánh úp vào cơ sở của Đảng Cộng sản Trung Quốc ấy, bên Hồng quân cũng có thiệt hại nhưng vẫn giữ được các căn cứ địa ở sau lưng địch tại các vùng phụ cận Nam Kinh, Thượng Hải,... Rồi Người dặn, từ nay, trong anh em mình, kỷ luật của Đảng phải được chấp hành triệt để. Ai cũng phải giữ tài liệu cho thật cẩn trọng. Các sách báo

về chủ nghĩa cộng sản - đọc xong là phải thiêu hủy ngay chứ không được mang về phòng trọ. Trong giao dịch, cùng mọi người, nhất là đối với người của Quốc dân Đảng, tuyệt nhiên không được để lộ mình là người của tổ chức, thậm chí phải tỏ ra là mình không biết gì về chủ nghĩa cộng sản.

Sau khi nghe anh em báo cáo là họ đã đến gặp Lý Tế Thâm, đồng chí Hồ Quang nói: Trong việc giao dịch với người của Quốc dân Đảng Trung Quốc, không mong chi nhiều, điều chủ yếu là làm sao cho chúng không cản trở được công việc của ta, phải hết sức bí mật. Về chuyện “Hoa quân nhập Việt”, đồng chí cũng bảo: “Không nên chỉ nhìn ở mặt thuận lợi. Hiện nay, chỉ có Hồng quân Liên Xô và Hồng quân Trung Quốc mới là những đội quân anh em, mới là đồng minh thực sự của ta. Còn quân đội Tưởng Giới Thạch dù có vào Đông Dương để đánh Nhật thì cũng chỉ là sự đồng minh tạm thời. Nếu họ không vào thì càng tốt cho ta”.

Cuối cùng, đồng chí Hồ Quang nói: “Tình hình chung trên thế giới và cả ở Đông Dương đang ngày càng có lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta không thể ở Quế Lâm lâu, phải chuyển dần đến sát biên giới, rồi tìm cách lần lượt trở về nước để hoạt động”.

Thời gian mà đoàn dừng lại ở Quế Lâm như vậy cũng đã là khá dài. Chỉ cần một ai đó để lộ sơ hở tí chút, làm rõ tung tích, là lập tức kẻ địch sẽ gây sự, bắt bớ, khủng bố.

Rồi tin về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ từ trong nước đưa sang. Đồng chí Hồ Quang nhận định với ý: Thời cơ chưa đến, lẽ ra chưa nên khởi nghĩa nhưng nay sự việc đã diễn ra rồi nên cần có kế hoạch rút lui cho khéo để tránh sự khủng bố của địch mà duy trì phong trào. Đồng chí viết ngay một bức điện với nội dung như thế, định chuyển về cho Đảng bộ Nam Kỳ nhưng rồi không có cách nào để gửi.

Trước tình hình mới, vấn đề đoàn kết các giới đồng bào để đấu tranh giải phóng dân tộc đã là mục tiêu duy nhất và tối thượng. Đồng chí Hồ Quang nói với anh em là, ta phải lập một mặt trận thật rộng rãi, mang danh hiệu cho sát đúng với hoàn cảnh của nước nhà và thích hợp với tình hình thế giới. Rồi Người định ra các tên gọi để thăm dò ý kiến của anh em. Ấy là: Việt Nam Giải phóng đồng minh? Việt Nam Phản đế đồng minh? Việt Nam Độc lập đồng minh? Anh Đồng, anh Giáp đều có tham gia ý kiến. Nghe xong, Người nói: “Hay ta gọi tắt là Việt Minh cho nhân dân dễ nhớ”. Về sau, ý định đó của Người được đưa ra trao đổi và thống nhất trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tám, họp tại Pác Bó (Cao Bằng).

Tên gọi Việt Minh sáng chói từ sự suy nghĩ thần kỳ của vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc đã đi vào lịch sử oanh liệt của nước nhà vốn được khai sinh từ bước đầu gian khó của cách mạng ở nơi đất khách quê người như vậy đó.

Bên ta giữ bí mật tốt về việc đồng chí Hồ Quang đã đến hoạt động tại Quế Lâm.

Lý Tế Thâm thì nuôi hy vọng vào Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp, mong các anh tạo thuận lợi cho mình trong kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” nay mai, nên y đã giới thiệu các anh với tướng Trương Phát Khuê để Khuê giao trách nhiệm cho Trương Bội Công. Công là người Việt Nam sang đây. Y rất trung thành với Tưởng. Bấy giờ Tưởng đã bảo Tế Thâm giao cho Trương Bội Công mở đường liên lạc về Việt Nam. Rồi Công bắt được một số thanh niên của ta, giao cho anh em làm việc đó. Họ là những người dân của tỉnh Cao Bằng vì bị thực dân Pháp khủng bố mà phải chạy sang đây. Trương Bội Công buộc họ đi đào đất làm đường để cho quân của Trương Phát Khuê chuyển địa điểm hoạt động xuống phía nam. Đoàn của anh Đồng, anh Giáp đã giải thích cho số thanh niên người nước mình đến từ Cao Bằng ấy biết rõ về bản chất và ý đồ của bọn Phát Khuê mà Bội Công đang thực hiện; làm theo bọn chúng là phản lại dân mình. Đồng thời, anh Đồng, anh Giáp cũng nhờ các bạn thanh niên của ta thăm dò để khi có xe của chúng đi về phía nam thì các anh sẽ cải trang làm người lao động mà đi nhờ cho đến tận sát biên giới, nhằm khi có điều kiện thì về nước cho được dễ dàng.

Rồi đến một hôm, anh Đồng, anh Giáp lại được gặp đồng chí Hồ Quang. Người nói với các anh về

vị trí Cao Bằng: “Vùng căn cứ địa này sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng nước ta. Nơi đây có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm địa điểm liên lạc quốc tế thì rất thuận lợi. Từ Cao Bằng ta sẽ mở rộng, phát triển cơ sở về Thái Nguyên để thông xuống trung du, rồi sẽ mở rộng cơ sở ra toàn quốc. Khi phát động đấu tranh vũ trang, Cao Bằng sẽ là nơi mà lúc thuận lợi có thể tiến công, khi khó khăn có thể chống và giữ”.

Càng về sau, anh Giáp càng hiểu, cái nhìn về vị trí của vùng đất thánh địa Cao - Bắc - Lạng, Tuyên - Thái - Hà đối với cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc quả là cái nhìn của một thiên tài.

Cuối tháng 11/1940, đoàn của anh Giáp về đến Tỉnh Tây.

Cuộc vận động của đoàn ta đối với số thanh niên Cao Bằng bị bức sang bên đó đã có kết quả. Họ vẫn phải lao động trong sự kiểm soát của bọn Trương Bội Công nhưng đã làm nội ứng cho ta. Nhờ đó, cùng với Vũ Anh, Cao Hồng Lĩnh, anh Đồng, anh Giáp đã mời đến Tỉnh Tây được hơn 40 thành viên cách mạng. Trong đó có cả Lê Quảng Ba, Hoàng Sâm, Bằng Giang,...

Đầu tháng 12, đồng chí Hồ Quang cùng anh Phùng Chí Kiên cũng đã về đến một làng cách thủ phủ Tỉnh Tây khoảng 50km. Người cho gọi anh Đồng, anh Giáp tới, giao cho họ tổ chức việc huấn luyện thanh niên. Rồi Người đi tới nơi định chọn

làm địa điểm đặt các lớp học. Vị trí ấy nằm trên một cung đường kéo dài, len lỏi dưới các triền núi, nép mình trong những lũy cây, kín đáo, là đất đai thuộc các thôn bản của đồng bào Nùng. Người đi bộ rất nhanh, các anh phải cố sức lăm mồi theo kịp. Bởi vậy, thỉnh thoảng Người phải đứng lại để chờ họ.

Hỏi ra thì biết nơi định chọn làm địa điểm đặt các lớp huấn luyện ấy là chỗ trước kia Hồng quân Trung Quốc đã từng đóng giữ và để lại ảnh hưởng tốt trong dân chúng về ý thức đấu tranh giải phóng, đánh đổ kẻ thù bên ngoài và bọn quan lại địa phương. Nhân dân ở đây cũng rất thương yêu những người cách mạng Việt Nam.

Các anh Phùng Chí Kiên, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp được đồng chí Hồ Quang hướng dẫn làm chương trình huấn luyện cho thanh niên. Đặng Văn Cáp được giao nhiệm vụ lo việc tiếp tế lương thực và chăm sóc sức khỏe cho tập thể. Nhưng các công việc như đi hái đậu, hái bắp về giã, vào rừng lấy rau, lấy củi đem về thổi nấu thì ai cũng phải góp sức. Đồng chí Hồ Quang cũng giành phần bổ củi. Người làm khỏe và nhanh. Tuy nhiên, thời gian chính của Người là lo về nội dung của các buổi huấn luyện. Người phân công mỗi anh phải viết một chuyên đề với các nội dung: điều tra, tổ chức, tuyên truyền, đấu tranh. Anh Giáp được phân công viết các tài liệu về huấn luyện quân sự. Cứ thêm một dịp sắp đặt công việc

cho cán bộ, anh càng thấy rõ là Người cố ý hướng mình đi theo con đường binh nghiệp.

Cứ thế, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Hồ Quang, mỗi người tự phác thảo ra bản dàn ý về chuyên đề mà mình được phân công. Theo Người, trong từng chuyên đề, mỗi mục phải có những câu hỏi rằng: học xong rồi thì về địa phương làm gì? Làm như thế nào? Bước thứ nhất, bước thứ hai, mỗi bước làm ra sao? Bởi vậy, từng bài giảng phải có nội dung tư tưởng rõ ràng, sát đúng, lời lẽ phải ngắn gọn, dễ hiểu, hợp với ý nghĩ của quần chúng. Mỗi bài giảng, khi soạn thảo xong, phải đem ra để tập thể trao đổi. Sau khi đã có được nhiều sự góp ý thì bắt đầu việc sửa chữa hoặc là phải viết lại, rồi lại trao đổi thêm một lần như thế nữa, sau đó mới chép ra để đồng chí Hồ Quang xem. Đó là lúc người soạn bài khắp khối chờ đợi nhất, vì sẽ có được những lời nhận xét, đánh giá thật chân xác và thỏa đáng đối với bài soạn của mình. Sau đó, mỗi người sẽ tự cảm thấy thật vững vàng tự tin lúc lên lớp huấn luyện.

Đồng chí Hồ Quang rất quan tâm đến khâu truyền đạt trên lớp của từng cán bộ. Sau mỗi lúc theo dõi ở lớp, Người thường đặt câu hỏi để kiểm tra sự tiếp thu của học viên. Nếu thấy có ai chưa thật hiểu bài thì báo cho giảng viên, để cả đôi bên cùng trao đổi, thảo luận thêm.

Được làm việc theo từng chuyên đề dưới sự hướng dẫn của đồng chí Hồ Quang, anh Giáp nhận

rõ phong cách chỉ đạo của Người thật là cụ thể, chu đáo, qua đó thêm mỗi ngày thêm mỗi lớn khôn.

Lễ tốt nghiệp cho các lớp học được tổ chức giữa một khu rừng khá vắng vẻ nhưng rất tôn nghiêm.

Buổi ấy, không biết nhờ đâu mà lá cờ với hình mẫu nền đỏ sao vàng năm cánh vừa mới xuất hiện trong cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ đã được giăng cao trước mắt mọi người tại khu rừng giữa giờ phút thiêng liêng ấy. Đứng cao vời vọi dưới bóng cờ là Ông Cụ. Người mặc bộ áo quần màu chàm, vóc dáng mảnh khảnh mà quắc thước, oai nghiêm.

Theo Người, tất cả cùng hướng về Nam và đồng nhất vang lên: “Hoan hô Nam Kỳ khởi nghĩa!”. Bấy giờ, lòng anh Giáp thâm nguyện, sẽ thẳng tiến trên con đường cách mạng đầy chông gai nhưng tất thẳng để cùng đoàn thể giương lá cờ này lên, phát cao trên nóc nhà các thành phố: Hà Nội, Huế, Sài Gòn,...

Lớp học do các anh phụ trách dưới sự chỉ đạo của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã kết thúc một cách tốt đẹp. Bốn mươi thanh niên từ Cao Bằng sang nước bạn hoạt động sau khi được bồi dưỡng, giác ngộ lại được đưa về nước để gây dựng cơ sở trong các giới đồng bào.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cùng anh Đồng, anh Giáp ở lại đón Tết ở Tỉnh Tây. Ngày đầu xuân, Người cùng anh em mang theo những tấm giấy hồng điều nho nhỏ, đến chúc Tết từng gia đình

trong vùng. Tới nhà nào, Người cũng viết tặng gia đình dòng chữ: “Cung chúc tân niên - 恭祝新年” theo như cách làm của nhân dân ở bên đó. Người dặn các anh rằng, đến đâu cũng cần tìm hiểu phong tục, tập quán địa phương, phải làm cho họ coi mình như người thân thuộc trong nhà thì mình mới hoạt động được cho cách mạng.

Sau dịp Tết ấy, các anh Phùng Chí Kiên, Vũ Anh được Lê Quảng Ba dẫn đường đi về Cao Bằng, tìm cơ sở đặt địa điểm cho cơ quan rồi cử người quay sang đón đồng chí Hồ Quang.

VIỆC NÀY CHÚ VẤN CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC KHÔNG?

Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng và vài anh em còn ở lại Tĩnh Tây một thời gian nữa.

Trách nhiệm của các anh là tiếp tục liên hệ với Lý Tế Thâm để nhờ bên Quốc dân Đảng Trung Quốc nhận huấn luyện quân sự cho một số cán bộ của mình. Lý Tế Thâm vẫn chưa hết hy vọng là dựa vào ta để có thêm thuận lợi trong kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” nay mai, nên đã nhận lời. Tuy vậy, đôi bên vẫn cảnh giác nhau. Đồng chí Hồ Quang biết trước về ý đồ của bọn Lý Tế Thâm nên bảo anh Giáp phải gạt bỏ mọi trở ngại đó để bên mình có được những người am hiểu về kỹ thuật quân sự mà tạo lập lực lượng vũ trang sau này. Khi có tình hình gì mới thì anh nhận trách nhiệm về nước để báo cáo. Bởi thế, trong thời gian còn nán lại ở Tĩnh Tây, anh Giáp vẫn thêm có dịp được gặp Người ở nơi biên thùy của Tổ quốc.

Rồi đến ngày Võ Nguyên Giáp được lệnh trở về.

Bấy giờ, anh đi theo một đồng chí giao liên. Đến một lúc, khi giữa hai nương ngô rồi thì đồng chí giao liên chỉ vào một cây cột mốc, nói đó là

ranh giới của hai nước. Anh thấy bên này, bên kia chẳng khác nhau là mấy, vẫn chung một kiểu ruộng nương, cây trồng. Nhân dân ở hai bên đường biên cùng nói tiếng Nùng. Rồi khi vượt được con sông Nậm Ty thì đã thấy Pác Bó hiện ra, đẹp như tranh vẽ. Lòng anh rất vui với sự cảm nhận, tuy cả nước còn ở dưới ách thống trị của các đế quốc Nhật, Pháp nhưng nơi đây đã có được một mảnh đất tự do. Lòng anh càng vui hơn khi thấy đồng chí Hồ Quang đang ngồi trên một phiến đá, nhìn vào cuốn sách cầm trên tay. Vị lãnh tụ của dân tộc bình thản ở một góc rừng hoang vắng với bộ áo quần màu chàm giản dị, trong phong thái một ông già người Nùng, với cái tên Người tự đặt cho mình là Già Thu. Máy ai biết đó là một nhà cách mạng đã bao năm xa nước đi hoạt động, đặt chân lên các châu lục Á, Phi, Âu, Mỹ với tên gọi vang dội: Nguyễn Ái Quốc, mà mỗi người dân đều chờ trông với tấm lòng mến phục, ngưỡng vọng. Người rời chỗ ngồi là bờ khe mà bên cạnh là một vách núi với những nhũ đá nhấp nhô mang các dáng hình đẹp mắt. Nước từ trong núi chảy ra thành dòng trong vắt. Người nhìn khắp quang cảnh rồi chỉ lên cao mà nói: Kia là núi Các Mác, rồi chỉ xuống dải nước đang tuôn chảy mà bảo: Đây là suối Lênin.

Anh Giáp bước theo Người, trèo trên một quả núi không cao lắm, khi đã lách mình bước qua một đám lau khá rậm thì nhìn thấy một cửa

hang. Nhìn vào đó thấy hơi lạnh. Đồ đạc trong hang không có gì đáng kể. Một cái sàn được làm bằng những cành cây bắc ngang, ghép dọc. Đây là nơi hồi tháng 5/1941 đã diễn ra Hội nghị Trung ương lần thứ tám dưới sự chủ tọa của Người, nhân danh là đại diện của Quốc tế Cộng sản. Hội nghị ấy đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh. Hội nghị đề ra chủ trương chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa cướp chính quyền và quyết định duy trì phát triển lực lượng du kích Bắc Sơn - Võ Nai¹, đồng thời quyết định mở rộng cơ sở sang cả Bắc Cạn và Lạng Sơn, xây dựng cả vùng đó thành trung tâm của công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở Việt Bắc. Người ra Chỉ thị tổ chức tại đây Đội vũ trang mang tên gọi là Việt Nam Nhân dân cách mạng quân. Đó là lực lượng vũ trang đầu tiên. Cũng tại hang Pác Bó này, Người viết thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên đánh đuổi ngoại xâm giành độc lập cho dân tộc. Trong đó, Người chỉ rõ rằng, giờ giải phóng đã đến, việc cứu nước là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải gánh vác một phần trách nhiệm.

Người hỏi thăm về việc ta định mở lớp quân sự nhờ các sĩ quan trong quân đội Tưởng giúp việc

1. Lúc này, lực lượng du kích từ Bắc Sơn đã phát triển sang cả Võ Nai. Võ Nai là tổng, cùng huyện với Bắc Sơn, ở trong phủ Phú Bình, thuộc xứ Thái Nguyên hồi ấy.

huấn luyện có thực hiện được không. Anh Giáp thừa là việc đó đang được tiến hành. Người bảo (đại thể là), về phương diện kỹ thuật quân sự thì bất cứ ai, thấy họ giỏi là ta đều phải học, còn sử dụng kỹ thuật đó nhằm vào đối tượng nào lại là đằng khác. Tổ tiên ta vốn có câu nói: “Gậy ông đập lưng ông”, khi cần và tình thế bắt buộc thì phải làm như vậy. Còn với cái nhìn nhân đạo thì, trong hàng ngũ của kẻ địch, cũng có người khi trải qua thực tế rồi họ mới nhận ra các lẽ phải, trái. Những viên sĩ quan là người phía Tưởng đang huấn luyện cho thanh niên của ta, qua tiếp xúc thực tế rồi họ sẽ biết anh em bên mình là người như thế nào. Rồi Người dặn thêm anh Giáp với ý giao cho anh công việc ấy để qua thực tế, anh học thêm về quân sự.

Sau đó, cứ vài tuần một lần, anh Giáp, anh Đồng và vài đồng chí khác lại thay nhau về nước báo cáo với Người về tình hình công tác ở bên đất bạn. Riêng về anh Giáp, có lần chưa quen đường nên bị lạc. Khi bóng đêm ập xuống, anh tìm vào một nhà dân định xin nắm đuốc để đốt lên đi tiếp thì gặp lúc gia đình vừa cúng giỗ xong. Họ mời anh ở lại. Vì vừa đói, vừa mệt, uống rượu vào, anh bị say, phải nằm ra sàn. Đồng chí Vũ Anh được tin, tìm xuống, công anh về.

Khi anh Giáp đã tỉnh, Vũ Anh đem cháo nóng đến cho anh ăn, kể lại chuyện vừa rồi. Bấy giờ anh Giáp mới bắt đầu tỉnh, nói luôn miệng:

“Tôi không quen dùng rượu nên uống vào thì chóng mặt quá, đừng phê bình. Vừa lúc đó, Già Thu đến. Người bảo: Được rồi, tỉnh lại đi, sẽ không phê bình đâu!

Cũng có dịp anh Giáp về và cùng nghỉ trong hang với Người.

Sáng nào Người cũng dậy rất sớm, khi đến giờ thì đánh thức anh em. Người tập thể dục rất đều, tập xong, dù trời lạnh, Người cũng ra suối tắm. Sau đó, Người dùng điếm tâm bằng cháo, khoai hoặc sắn. Nước chè thường nấu bằng đọt ổi. Công việc hằng ngày của Người là nghiên cứu, khai hội hoặc vào bản nói chuyện với đồng bào. Cũng có khi Người đi lấy củi về thổi nấu hay để sưởi. Thức ăn cho bữa cơm chính thường ngày của Người là muối rang với một chút thịt, có khi là con cá vừa bắt được ở dưới khe.

Tối đến, trong hang rất lạnh, phải đốt lửa suốt đêm. Vì không có đèn, anh em ngồi quanh bếp củi, nghe Người kể chuyện về chiến tranh và cách mạng ở các nước. Người dự tính khoảng bốn năm nữa cuộc chiến tranh trên thế giới sẽ đi đến bước quyết định và bấy giờ, thực tế sẽ là một cơ hội rất tốt cho cách mạng nước ta. Cũng thời gian ở tại Pác Bó ấy, Người viết tập thơ *Lịch sử Việt Nam* bằng thơ lục bát. Người đặt vào cuối trang “Mục lục” mấy chữ: “Việt Nam độc lập năm 1945”. Anh em xem, kẻ nói sớm, kẻ nói muộn. Người bảo: “Đề rồi xem!”

Cơ quan ở Cao Bằng hồi ấy có tờ báo *Việt Nam độc lập*. Anh em thường gọi tắt là *Việt Lập*. Lân Võ Nguyên Giáp về, cơ quan phân công anh viết cho báo một bài về phong trào đấu tranh cách mạng của phụ nữ. Già Thu biết việc đó, Người bảo: “Chú viết đúng một trăm chữ, viết dài là không có chỗ đăng”. Thấy anh Giáp tỏ ra lúng túng khi phải viết một bài báo ngắn, Người nói: “Mỗi tờ báo có một yêu cầu riêng. Báo *Việt Lập* cần hình thức gọn và nội dung rõ để đồng bào các dân tộc dù học ít cũng đọc và hiểu được”.

Sau này, khi Võ Nguyên Giáp trở về, đi vào từng làng bản, anh mới thấy được tính thiết thực, tác dụng của tờ *Việt Nam độc lập* và phong cách làm báo của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Ít lâu sau, cơ quan của Già Thu chuyển đến địa điểm mới. Đường đi đến đó càng hiểm trở hơn. Phải lội ngược một con suối chảy len lỏi dưới chân những ngọn núi cao. Khi gần đến nơi thì lại phải vượt qua ba thác nước, leo lên một cái thang rồi trèo qua một vách đá mới vào tới nơi. Lán của cơ quan được cất dưới một lùm cây gồm song mây và các loại dây leo khác đan xen chằng chịt nên bên trong vừa tối, vừa ẩm.

Tới nơi, anh Giáp thấy Người đang đứng cạnh một con lạch mới khơi mà Người đã tự xếp lên đó than, sỏi và cát để cho luồng nước chảy qua. Người chào hỏi rồi chỉ vào đó, nói với anh: “Chú xem, cơ quan ta chuyển về đây lại có nước lọc”.

Anh Giáp biết đó là những phút thư giãn hiếm hoi sau những giờ làm việc căng thẳng của một vị lãnh tụ.

Đêm ấy anh Giáp ngủ trong lán, nằm chung một chiếc sạp với Người. Mới hay nhiều lúc đêm khuya ở đây chỉ có Người và đồng chí bảo vệ với âm thanh của gió rừng thổi và tiếng beo gặm.

Sau khi nghe báo cáo tình hình, Người quyết định anh Giáp không phải sang Tĩnh Tây nữa, anh Đồng cũng được gọi về. Chỉ cử một đồng chí ở lại để duy trì sự liên lạc với anh em thiếu sinh quân.

Thực dân Pháp đã hèn hạ đầu hàng Nhật nhưng vẫn hùn sức với chúng để cùng bóc lột, tàn sát nhân dân ta. Không lâu sau khi anh Giáp về hẳn trong nước, bọn Pháp tiến hành những cuộc khủng bố lớn ở Cao Bằng, vì nơi đây, qua các thời kỳ cách mạng phong trào đều lên cao và nay là cơ sở bí mật đặc biệt trọng yếu của Đảng ta.

Một hôm, anh Giáp đang theo Già Thu trên đường tới một cuộc hội nghị của đồng bào thì biết địch đem quân càn quét ở Bắc Sơn, Võ Nhai, khiến các đồng chí Kiên và Huy hy sinh. Nghe tin, Người đứng lặng, nước mắt trào ra. Phải một lúc sau, Người mới lại tiếp tục bước đi.

Sau đó, Người giao cho anh Giáp nhiệm vụ đến mở lớp huấn luyện về việc làm cách mạng cho đồng bào ở châu Hòa An, một bản mang mật danh là Trần Phú.

Với bộ quần áo và cái túi vải cùng màu chàm trong đó đựng các tập sách *Con đường giải phóng* gồm những bài giảng từ các lớp huấn luyện ở bên kia biên giới và cuốn sách *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* do Già Thu mới tóm tắt và dịch từ tiếng Nga sang tiếng Việt, cùng với biết bao nhiêu những lời chỉ bảo của Người, anh Giáp đã đến và làm việc tốt tại nơi mình được chỉ định.

Sau một thời gian làm việc, anh Giáp trở về báo cáo lại kết quả. Người nghe, tỏ ý vui lòng rồi cử anh đến mở lớp huấn luyện mới tại Nguyên Bình, tiếp đến là Gia Bằng.

Tình hình phát triển tốt. Vấn đề huấn luyện quân sự càng cấp thiết mà cán bộ phụ trách thì thiếu nên anh em, ai có chút trình độ về vận động thao trường đều phải đảm nhiệm công việc hướng dẫn cho các bạn mới. Các tài liệu về chính trị và đường lối du kích chiến càng thiếu hơn. Già Thu phải tự tay biên soạn một số bài giảng về chiến tranh nhân dân rồi cho in litô thành những tập sách nhỏ để dễ bỏ túi, như các quyển: *Chiến tranh du kích*, “*Kinh nghiệm du kích Nga*”, “*Kinh nghiệm du kích Tàu*”,... Những bản tài liệu ấy gọn nhẹ, rất bổ ích và vô cùng quý giá để những đội tự vệ và hội viên cứu quốc quân trao tay nhau đọc. Trong thời gian ấy, cũng dưới sự hướng dẫn của Người, anh Đồng viết cuốn sách *Người chính trị viên*, anh Giáp lược dịch cuốn *Chiến tranh du kích kháng Nhật* của đồng chí Chu Đức (đã dịch

sang tiếng Pháp) và viết cuốn sách *Công tác chính trị trong quân đội cách mạng*. Qua việc phân công và hướng dẫn một cách tự nhiên như vậy, trong suy nghĩ của Già Thu đã ngầm cái ý, Người sẽ hướng dẫn, đào tạo Phạm Văn Đồng theo hướng tổ chức chính trị và Võ Nguyên Giáp theo hướng chỉ huy trận mạc về chiến tranh giải phóng.

Hồi ấy, những làng bản do quân cách mạng kiểm soát thì gọi là xã “hoàn toàn”. Các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn gồm hầu hết những xã “hoàn toàn” nên đã hình thành khu căn cứ liên tỉnh. Ít lâu sau, khu căn cứ liên tỉnh tự tổ chức được các lớp học quân sự. Bấy giờ chính một số đồng chí trong các cán bộ huấn luyện cũng chưa quen với việc hô tiếng: “một”, “hai”. Còn số anh em mới được tập hợp thì còn bỡ ngỡ hơn. Già Thu động viên với ý: Việc gì cũng thế, khi mới bắt đầu làm thì thường thấy khó. Tuy nhiên, tài năng vốn hình thành từ chỗ cứ làm quen dần dần. Nhờ có sự chỉ dẫn tận tâm như vậy, anh em càng kiên trì tập luyện. Chẳng bao lâu, họ đã trình diễn được những màn côn, quyền có bài, có bản.

Về quân trang, quân dụng thì phải tự túc. Ngoài áo quần thì cần phải có giáo mác, súng kíp, súng hỏa mai. Có nơi đồng bào góp tiền mua súng thổ chế tạo ở bên kia biên giới về giúp anh em. Mỗi đội viên du kích còn phải có một sợi dây thừng để trói bọn Nhật, Tây và Việt gian khi bắt được chúng.

Còn súng cho bộ đội chính quy, ngoài các súng kíp, súng trường, cả tiểu đội do anh Lê Quảng Ba phụ trách chỉ có một khẩu Pạc hoọc và một khẩu súng lục do mấy bạn lính là Hồng quân Trung Quốc nhượng lại.

Để giải quyết được phần nào những khó khăn về vũ khí, thực hiện ý kiến của Già Thu, Cơ quan Liên tỉnh quyết định thành lập một lò rèn nhỏ, cử anh Đặng Văn Cáp phụ trách việc đúc lựu đạn và địa lôi. Nguyên liệu gồm nôi, chậu thau, mâm bằng đồng và các mớ sắt vụn... do đồng bào trong vùng ủng hộ. Anh Cáp cùng năm, sáu cán bộ, công nhân mở lò đúc, làm việc trong một thung lũng khuất sau mấy vách núi đá. Nơi chế tạo vũ khí ấy được gọi là “Lô cốt đỏ”. Họ mần mò ngày đêm và đã đúc được một quả địa lôi, là loại mìn mà khi cần nổ thì phải giật dây.

Khi anh Giáp đang trên đường công tác thì nhận được tin là phải về “Lô cốt đỏ” để dự buổi thử vũ khí quan trọng vừa mới ra lò.

Quả địa lôi ấy được đặt vào một hốc đá dưới lũng sâu. Những người tới xem ngồi trên núi cao, khá xa và nấp sau những tảng đá để đề phòng. Các “tác giả” của quả địa lôi này cho biết, khi thử từng phần, thấy các bộ phận của nó đều tốt. Nhưng sau khi có lệnh “giật dây”, quả địa lôi phụt khói lên nhưng đợi mãi vẫn không nghe tiếng nổ. Anh Lê Quảng Ba phì cười, nói bằng tiếng Nùng: “Te năng du ty” (tức: Nó còn ngồi đấy!). Nhiều

người khác cũng cười theo. Còn các anh em đã cùng chế ra địa lôi thì không được vui.

Tin đó đến với Già Thu. Người thản nhiên, cười và bảo:

- “Thất bại là mẹ thành công”, vì chúng mình đang vừa làm vừa học mà! Trong sự mần mò để chế tạo vũ khí hạng nặng như thế, một quả địa lôi chưa nổ trên bước đường thí nghiệm thì không có gì là đáng buồn. Vấn đề là phải nghiên cứu, tìm ra lý do chưa thành công để mà làm lại cho tốt.

Ý kiến của Người là một sự động viên, chỉ đạo rất quý giá.

Đặng Văn Cáp và các cán bộ kỹ thuật, công nhân lại tiếp tục kiên nhẫn nghiên cứu, chế tạo lại và cuối cùng, việc sản xuất địa lôi đã thành công. Lò rèn ấy, về sau, trong kháng chiến chống thực dân Pháp, được mở rộng thành Công binh xưởng Lam Sơn. Cho nên có thể nói, cái lò rèn ở “Lô cốt đỏ” ngày ấy là Nhà máy chế tạo vũ khí hạng nặng đầu tiên của chúng ta.

Qua những dòng ký ức về việc ta mò mẫm chế tạo địa lôi, lựu đạn của nhiều nhân vật đương thời vốn đã đi vào lịch sử ấy chúng ta có thể hiểu, như chính nhà quân sự Võ Nguyên Giáp là người đầu tiên đã nói: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam”. Nhận định ấy rất có cơ sở khoa học.

Tiếp đó, anh Giáp vẫn được phân công đi xuống nhiều thôn bản để mở các lớp huấn luyện cho

đồng bào. Theo lời dạy của Già Thu là cứ dựa vào dân, làm theo cái đúng của ý dân thì khó mấy cũng dễ vượt qua. Còn nhớ khi anh làm việc trong nhà của ông Thượng, cất trên một ngọn núi ở Cẩm Lý, Cao Bằng thì giặc lùng sục được. Trước tình thế cấp bách ấy, ông Thượng bình tĩnh chỉ cho anh nơi ẩn nấp rồi bảo: “Mặc kệ mấy tên lính cùn ấy. Bà con ở đây đều là Việt Minh, một bụng một dạ với cách mạng cả. Chúng nó không làm được gì đâu”. Anh Giáp nhận ra lời của ông chủ nhà, cũng như ý của một bà mẹ ở Kim Mã: “Cán bộ còn thì cách mạng còn. Phải cách mạng để dân hết khổ”. Càng ngày, Võ Nguyên Giáp càng thấm thía rằng: đồng bào mình thật vô cùng tốt. Quả như lời ông Thượng, bọn lính sục sạo quanh vườn, ngang nhiên hái các quả chín ăn, rồi lẳng lặng cút đi.

Cứ xong một lớp huấn luyện, anh Giáp lại về gặp Già Thu để báo cáo.

Những dịp như thế, Người thường hỏi anh: “Đã bồi dưỡng được bao nhiêu cán bộ, bao nhiêu phần tử trung kiên, đã chọn được mấy đối tượng thật tốt để có thể kết nạp họ vào Đảng?”.

Khi nghe báo cáo đến một sự kém sút nào đó về sức đấu tranh của quần chúng, Người nói: “Phong trào cách mạng cũng như nước thủy triều, khi lên, khi xuống; các phần tử trung kiên phải như là hàng cọc. Cọc đóng có chắc mới giữ được phù sa phòng khi nước xuống”. Những lúc như thế, anh

Giáp tự nghĩ, lời hướng dẫn của Người, chỉ riêng trong việc huấn luyện lớp trẻ để thành lập lực lượng vũ trang cách mạng cũng đã dung dị, thiết thực như hơi thở, nước uống, cơm ăn hằng ngày. Bốn phạm của những cán bộ như anh là phải tuyên truyền, huấn luyện được nhiều thanh niên và cả những người lớn tuổi ở nơi này để xây dựng một khu căn cứ cách mạng thật vững chắc, nhằm tính sự khởi nghĩa, giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào. Bởi thế, bản thân anh phải thật chú tâm, hết sức rèn luyện trong công việc gây dựng cơ sở.

Một đêm, cùng trò chuyện, khi đã khuya, Người nói: các chú đi xuống cơ sở nhiều, mỗi người nên có thêm một bí danh mới. Nay tôi gọi chú là “Văn”, có được không? Anh Giáp nghe thấy rất thích vì nghĩ, mình họ Võ, như ở bên Trung Quốc thì họ cứ gọi là “ông Võ”. Nay lại có thêm tên gọi mới là “Văn”, “ông Văn” thì hay quá. Anh đáp lời: “Dạ, cháu ưng lắm ạ!”. Già Thu cười rồi bảo: “Thế thì được”.

Trong giây phút ấy, Võ Nguyên Giáp nghĩ như vậy. Nhưng liền sau đó, anh nghiệm ra, tiếng “Văn” mà Già thu chọn để đặt tên bí cho mình là ở trong chữ “nhân văn”, “văn hiến”, “văn trị”, tất cả đều xuất phát từ cái ý là suy tôn sự sống, thương yêu, quý trọng con người.

Thế rồi từ đó anh được các đồng chí gọi là “Văn”, từ là bí danh, sau này thành tên thường

gọi. Cũng như anh Phạm Văn Đồng, được gọi là Tô, vừa thân mật, vừa ám áp. Điều quan trọng là càng về sau, anh Giáp càng nhận ra, trong cái ý lớn mà Già Thu đặt tên mới cho mình là: võ công của người chiến sĩ cách mạng luôn phải xuất phát từ lòng nhân đạo, là nhân văn.

Tuy đặt tên thường gọi cho Võ Nguyên Giáp là “Văn” nhưng cũng như trước kia, những lúc đúng dịp và cần thiết, Già Thu vẫn luôn nhắc anh: “phải trau dồi thêm về quân sự”. Ví như khi chia công việc để mở rộng vùng giải phóng, trong đó, Lê Thiết Hùng và Võ Nguyên Giáp phụ trách khâu Nam tiến, Người vẫn nhắc lại: “Chú Văn phải chú trọng thêm về quân sự, chú Hùng chú trọng thêm chính trị”¹.

Sau đó, Võ Nguyên Giáp bắt tay vào việc mở đường Nam tiến, khai thông cho một lối đi huyết mạch, bước đầu là từ Nguyên Bình, qua Ngân Sơn, Chợ Rã để nối liền về Chợ Chu, Đại Từ mà đi về xuôi.

Trong thời gian ấy, Già Thu chuẩn bị đi lên phương Bắc vì có một số vấn đề cần phải trực tiếp bàn bạc với các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Người ra đi với tên gọi mới là Hồ Chí Minh.

Còn chị Nguyễn Quang Thái sau khi tay ấm con, mắt cố giấu hai hàng lệ mà không dám đến

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.81.

gần để tiễn chồng đi xuất dương dịp ấy, Quang Thái trở về và vẫn làm liên lạc cho Trung ương Đảng. Ngày 25/5/1941, chị vào Sài Gòn dự phiên tòa Nhà binh của thực dân Pháp mở ra để xử án các chiến sĩ cách mạng như Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần,... Khi nghe mấy từ là phán xử: “Nguyễn Thị Minh Khai tử hình”, tim của Quang Thái như ngừng đập rồi đôi mắt nhòa đi, chị phải dựa vào chiếc ghế cao để khỏi bị ngã xuống. Đến ngày 28/8/1941, kẻ địch đưa người nữ chiến sĩ cách mạng kiệt xuất Minh Khai ra pháp trường. Trước giờ phút ấy, Quang Thái đã đến gặp chị ruột của mình lần cuối. Quang Thái lệ đẫm mi, và nấc lên trong cổ họng nhưng đôi mắt Minh Khai vẫn sáng long lanh. Chị nhìn em gái rất lâu như bảo hãy theo dõi anh Lê Hồng Phong đang bị lưu đày ngoài Côn Đảo và nhớ chăm sóc bé Hồng Minh, người con gái duy nhất của anh chị!

Sau giây phút không bao giờ có lại giữa hai chị em ấy nữa, Quang Thái trở ra Hà Nội. Không lâu sau đó, chị bị đế quốc Pháp bắt giam rồi đã oanh liệt hy sinh trong nhà pha Hỏa Lò. Mãi tới lúc này thì cái tin đau buồn ấy mới đến với anh Văn.

Anh gạt nước mắt, nhớ hồi phong trào cách mạng 1930-1931 bị khủng bố tàn khốc, Quang Thái vẫn hoạt động tại Huế rồi bị địch bắt giam ở lao Thừa phủ (của thành phố này). Bấy giờ, biết thực dân Pháp dùng âm mưu ly gián, nhằm gây

nghe, chia rẽ giữa các chiến sĩ cộng sản với nhau, qua song sắt của nhà ngục ở đất Thần kinh chị đã hô vang câu nói bằng tiếng Pháp: “Không ai tố giác bạn, bạn đừng tố giác ai”¹. Cũng trong nhà ngục của đế quốc, thực dân tại Hỏa Lò sau đó, người nữ chiến sĩ cộng sản đến từ sông Lam tuổi đời đang phơi phới sức xuân mà rất đổi đảm lược ấy đã viết những vần thơ:

*Mấy mươi xuân qua sống ở đời
Nhân tình nghĩ đến lệ đầy vơi.
Trông phường đế quốc lòng ngao ngán
Thấy bạn cần lao dạ rối bời.
Quyết chí hy sinh thân kệ chết
Dốc lòng phấn đấu mặc đầu rơi.
Ngọn cờ vô sản bao giờ phất
Chín suối hồn ta mím miệng cười.*

Anh Giáp nuốt lệ khóc người tri kỷ và vô cùng thương nhớ bé Hồng Anh đã vắng bố từ lâu, nay lại mất cả mẹ! Nợ nước, thù nhà, cộng với oán thù của giai cấp, đối với người đảng viên cộng sản chỉ có thể đền đáp tất cả bằng cách: vượt mọi đau thương, gian khó, tiến lên trên con đường cách mạng mà Đảng đã chỉ rõ là dốc hết sức mình chiến đấu, đuổi hết ngoại xâm, hy sinh tất cả cho sự nghiệp giải phóng đất nước và hạnh phúc của đồng bào.

1. “Personne ne te dénonce; ne dénonce personne”. Theo Hồi ký của bà Nguyễn Khoa Diệu Hồng (Thừa Thiên - Huế), nguyên Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ Việt Nam.

Và, ở trên đời, hình như điều dữ riêng hay chung thường không bao giờ đến một cách đơn độc. Những người làm cách mạng cũng chẳng thoát khỏi những nỗi gian truân như vậy. Bởi không lâu sau đó, anh Văn cùng các bạn nhận được tin là Hồ Chí Minh đã bị bọn Quốc dân Đảng, quân của Tưởng Giới Thạch bắt tại Quảng Tây. Tiếp đến là tin anh Hoàng Văn Thụ bị sa vào lưới của mật thám Pháp tại khu Nhà Tám Mái, Hà Nội.

Trong hoàn cảnh đó, những người cùng lo việc lớn bảo nhau là phải kiên cường lên, không để cho công việc chung vì thế mà bị gián đoạn. Muốn thế, phải hết sức cố gắng thực hiện kế hoạch công tác mà Lãnh tụ Hồ Chí Minh đã vạch ra cùng những lời căn dặn trước lúc Người lên đường. Tuy vậy, trong lòng, anh Giáp vẫn lo khi có tình hình đột biến.

Rồi để phản đối ngay hành động đê hèn của bè lũ Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch khi bắt giam người nước ngoài trái phép, Đảng ta đã cho ra số báo *Độc lập* đặc san in bằng ba thứ tiếng: Việt, Trung, Pháp, gửi cho các nhà chính trị và toàn thể nhân dân Trung Quốc, yêu cầu họ vận động đòi trả lại tự do ngay cho vị đại biểu Việt Nam là Hồ Chí Minh. Anh Văn chính là người dịch nội dung bài báo ấy sang tiếng Pháp.

Nhớ lại lời nhắn nhủ của Người: “Các chú đi làm công tác, thấy có điều gì hay, có bài học nào tốt thì nên ghi lại để giúp ích cho công việc về sau”,

anh Văn viết cuốn sách “*Kinh nghiệm hoạt động Việt Minh ở Việt Bắc*”. Cuốn sách nói nhiều đến những thành công trong việc vận động các đoàn thể và các giới đồng bào tham gia công việc cứu nước, cũng như việc tuyên truyền, bồi dưỡng năng lực cách mạng đối với bà con dân tộc ít người. Còn một phần nội dung của cuốn sách là dành để trao đổi về các kinh nghiệm lập chiến khu và cả chuyện ra tờ báo *Việt Nam độc lập*... Cuốn sách được Hội Việt Minh xuất bản vào tháng 02/1944, cung cấp thêm những kinh nghiệm thực tế vào số tài liệu quân sự của đoàn thể cứu quốc trong tổ chức và hoạt động của dân quân tự vệ cũng như bộ đội chính quy lúc bấy giờ. Và đây cũng là những ý kiến bước đầu đóng góp vào kho tàng lý luận chiến tranh nhân dân của ta trong thời đại mới.

Mọi công việc đều đang được thực hiện khá trôi chảy nhưng ai cũng canh cánh một nỗi niềm là không biết tình hình sức khỏe và cảnh sống của Hồ Chí Minh lúc này như thế nào.

Rồi không lâu sau đó, vào một chiều, sau khi đi công tác về đến cơ quan, anh Văn thấy mấy người, có cả anh Phạm Văn Đồng, anh Vũ Anh đang xúm quanh một tờ báo. Anh vội bước tới, được mọi người chuyển cho xem và hỏi, giọng gấp gáp:

- Đây có đúng là chữ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc không?

Đó là tờ báo mới từ bên kia biên giới chuyển về. Ở cạnh lề của trang đầu, vốn là khoảng trống, có

mấy chữ viết tay: “Chúc chư huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác, ở bên này bình yên”. Anh Văn xác nhận thêm ý kiến của mấy người, đó là chữ của Lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Phía dưới trang báo mới có thêm bài thơ (chữ Hán, chép tay):

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tinh vô trần;
Bồi hồi đọc bộ Tây Phong Lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân¹.*

Anh Văn dịch nghĩa:

*Mây ôm núi, núi ôm mây
Lòng sông như gương không chút bụi.
Một mình bước trên núi Tây Phong trong
dạ bồi hồi
Nhìn về trời Nam xa xăm nhớ bạn cũ.*

Ngửi mùi mực và nhìn ngày ấn hành, ai cũng nhận ra đây là tờ báo mới xuất bản. Thế nghĩa là Hồ Chí Minh bình an, Người sắp về với chúng ta. Ai cũng nghĩ như vậy, lòng mừng vui khôn xiết, và tự nhận ra nỗi niềm ứa lên từng khóe mắt của mỗi người.

Năm 1944, khi mùa gặt của vụ Thu trên miền ngược đã vãn, nhân dân các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn (sau này gọi tắt là Cao - Bắc - Lạng) trong trạng thái đợi chờ để có thể được phát

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.3, tr.466.

động một cuộc chiến tranh du kích rộng khắp thì cũng là lúc tình hình chính trị trong nước và thế giới chuyển biến một cách mau lẹ, cách mạng đòi hỏi phải có nhận định quyết đoán và vững chắc cho hoạt động mới. May thay, giữa lúc đó có tin Hồ Chí Minh đã về sát biên thùỵ. Tháng 9/1944, Người đã tới xóm Khum Bắc, địa phận Trung Quốc, cách Pác Bó ba cây số. Sau đó, Người đi tới Lũng Ỉ, cũng là địa phận của nước bạn nhưng đã sát đến xã Nà Sác của tỉnh Cao Bằng. Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh được cử lên đón Người¹. Họ phóng ngựa lên Đèo De, qua Nghĩa Tá, khi tới Nà Kiên thì gặp Người đang trên hành trình trở về. Người lên ngựa ngồi cùng anh. Trông qua, anh thấy vị lãnh tụ tuy gầy và đen hơn, dáng vẻ khá mệt mỏi sau một chặng đường xa và thiếu thốn mọi thứ nhưng vẫn toát lên vẻ ung dung, bình thản với đôi mắt rất tinh anh. Mọi nỗi gian truân, tàn ngược nơi ngục thất của kẻ thù không hề làm suy suyển ý chí kiên cường của một tâm hồn bình dị, trong sáng.

*

* *

Khi Hồ Chí Minh vừa về lại Pác Bó, số anh em có trách nhiệm đều đến gặp Người. Hôm sau,

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng* (tập 1), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.584.

Võ Nguyên Giáp và Vũ Anh tới báo cáo về tình hình. Nghe xong, Người nói với ý: Lúc này mà phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng là chỉ mới nhìn vào thực tế của một vùng chứ chưa căn cứ vào tình hình cụ thể trong cả nước. Như thế thì dễ bị đơn độc. Phải tìm ra một hình thức đấu tranh thích hợp mới có thể đẩy phong trào chung tiến lên. Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư vào rừng núi thì ta sẽ gặp nhiều khó khăn. Riêng về mặt quân sự, từ Hội nghị Trung ương lần thứ tám, Đảng đã chủ trương thành lập Đội Việt Nam nhân dân cách mạng quân. Rồi trải qua nhiều bước khó khăn mà tổ chức đó đã tồn tại và phát triển cho đến ngày hôm nay. Bây giờ, theo đòi hỏi của tình hình mới thì lực lượng vũ trang của ta như thế là chưa theo kịp thực tế, nhất là thiếu hẳn một lực lượng nòng cốt.

Sau đó, trong một cuộc họp, Người nói: “Lực lượng vũ trang của ta hiện đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, những chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất, tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta có thể dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng rồi mở rộng cơ sở để lại phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...”.

Cả hội nghị đều đồng ý thành lập Đội Việt Nam giải phóng quân. Sau đó đến phần tìm người chỉ huy. Cùng trao đổi một lúc, Người hỏi:

- Việc này giao chú Văn phụ trách. Chú Văn có thể làm được không?

Anh Văn nhớ lại, đã bao nhiêu lần, Người bảo anh: “Phải học thêm quân sự, phải chú trọng thêm quân sự”. Những điều đó không phải là ngẫu nhiên. Anh nghĩ, khi Trung ương muốn ký thác cho cán bộ một trách nhiệm, thì từ buổi ban đầu, đã có thông qua tầm nhìn và cách bồi dưỡng rất khách quan của các vị lãnh đạo. Những lời căn dặn phải chăm lo về mặt quân sự của đồng chí Nguyễn đối với mình từ lâu là mong để có một ngày như hôm nay. Lòng cảm động, anh thầm hứa là sẽ tuyệt đối trung thành và tận tụy trước sự giao phó ấy và định thưa lại cho có đầu, có đuôi. Nhưng không hiểu sao, tác phong quân sự như đã ngấm vào máu, và anh trả lời ngay vào câu hỏi: “Chú Văn có làm được không” ấy bằng ba tiếng:

- Có thể được!

Hồ Chí Minh cười, nghĩ rằng, vị chỉ huy này đã đáp lời theo như sự nhận lệnh trong hàng quân. Được lắm!

Tiếp đến, anh Văn trình bày về khả năng đặt sở chỉ huy cho tổ chức quân sự mới tại khu căn cứ Cao - Bắc - Lạng rồi từ đó quán xuyên cả vùng ngoại vi. Người hỏi:

- Có thể tìm được một vị trí “Tiến khả dĩ công; thoái khả dĩ thủ” (tiến có thể đánh, lui có thể giữ). Quân của mình mới hình thành mà địch thì mạnh về vũ khí nhưng ta không thể để cho chúng

muốn làm gì thì làm. Ta phải tìm nơi đóng quân mà từ đó kìm được chân địch, làm cho chúng suy yếu dần dần. Có thể làm được như thế không?

Anh Văn thưa:

- Dạ, sẽ tìm được một nơi như thế, khiến bọn địch không dễ đi vào, còn ta thì từ đó có thể tiến ra mà giết mòn bọn chúng.

Vị lãnh tụ trầm ngâm, tỏ ý tin tưởng.

Đêm ấy, bên bếp lửa ấm, Người ngồi phác thảo ra những nét chính về chương trình kế hoạch thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. Người nhìn anh Giáp rồi dặn đi, dặn lại:

- Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thể nào tiêu diệt ta được. Tổ chức của Đội phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân đào tạo cán bộ và chiến sĩ.

Sáng hôm sau, Võ Nguyên Giáp và Lê Quảng Ba trèo lên một mỏm núi ở phía sau của cơ quan để cùng trao đổi, muốn hiểu kỹ, hiểu sâu thêm, nhằm triển khai tốt bản chương trình kế hoạch thành lập Đội mà vị lãnh tụ đã phác thảo ra. Theo đó, về đại thể, lực lượng ban đầu của Đội là được rút ra từ các đơn vị vũ trang ở Hòa Quảng, Hòa An, Nguyên Bình và sẽ đưa vào Đội này phần lớn các học sinh quân từ Trung Quốc vừa được đào tạo xong, sắp trở về. Vũ khí thì lựa chọn trong số đã có và động viên các chiến sĩ tự trang bị, đồng thời kêu gọi đồng bào các nơi giúp sức.

Gia đình ông bà Tống Minh Phương và mấy nhà Việt kiều ở Côn Minh cũng đã kịp gửi về một khẩu tiểu liên của Mỹ, mác “Sub Machine gun”, kèm theo 150 viên đạn, 6 quả bom lửa, một hộp bom nổ chậm cùng với số tiền 500 đồng (bạc Đông Dương).

Sau khi nghe qua kế hoạch và điếm lại một số tình hình, Người quyết định thêm hai chữ là: “Tuyên truyền” vào tên của đội quân mới thành lập. Anh Giáp được phép điều động cho Đội tất cả 34 chiến sĩ và cán bộ, lấy từ các tổ chức vũ trang từng địa phương.

Thế là Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân ra đời.

Bấy giờ, trong khu Cao - Bắc - Lạng có ba hình thức về tổ chức lực lượng vũ trang, trong đó, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân là chủ lực với nhiệm vụ là phụ trách từng đội vũ trang của các châu và đội tự vệ nửa vũ trang tại các thị xã.

Anh Văn báo cáo rõ với Người về các hình thức tổ chức và lực lượng vũ trang ở từng nơi như vậy, rồi hỏi:

- Dạ, nay Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân là chủ lực, hoạt động theo kế hoạch của Liên tỉnh. Vậy, quan hệ hoạt động giữa Đội với các tổ chức vũ trang ở cơ sở là như thế nào?

Và được trả lời:

- Phải có sự thống nhất chỉ đạo cả quân chủ lực và quân địa phương. Cả ba lực lượng vũ trang

và bán vũ trang cùng đoàn kết, phối hợp chặt chẽ với nhau để phòng vệ và chiến đấu. Đội chủ lực có nhiệm vụ dìu dắt, giúp đỡ để các đội địa phương trưởng thành. Có sự phối hợp nhưng nhớ là phải giữ bí mật; “Địch ở tây, ta ở đông; lai vô ảnh, khứ vô hình”^{*}.

Sau này, anh Văn nghiệm ra, điều Người vừa nói đó chính là phương châm xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng mà ta đã thực hiện suốt trong cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ nhưng tất thắng của toàn dân và phương châm ấy ngày càng thể hiện rõ cái hiệu lực khiến không có bất kỳ một đội quân thực dân, đế quốc nào có thể đánh bại.

Rồi Người ra Chỉ thị chính thức thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân. Chỉ thị nêu rõ: “Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam”¹.

Sau khi viết xong bản Chỉ thị ấy, Người nói với anh Văn: Trong vòng một tháng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho đồng bào và mở ra truyền thống hành động tích cực, nhanh chóng cho bộ đội.

Lĩnh hội đầy đủ trách nhiệm trước Lãnh tụ Hồ Chí Minh về sứ mệnh của tổ chức mà mình được giao nhiệm vụ phụ trách, Võ Nguyên Giáp

^{*} Ý nói là “đến và đi đều không để lại gì”.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.5, tr.540.

cùng anh em lo chuẩn bị mọi mặt. Đúng 5 giờ chiều 22/12/1944, tại khu rừng giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám (nay là xã Tam Kim) thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân chính thức thành lập và làm lễ tuyên thệ trước quốc dân đồng bào, trước anh linh của hai vị anh hùng dân tộc mà hai khu rừng mới mang tên. Anh Văn được Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh ủy nhiệm, đã trịnh trọng đọc Lời tuyên bố thành lập Đội:

“... Theo Chỉ thị của Đoàn thể, dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh, tôi xin tuyên bố: Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thành lập và hạ lệnh cho các đồng chí tiến lên con đường đấu tranh vũ trang.

Từ giờ phút này, các đồng chí sẽ noi theo ngọn cờ, tiến lên trên con đường máu. Chúng ta tiến, tiến mãi cho đến ngày giải phóng của toàn dân”.

Rồi đến lễ Tuyên thệ và đọc “Mười lời thề danh dự” của Đội.

Buổi đầu Đội có 34 người (31 nam, 3 nữ), được trang bị một số vũ khí đáng kể là: 17 khẩu súng trường (nhiều loại) và 14 khẩu súng kíp...¹. Bấy giờ vị chỉ huy trưởng Võ Nguyên Giáp, khi đứng lên tuyên bố thành lập Đội còn mặc bộ comple, đội

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng* (tập 1), *Sđd*, tr. 596.

chiếc mũ phớt đã cũ, gấu quần xắn gọn. Đội chỉ mới có một số lượng chiến sĩ ít ỏi, vũ khí thô sơ và thiếu thốn nhưng “đây là cả một đoàn quân gang thép, rắn chắc, không sức mạnh nào khuất phục nổi, sẵn sàng quật nát kẻ thù”¹. Sức mạnh mà đội quân này có được là bắt nguồn từ đường lối chính trị, quân sự của Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh, ở sự ủy thác và tin tưởng của toàn dân.

Thực hiện lời căn dặn của Người, rằng phải có hoạt động để gây tin tưởng cho đồng bào và mở ra truyền thống hành động tích cực, nhanh chóng cho bộ đội, không lâu sau ngày ra đời, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân đã có Chiến thắng Phai Khắt (ngày 25/12/1944) và Chiến thắng Nà Ngần (ngày 26/12/1944). Các sự kiện quân sự ấy đã đi vào lịch sử giải phóng dân tộc thời hiện đại của Việt Nam.

1. Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 145-146.

**“DÙ PHẢI ĐỐT CHÁY
CẢ DÂY TRƯỜNG SƠN
CŨNG PHẢI KIÊN QUYẾT
GIÀNH CHO ĐƯỢC ĐỘC LẬP”**

Đó là lời Lãnh tụ Hồ Chí Minh dặn anh Văn vào một đêm khi Người đang mệt và nghỉ tại một ngôi lán trong khu rừng thuộc vùng núi Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang.

Phong trào giải phóng hồi đó cuốn hút một cách mãnh liệt đối với nhân dân cả vùng Việt Bắc, nhất là lớp nam, nữ thanh niên.

Trước đó mấy hôm, khi sắp xếp xong công việc, anh Văn lên gặp Người, báo cáo là vùng giải phóng đã được mở rộng về xuôi, thâm nhập cả thành thị và đồng bằng.

Người rất vui và gợi ý tìm một nơi địa hình tốt làm địa điểm liên lạc để có thể mở rộng giao lưu ra bên ngoài. Các anh vâng lời và chọn xóm Tân Trào ở bản Kim Long, châu Tự Do, tỉnh Tuyên Quang. Rồi mấy hôm sau, vào một buổi trưa, các anh đón vị Lãnh tụ về đó. Nơi Người dừng chân đầu tiên là chỗ dưới tán cây đa trước sân đình

Hồng Thái. Người tiếp xúc với đồng bào ở đây như gặp lại người thân. Bà con đồn nhau: “Có ông cụ cao tuổi mà sao nhanh nhẹn và tài giỏi đến thế. Dân mình lăm người tài, nhất định phen này ta sẽ lấy lại được nước”. Các anh nghe, đồng tình, niềm phấn khởi hiện lên trên từng gương mặt. Tất cả cùng cười vui.

Từ đấy, Tân Trào được chọn làm Thủ đô vùng giải phóng.

Rồi Ủy ban Lâm thời Khu giải phóng được thành lập và anh Văn được chỉ định làm Ủy viên thường trực của Ủy ban. Anh có trách nhiệm giữ liên lạc với các đồng chí Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh ở Bắc Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn và cả với Chiến khu Quang Trung do các đồng chí Văn Tiến Dũng, Trần Tử Bình, Vương Thừa Vũ xây dựng. Không lâu sau, ta tổ chức bầu cử chính quyền nhân dân trong Khu giải phóng và sắp đặt các bộ phận phụ trách về: kinh tế, văn hóa - xã hội ở từng địa phương. Ủy ban Khởi nghĩa có các tờ báo: *Việt Nam mới* và *Khu giải phóng*. Tự nhủ là bản thân cùng bao đồng chí và gia đình, bà con phải sống trong một xã hội đen tối rồi theo Đảng và Lãnh tụ Hồ Chí Minh mà mở đường đi lên, đến bây giờ, từ trong tâm khảm, anh Giáp mừng vui khôn xiết vì đã hình dung ra viễn cảnh của một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập trong nay mai.

Anh vẫn công tác ở dưới làng và nhiều hôm, cứ chiều đến lại trở về và xin gặp Người để báo cáo.

Bấy giờ, nhờ sự giúp đỡ của đồng bào, các đồng chí ở địa phương đã làm được một cái lán dù nhỏ nhưng tươm tất, gọn gàng để Người có nơi nghỉ và làm việc tiện lợi hơn.

Một hôm, Người gọi mấy đồng chí, trong đó có anh Văn đến lán bảo là phải gấp rút tổ chức Hội nghị toàn quốc của Đảng và triệu tập Quốc dân đại hội để tiến tới Khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật. Người lượng tính: có thể còn thiếu một số đại biểu chưa về đủ nhưng cũng phải họp, nếu không, sẽ không kịp với tình hình chung.

Giữa lúc công việc đang diễn ra một cách khẩn trương với nhiều nhiệm vụ phải làm như vậy thì Người bị mệt.

Gần đó sức khỏe của Người có phần giảm sút vì phải thức khuya quá nhiều trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, mưa, gió thất thường. Đôi lúc, trong cơn sốt, Người có nói mê. Khốn nỗi là thuốc men quá thiếu, chỉ có mấy thứ trị cảm cúm và chống sốt rét thông thường, Người đã dùng nhưng chưa thấy đỡ. Ban ngày cũng phải nằm nhiều, đó là điều thật bất đắc dĩ đối với Người. Vì thế, có hôm anh Văn muốn lưu lại để được săn sóc Người thêm một chút, Người biết ý, liền bảo: “Chú cứ xuống làng, bản làm công tác, tôi không việc gì”. Sau đó khá lâu, vào một bữa, anh Văn

đến từ chiều rồi cứ nấn ná. Người hỏi: Sao chú chưa về?. Anh thưa: “Dạ, hôm nay cũng không bận lắm, tôi xin được ở lại đây. Người mở to đôi mắt và hơi gật đầu. Chính đêm ấy, Người nói với anh: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”¹.

Nói xong Người lại mệt, nằm thiếp đi. Lúc đã tỉnh giấc, Người biết anh Văn cũng đang thao thức nên lại căn dặn thêm những điều thuộc lĩnh vực quân sự: “Nhớ là khi nào cũng phải chú trọng việc xây dựng chi bộ Đảng, bồi dưỡng cán bộ cốt cán, đảng viên và các đồng chí trung kiên. Trong chiến tranh du kích, lúc nào phong trào lên, ta phải hết sức phát triển, vừa phát triển lực lượng, vừa xây dựng căn cứ cho thật vững chắc, được như thế thì lúc khó khăn mới có chỗ đứng chân”.

Đêm vẫn còn dài và Người vẫn lúc tỉnh, lúc mê. Sáng ra, anh Văn viết thư hỏa tốc báo cáo với Trung ương. Rồi anh tìm hiểu trong đồng bào địa phương, hỏi xem ở đây có thứ thuốc nào giúp cho Người khỏe lên được không? Bà con nói ở gần đây có một ông lang người Tày, giỏi trị các bệnh nóng và ho. Anh cho người cưỡi ngựa đi đón. Ông thầy đến, xin sờ trán xem mạch của Người. Đoạn

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 196, 197.

ông đốt cháy một thứ củ vừa mới đào được ở trong rừng, cho hòa vào cháo loãng, mời Người ăn. Một lúc sau, trán Người toát được mồ hôi. Dần dần, Người tỉnh táo, rồi khỏe ra. Hôm sau, Người ăn thêm vài bần cháo như vậy nữa, các cơn sốt cứ nhẹ dần. Thế rồi, Người lại gượng dậy, làm việc¹.

Từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp. Người còn rất yếu nhưng cũng cố gắng tới dự. Hội nghị nhận định: rồi bàn nhiều vấn đề cấp thiết, trong đó có việc gấp rút những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương đã chín muồi... vũ trang để nhân dân chống Nhật và mở rộng Khu giải phóng. Thực hiện lời đề nghị của Người, Hội nghị đưa ra nhiệm vụ cần kíp về quân sự, như vạch kế hoạch và định nguyên tắc tác chiến, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Đội Giải phóng quân Việt Nam, chú trọng việc thành lập các tiểu tổ du kích để cùng phối hợp và hỗ trợ trong đấu tranh cách mạng.

Ngày 15/8/1945, được tin Nhật hoàng ra lệnh cho quân đội của nước họ đầu hàng Đồng minh, Hội nghị toàn quốc đang họp liền quyết định thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc và lập Bộ Tư lệnh Giải phóng quân để lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa.

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 197.

Sau đó, Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập đã diễn ra tại Tân Trào (ngày 16 và ngày 17/8/1945). “Quân lệnh số 1” của Ủy ban Khởi nghĩa được ban bố. Đồng chí Võ Nguyên Giáp duyệt Đội danh dự của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, xuất phát từ sân đình Hồng Thái, là nơi diễn ra Quốc dân Đại hội. Từ đó lực lượng Giải phóng quân phát triển khắp cả nước.

Đại hội quyết định Quốc kỳ Việt Nam là nền đỏ, giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Quốc thiều là bài “Tiến quân ca”. Đại hội cử ra Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Cán bộ và nhân dân vùng Giải phóng thân mật gọi Người là Hồ Chủ tịch. Lệnh khởi nghĩa lập tức được ban ra cả nước.

Ngày 19/8/1945, khởi nghĩa thành công tại Hà Nội. Lịch sử Việt Nam lấy đó làm ngày tổng khởi nghĩa. Ngày 23/8/1945, khởi nghĩa thành công tại Huế, vua Bảo Đại, vị vua cuối cùng của Triều Nguyễn tuyên bố thoái vị, trao nộp ấn kiếm cho cách mạng. Ngày 25/8/1945 khởi nghĩa thành công tại Sài Gòn. Đến ngày 28/8/1945 thì toàn bộ lãnh thổ đất nước ta, cả Tây Nguyên, Côn Đảo, Hoàng Sa, Trường Sa đều được giải phóng khỏi ách thực dân, phát xít và đều là đất đai, máu thịt của Tổ quốc Việt Nam độc lập, thống nhất.

Sau ngày giải phóng Hà Nội, Chính phủ lâm thời rời Chiến khu Tân Trào để trở về Thủ đô.

Anh Văn có trách nhiệm phải cùng với một Chi đội Giải phóng quân tiến về trước.

Bấy giờ đã là mùa mưa ở Bắc Bộ. Về tới Thị Cầu¹ thì nước lụt dâng lên mênh mông. Cả thị xã phải ngâm mình trong làn nước trắng. Về xuôi nữa, mắt thấy cầu Long Biên và nhận ra giồng đất nổi thường gọi là Con Bờn ở giữa sông Hồng cũng đã sắp ngập hết nhưng trông về bờ nam, cờ đỏ sao vàng tung bay như che khuất cả các phố phường.

Đến ngày 28/9/1945 thì có thêm một Chi đội Giải phóng quân tiến vào Thủ đô giữa tiếng reo hò không ngớt của đồng bào của cả ba mươi sáu phố phường và các khu vực ngoại vi.

Các chiến sĩ từ chiến khu về tuy phần đông nước da còn tái xám, các thao tác của quân lệnh chưa được đều nhưng ở họ chứa ẩn bên trong là những năm tháng dạn dày kinh nghiệm. Về với Thủ đô, họ đã được mặc đồng phục và được nhân dân giúp, trang bị thêm vũ khí các loại nên vững thêm khí thế chiến đấu. Đồng bào Thủ đô nhìn họ với niềm kiêu hãnh và sự đợi chờ ở những bước đi tới trong công cuộc giữ nước và dựng lại nước.

Ngày 25/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từ Tân Trào về đến Hà Nội. Đoàn của anh Văn lên

1. Bấy giờ thuộc tổng Đỗ Xá, huyện Võ Giàng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

đón Người tại làng Gạ, xã Phú Thượng, mời Người về nghỉ tại gác 2, nhà số 48, phố Hàng Ngang, là một gia đình cơ sở của cách mạng.

Ngày 02/9/1945, trước hàng chục vạn đồng bào Thủ đô, Người đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử, trình trọng tuyên bố với thế giới: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước độc lập, thống nhất và tự do đã ra đời. Tuyên ngôn viết: “Một dân tộc đã gan góc chống lại ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập... Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹.

Anh Văn được ở cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại gác 2, nhà số 48 Hàng Ngang nên đã chứng kiến những giờ phút Người thảo *Tuyên ngôn độc lập* qua chiếc máy đánh chữ đặt trên một cái bàn nhỏ có phủ tấm nỉ xanh ở góc phòng, bên cạnh là một chiếc bàn viết to, nơi làm việc của tập thể cán bộ, nhân viên cùng công tác tại đây. Rồi ngày 02/9/1945, anh được ngồi ô tô cùng Người tiến ra Quảng trường Ba Đình, cùng nghe lời Tuyên ngôn của đất nước, của dân tộc trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 3.

thời đại mới, anh càng thấm thía điều Người nói khi còn ở trong khu rừng khuya, nơi căn cứ Cao Bằng - Tuyên Quang: “Dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Có độc lập, tự do là chúng ta có tất cả. Lời Người nói với anh vào buổi đêm hôm ấy chính là lời giục giã của non sông.

TA LẠI TRỞ LẠI TÂN TRÀO

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đem hết thiện chí và nhiệt tâm mong duy trì hòa bình để từng bước giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp có lợi cho cả đôi bên trên cơ sở tôn trọng nền độc lập thống nhất đất nước của ta nhưng thực dân Pháp vẫn ngày một lấn tới, khiến ta buộc phải phát động một cuộc kháng chiến trường kỳ toàn dân, toàn diện.

Trước hoàn cảnh đó, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi anh Văn về khả năng của ta trong việc phòng và giữ các vùng đô thị và nông thôn thuộc Hà Nội cũng như khu vực ngoại vi, Người quyết định:

- Ta lại trở lại Tân Trào.

Đó là việc bất đắc dĩ nhưng là một quyết định anh minh.

Số là, khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc bằng sự thắng lợi của phe Đồng minh, một hội nghị quốc tế có liên quan đến Việt Nam được triệu tập tại Pốtxđam (Potsdam - thuộc Phổ) vào cuối tháng 8/1945 và một hiệp ước đã được ký kết, gọi là Hiệp ước Pốtxđam. Theo đó, Đông Dương tạm được quy ra thành hai vùng có quân Đồng minh vào giải giáp phát xít Nhật. Từ Vĩ tuyến 16 trở vào là quân Anh

và phía ngoài là quân của Tưởng Giới Thạch. Thực dân Pháp không hề được đếm xỉa đến trong các công việc đó. Nhưng lúc quân Anh và quân Tưởng chưa đặt chân lên dải đất hình chữ S này thì ngày 22/8/1945 đã xuất hiện một số võ quan Pháp bên cạnh phái bộ Mỹ khi chúng đáp máy bay xuống Hà Nội. Cũng như trước đó, khi chiến tranh chưa kết thúc, thì vào ngày 24/3/1945 tướng Đờ Gôn (De Gaulle), nguyên là Tổng thống Pháp bại trận trước quân Đức, lưu vong tại Brazavain (Brazzaville - Thủ đô của Côngô), đã tuyên bố Pháp sẽ trở lại Đông Dương. Y còn vẽ ra một xứ Đông Dương mới gồm: Lào, Campuchia, Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Trong đó chúng bỏ Quảng Châu Loan và tránh dùng hai tiếng Việt Nam như tên gọi vốn có gồm ba miền Bắc - Trung - Nam của ta, dụng ý của chúng là sẽ tái chiếm vùng đất này từ tay Nhật rồi chia cắt để lập lại chế độ thuộc địa của chúng. Khi kế hoạch của Đờ Gôn trở thành ảo tưởng (y phải từ chức ngày 20/01/1946), thì dưới quyền của Goanh (Félix Guin, Tổng thống mới), đô đốc Đácgiăngliơ (George Thierry D'Argenlieu), một thầy tu hoàn tục được phái sang làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương lại chủ trương thành lập ra nước "Nam Kỳ tự trị". Nhưng trước đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: "Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam"¹.

*

* *

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.627.

Về nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau khi cướp được chính quyền và giành lại độc lập từ tay phát xít Nhật, chúng ta phải đứng trước nhiều kẻ thù ngoại xâm có nanh vuốt khác nhau trong tình cảnh nền tài chính của nước nhà trống rỗng. Nhân dân miền Bắc sau nạn đói mà trong cuộc họp đầu tiên của Chính phủ Lâm thời (ngày 03/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Từ tháng Giêng đến tháng Bảy năm nay, ở Bắc Bộ ta đã có hai triệu người chết đói”¹. Trong tình cảnh đó, đồng bào ta vừa phải phục hồi lại sức lực đã gần như kiệt quệ bằng cách vừa nhường nhau từng lon gạo để cứu đói, vừa phải mau chóng tăng gia sản xuất để cuộc sống vật chất sớm lại bình thường. Còn nước nhà thì có biết bao nhiêu công việc cực kỳ khẩn thiết, cần những khoản chi phí lớn, tính riêng trên miền Bắc, ta phải cung phụng cho gần 20 vạn quân lính Tưởng Giới Thạch thân Mỹ tràn vào với danh nghĩa tước khí giới của quân Nhật. Đại bộ phận quân Tưởng được lừa sang đây trông như những con ma đói, người đầy ghẻ lở, giang mai. Các tướng lĩnh của chúng thì đều là những tên nghiện nặng thuốc phiện và đòi xài của sang². Cùng theo gót bọn Tàu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 33.

2. Một lần, ông Vũ Đình Huỳnh đã phải đến nhờ một gia đình doanh nhân hảo tâm với cách mạng là bà Hoàng Thị Minh Hồ ủng hộ tiền và mua hộ 10 hộp thuốc phiện, vỏ đồng (loại xuất hiện vào khoảng năm 1930), giá mỗi hộp là 450 đồng bạc Đông Dương để ta cung đón cho bọn tướng của Tưởng như Lư Hán, Tiêu Văn, Chi Phúc Thành,...

Tưởng là những người của các đảng Việt Nam Quốc dân Đảng (gọi tắt là Việt Quốc), Việt Nam Cách mạng Đảng (gọi tắt là Việt Cách). Họ mong về để thành lập “Chính phủ theo Tưởng” hay ít ra thì cũng chia phần lãnh đạo, khi có cơ hội thì lật đổ Chính quyền cách mạng của ta.

Tình thế càng buộc ta phải sớm có những thứ vũ khí cần thiết để trang bị cho quân đội. Tuần lễ vàng đã được khai mạc ngày 16/9/1945 nhằm quyên góp vì mục đích đó. Một hôm, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với anh Văn:

- Chú có gặp cô Minh Hồ thì chú chuyển lời của Bác: mong Tuần lễ vàng này cô ấy cố gắng làm gương sáng cho chị em Hà Nội, Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vì phụ nữ là người giữ chìa khóa buồng.

Cô Minh Hồ (Hoàng Thị Minh Hồ) là con gái cụ Hoàng Đạo Phương và là vợ ông Trịnh Văn Bô, cán bộ cao cấp trong ngành tài chính của Chính phủ ta. Ông là chủ của ngôi nhà 48 Hàng Ngang nói trên.

Được gặp một người đàn ông nho nhã, cặp mắt sáng rất dễ tin, đến truyền đạt ý kiến của cụ Hồ, gia đình ông Trịnh Văn Bô tích cực suy nghĩ với một tinh thần sẵn sàng đóng góp vào Quỹ Độc lập.

Tiền anh Văn về rồi, đợi đến khuya, ông bà mới che bớt ánh sáng ngọn đèn, lật cạy mấy viên gạch lát, khơi sâu cái hố ở dưới chân cầu thang nhà mình và kéo lên một chiếc hũ, lấy ra món của cải

vốn được cất giữ bấy lâu, đem lau sạch, gói gọn, đợi để đến giờ mang ra, góp phần giúp vào công cuộc giữ nước.

Sáng hôm sau, từ Nhà hát lớn thành phố truyền đi tiếng loa: Cụ Hoàng Đạo Phương và ông bà Trịnh Văn Bô đã khai mạc Tuần lễ vàng quyên góp của Chính phủ 117 lạng vàng. Liên sau đây là rất nhiều nhà khá giả hảo tâm và nhân dân các phố đến đóng góp vào quỹ của Tuần lễ vàng.

Có nhiệt tâm, biết thao tác chiến trận mà thiếu các thứ vũ khí cần thiết thì cũng không đánh bại được quân địch có những trang bị hiện đại. Tuần lễ vàng là một dịp để nhân dân khắp nơi thể hiện lòng yêu nước, khát khao độc lập, tự do, cùng chung tay đóng góp, giúp đỡ để lực lượng vũ trang của ta dần dần đi lên chính quy, đủ sức đối phó với mọi kẻ thù. Là người được Đảng và nhân dân giao chăm lo việc quân, đồng chí Võ Nguyên Giáp thấm thía công ơn của quần chúng và nhận rõ thêm trách nhiệm của mình.

Nói về các thế lực ngoại xâm trực tiếp đe dọa đến nền độc lập của ta lúc này thì phải kể đến kẻ cầm đầu quân của Tưởng Giới Thạch là tướng Lư Hán. Dưới Lư Hán là tướng Trương Phát Khuê, mà kẻ dọn đường cho chúng đi sang là Tiêu Văn, phó tướng của Phát Khuê. Mục đích mà Lư Hán thừa lệnh Tưởng là thực hiện âm mưu bành trướng lâu dài của quân Quốc dân Đảng Trung Hoa tại miền Bắc Việt Nam, biến giang sơn này thành một thuộc quốc của Tàu như thời xưa.

Tuy nhiên, các tướng của Tưởng đã chậm chân hơn so với phái bộ Mỹ và bọn tàn quân Pháp.

Về phía Mỹ, từng toán người của họ tới đây, viện cớ đi tìm xác các đồng đội đã chết trên đất này trong chiến tranh, cốt là để dò la tình hình chính trị, tài nguyên và khả năng giao thông của ta. Đã đến rồi là họ không bỏ đi mà lại còn thêm từng toán người Mỹ khác vẫn tới. Tuy nhiên, điều họ không thể không nhận ra là, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có cơ sở rất vững bền để xây dựng một đất nước độc lập, thống nhất và tự do thực sự chứ không phải là “thân phương Tây” như họ nghĩ, nên họ đã tỏ ra thất vọng.

Về phía thực dân Pháp ở Nam Bộ, được quân Anh¹, Ấn, Nhật giúp sức, chúng dự tính sẽ “bình định” xứ này trong ba tuần lễ. Nhưng ngay từ ngày nhân dân Nam Bộ cùng đứng lên chống lại sự tái xâm lược của thực dân Pháp (ngày 23/9/1945), kẻ địch đã nhận ra là chúng phải đối phó với một sức chống trả hết sức kiên cường của nhân dân cả nước, khi mà mọi người cùng được nghe lời kêu gọi thống thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tôi chắc và đồng bào cả nước đều chắc vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam Bộ... Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ! Tôi chắc và đồng bào Nam Bộ cũng chắc rằng Chính phủ và

1. Quân Anh được Đồng Minh cho sang tước khí giới của quân Nhật từ vĩ tuyến 16 (ngang thành phố Đà Nẵng) trở vào.

toàn quốc đồng bào sẽ hết sức giúp những chiến sĩ và nhân dân hiện đang hy sinh đấu tranh để giữ vững nền độc lập của nước nhà,... Chúng ta nhất định sẽ thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của cả quốc dân. Chúng ta nhất định thắng lợi vì cuộc tranh đấu của chúng ta là chính đáng...”¹.

Và những đoàn quân Nam tiến do đồng chí Võ Nguyên Giáp được giao trách nhiệm tổ chức liên tiếp lên đường.

Bởi tình hình đó nên mấy võ quan Pháp đã núp bóng phái đoàn Mỹ mà đến Hà Nội kia vẫn phải bó tay và chờ. Các toán tàn quân khác của chúng cũng phải dừng chân lại ở sát bên kia biên giới Việt - Lào hoặc nằm chực ở trên những con tàu đõi ngoài Vịnh Bắc Bộ, ngón mòn lương thực, thực phẩm và mọi thứ dự trữ khác. Nhưng từ trong cục diện đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn nhận định rằng, thực dân Pháp là kẻ thù nguy hiểm và là kẻ thù chính của nhân dân ta.

Riêng về quân Tưởng, chúng tràn vào miền Bắc nước ta theo nhiều hướng, bởi chúng thuộc nhiều phe phái khác nhau, tuy đều là lính của Quốc dân Đảng Trung Quốc. Theo giấy tờ, tổng số quân mà chúng đưa sang là 18 vạn nhưng trên thực tế là đến hơn 20 vạn tên. Đại thể là:

- Quân đoàn 52 tràn sang, sẽ đến Hải Phòng, vào Vinh và Đà Nẵng do tướng Khẩu Bình Tường chỉ huy;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 29.

- Quân đoàn 53 từ Vân Nam xuống qua cửa khẩu Hồ Kiều là lính của tướng Long Vân cùng với thói quen cướp của, giết người, “sứ mạng” chính của chúng là chuyên việc lật đổ. Một nhóm Việt Quốc do Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam cầm đầu đi theo quân đoàn này.

- Quân đoàn 62 do tướng Trương Phát Khuê dẫn đầu tràn sang qua cửa khẩu Lạng Sơn (có Tiêu Văn là tướng cấp phó của Trương sang trước), sẽ đến thẳng Hà Nội.

Từ lâu Tiêu Văn đã theo dõi tình hình Đông Dương. Trương Phát Khuê và Tiêu Văn lãnh trách nhiệm trước Tưởng là sẽ “sắp xếp chế độ chính trị” tại miền Bắc Đông Dương¹. Bọn này sẽ cùng phối hợp hoạt động với Quân đoàn 53 (lính của Long Vân), đóng tại Hà Nội và các vùng phụ cận. Một nhóm Việt Cách do Nguyễn Hải Thần cầm đầu đi theo quân đoàn này. Khi bọn chúng vừa đến Lạng Sơn thì được tin là Chính phủ cách mạng lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra mắt quốc dân và đọc *Tuyên ngôn độc lập* trước hàng chục vạn đồng bào ở Thủ đô Hà Nội

1. Do được phái sang trước để dọn đường cho “Hoa quân nhập Việt” nhưng sau khi gặp trực tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh và biết về Võ Nguyên Giáp cùng các nhà lãnh đạo khác của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì Tiêu Văn đã có ít nhiều thay đổi trong nhận thức.

2. Xem Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, *Sđđ*, tr.235.

và các vùng phụ cận vào ngày 02/9/1945². *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam (gồm trọn ba miền Bắc - Trung - Nam) đã được lan truyền ra khắp toàn thế giới.

Thế là cả giặc ngoài và thù trong đều đã chậm chân. Tuy nhiên bọn chúng không chịu từ bỏ các âm mưu và hành động mang theo trong dự định.

Cuối tháng 9/1945, tướng Lư Hán đến Hà Nội. Được vài ngày, y đòi ta phải “báo cáo” quân số và tổ chức của quân đội. Chủ tịch Hồ Chí Minh hạ lệnh cho Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp đổi ngay tên gọi Quân Giải phóng Việt Nam thành Vệ quốc đoàn. Chữ “đoàn” là tiếng thường dùng để chỉ những tổ chức vũ trang nhỏ. Gọi như vậy sẽ khiến cho chúng ít chú ý. Ta đã hết sức né tránh, nhằm để khỏi xảy ra những sự đụng độ không cần thiết. Lư Hán cứng giọng tuyên bố rằng, quân đội của hấn làm nhiệm vụ ở Việt Nam sẽ không có sự hạn định về thời gian. Rõ ràng, chúng sang đây không phải chỉ là để giải giáp quân Nhật.

Đầu tháng 10/1945, Hà Ứng Khâm mang danh nghĩa Tổng tham mưu trưởng quân đội Tưởng Giới Thạch ở phía nam Trung Quốc, cùng Mác Lơơ, viên chỉ huy lực lượng quân Mỹ ở bên đó từ Trùng Khánh (“Thủ đô” của Quốc dân Đảng Trung Quốc do Tưởng cầm đầu) đáp máy bay đến Hà Nội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Võ Nguyên Giáp và một số đồng chí khác đến, tổ chức ngay một cuộc diễu hành “Hoan nghênh phái bộ Đồng

minh” với mục đích chính là để ta có dịp biểu dương lực lượng trước bọn chúng.

Từ khi nhận lệnh cho đến lúc đưa quần chúng xuống đường tuần hành, thời gian chỉ có vài tiếng đồng hồ, thế mà ta đã huy động được 30 vạn người, đội ngũ chỉnh tề với những băng, cờ, biểu ngữ rợp trời. Tất cả cùng kéo qua Phủ Toàn quyền cũ, hô vang các khẩu hiệu:

- “Nước Việt Nam của người Việt Nam”;

- “Ủng hộ Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”;

- “Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Một sự đón tiếp diễn ra khá bất ngờ, khiến cho viên Tổng tham mưu trưởng Hà Ứng Khâm đứng trên bậc thềm cao buộc phải cúi đầu đáp lễ mà toát cả mồ hôi. Chắc y thấy rõ: thì ra, quần chúng cách mạng Việt Nam không phải là một cộng đồng người dễ nhận ách nô dịch từ nước ngoài như bọn Mỹ - Tưởng nghĩ mà người của đất nước này vốn là một dân tộc không ngừng nêu cao ý chí độc lập, tự cường. Điều đó vốn đã biểu thị mãnh liệt tự ngàn xưa chứ không riêng ở giữa thế kỷ XX này.

Không khó gì trong việc nhận ra, Hà Ứng Khâm đến Hà Nội với chủ trương “diệt cộng”, “cầm Hồ”, là lệnh của Tưởng Giới Thạch “ban” ra từ Trùng Khánh. Nhưng qua thực tế của những ngày đứng trên đất Hà Nội, y đã phải lắc đầu. Có lúc y đứng lặng như thần thờ trước câu nói rất đỗi bình thản của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay vào lúc

ấy: “Chính sách của Việt Nam đối với Trung Quốc, lúc này tóm tắt lại là phải thân thiện”¹. Súc bạo tàn đặng phải lòng nhân đạo. Tuy nhiên, không phải phút chốc mà thay đổi được bản tính một con người, huống gì đối với một ý thức hệ! Rồi viên tướng Hà Ứng Khâm buộc phải rời đất nước yêu tự do, hòa bình này nhưng vẫn xúi giục bọn tay chân thân cận về những việc cần làm là phá rối, gây bạo loạn, làm cho xứ sở mới giải phóng này suy yếu đi rồi chúng sẽ tính bài sau.

Tiêu Văn thừa lệnh cấp trên và bọn quan thầy, đòi chúng ta phải cải tổ ngay Chính phủ, phải nhường cho bọn Việt Cách, Việt Quốc những “chân” quan trọng trong Hội đồng Chính phủ. Còn quân lính của chúng ở khắp nơi thì hễ có cơ hội là cướp phá, hãm hiếp dân ta. Bọn tay sai của Tưởng cũng dùng đủ mọi lời lẽ xuyên tạc sự thật, nói xấu Nhà nước của nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Quyền độc lập vừa giành lại được của Tổ quốc đến lúc này thật sự như ngàn cân treo sợi tóc. Đã không chỉ một lần Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc với anh Văn câu nói của Lênin: “Giành được chính quyền đã khó, giữ cho được chính quyền còn khó hơn!”.

Đối với nước nhà, để giữ và củng cố chính quyền, phải tổ chức Tổng tuyển cử phổ thông để có một Quốc hội và một Chính phủ hợp hiến, hợp

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 85.

pháp. Bằng cách nhân nhượng để giữ vững khối đoàn kết, thống nhất trong nội bộ nhân dân nói chung, ta đã dành cho bọn Việt Quốc, Việt Cách và các đảng phái khác 70 ghế trong số 403 đại biểu của Quốc hội. Số ghế ta dành cho họ nhiều đến mức họ không tìm ra đủ số người để đặt vào. Chính phủ có 8 bộ thì người của Việt Quốc, Việt Cách giữ 4 bộ là: Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh nông. Vậy mà họ vẫn không thỏa mãn.

Trong phiên họp thứ nhất vào ngày 02/3/1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã bầu ra Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần (người của Việt Nam Cách mạng Đảng) làm Phó Chủ tịch; Kháng chiến ủy viên hội do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch. Đoàn cố vấn quốc gia do Vĩnh Thụy (tức vua Bảo Đại vừa thoái vị) đứng đầu. Về các mục tiêu có tính nguyên tắc do yêu cầu cách mạng đề ra trong Kỳ họp đầu tiên này của Quốc hội ta đã đạt được. Đó là: Chủ quyền quốc gia phải nằm trong tay nhân dân, quyền lãnh đạo phải nằm trong tay Đảng Cộng sản, Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp kháng chiến phải là Hồ Chí Minh.

Kỳ họp kết thúc khi hạm đội Pháp đang “rong ruổi” trên Biển Đông với những nòng đại bác hướng về Bắc Việt Nam. Nhưng không phải là không có lực lượng nào cản lại sự hùng hổ, ngang ngược của chúng.

Ta không thể cùng một lúc đương đầu với nhiều kẻ thù có nanh vuốt khác nhau và đều lấy

danh nghĩa Đồng minh mà phải tìm cách hòa hoãn, loại trừ những thế lực chưa phải là đối thủ trực tiếp trước mắt để đưa con thuyền cách mạng vượt qua những thác ghềnh hiểm trở. Nhưng giữa lúc đó, bọn Việt Quốc, Việt Cách lại phá rối bằng những lời hò hét trống rỗng: “Không điều đình với ai hết”, “Thắng hay là chết”! Tuy nhiên, nhân dân Việt Nam yêu chuộng tự do và công lý, quyết chiến đấu cho nền độc lập của đất nước mình luôn luôn biết nhận ra những điều đúng, sai.

Từ Vĩ tuyến 16 trở vào thì quân Anh đã “bán đoạn” cái quyền chiếm đóng trái phép của chúng cho thực dân Pháp. Từ đó, Pháp lăm le đánh lan ra cả phía nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Vì thế, khoảng thời gian từ cuối tháng 9/1945 đến đầu tháng 3/1946, ta phải tạm nhân nhượng với quân Tưởng để tập trung chặn bước quân Pháp ở miền Nam. Về phần thực dân hiếu chiến Pháp đối với Đông Dương, chúng đã không thực hiện được ý đồ đánh nhanh thắng nhanh nhưng mộng tưởng lập lại chế độ thuộc địa ở toàn xứ này thì chúng đã rất nôn nóng nên vội vã đem hạm đội ra Vịnh Bắc Bộ, chực tấn công lên miền Bắc. Nhưng, quân Tưởng ở miền Bắc Việt Nam dù thua xa quân Anh ở phía nam về mọi mặt, từ thể chất, trang bị và kỹ năng tác chiến nhưng đó cũng là một lực lượng thân Mỹ. Pháp phải đau đớn trả lại các tô giới kèm theo đặc quyền kinh tế của mình trên lãnh thổ Trung Hoa để có Hiệp ước Trùng Khánh

(ngày 28/02/1946). Theo đó, Tưởng phải rút quân khỏi miền Bắc Việt Nam trước ngày 31/3/1946. Hiệp ước ký xong mà quân Tưởng vẫn không chịu thi hành mặc dù Pháp đã phải dúi vàng nén vào túi riêng cho từng tên tướng chỉ huy của chúng. Về phía ta, quân Tưởng còn chiếm đóng ngày nào là còn tổn kém và mất an ninh ngày đó mà quân Pháp thì thế nào cũng tràn vào nên ta phải ký Hiệp định Sơ bộ (ngày 06/3/1946) tạm hòa hoãn với Pháp, tạm cho 15.000 quân của chúng vào đóng có thời hạn ở miền Bắc để đẩy 200.000 quân Tưởng ra khỏi biên thùy, tức loại bớt kẻ thù đến từ bên ngoài. Ta có cơ sở pháp lý để làm việc đó vì nhiệm vụ quân Tưởng sang đây chỉ là để giải giáp quân Nhật mà việc làm đó đã xong từ lâu. Hơn nữa, giữa Pháp và Tưởng đã có Hiệp ước Trùng Khánh.

Sách lược của ta đối với giặc Pháp lúc đó là hòa để tiến. Điều cơ bản, về phía Pháp chỉ mới công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một “nước tự do”, có chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có nền tài chính riêng. Nên khi ký xong bản Hiệp định Sơ bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Chúng tôi không thỏa mãn vì chưa giành được hoàn toàn độc lập (trên văn bản này¹) nhưng chúng tôi sẽ giành được độc lập hoàn toàn². Như thế là Người đã nói

1. Mấy chữ chú thêm trong ngoặc đơn là của người viết.

2. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, *Sđd*, tr. 366.

cho đối phương biết, cuộc chiến đấu của nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục cho đến khi đạt được thắng lợi cuối cùng là độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Chiều hôm sau (ngày 07/3/1946), đồng chí Võ Nguyên Giáp từ Hải Phòng (nơi hai hôm trước, quân Pháp và quân Tưởng vừa đọ súng với nhau), về đến Nhà hát Lớn thì gặp cuộc mítting của nhân dân toàn thành phố Hà Nội.

Một tuần lễ sau khi bản Hiệp định ngày 06/3/1946 được ký kết, Bộ Tổng tham mưu quân đội Quốc dân Đảng họp bàn rồi mới đi đến thỏa thuận để quân Pháp thay chúng làm nhiệm vụ tiếp phòng ở phía bắc vĩ tuyến 16. Bản thỏa ước này được công bố vào ngày 13/3/1946. Thời gian quân Tưởng phải rút được quy định ở trong đó là bắt đầu từ ngày 15/3/1946 và kết thúc vào ngày 31/3/1946. Nhưng thực tế, phải đến ngày 18/9/1946, Tưởng mới thực sự cho rút hết quân khỏi miền Bắc xứ Đông Dương.

Bởi thế, sau ngày 06/3/1946, xung đột giữa quân Pháp và quân Tưởng vẫn diễn ra tại Hải Phòng.

Còn thái độ của thực dân Pháp ở Đông Dương, tất nhiên với bản chất hiếu chiến và mục đích xâm lược, bọn chúng đã giẫm lên chữ ký của mình trên Hiệp định Sơ bộ khi còn chưa ráo mực.

Ta biết trước điều đó nên phải tranh thủ hết sức khoảng thời gian có được chút hòa hoãn để chuẩn bị về mọi mặt.

Hiệp định Sơ bộ cũng thống nhất: Hai bên đình chiến để mở một cuộc đàm phán chính thức. Trong khi đàm phán, quân hai bên ở đâu vẫn cứ đóng ở đấy.

Thực hiện điều đó, ta và Pháp đã thống nhất là mở một hội nghị trù bị tại Đà Lạt.

Đoàn Việt Nam đi dự hội nghị này gồm 13 đại biểu và 12 cố vấn. Nguyễn Tường Tam (người của Quốc dân Đảng), bấy giờ là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao của Chính phủ ta làm Trưởng đoàn; Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Kháng chiến ủy viên hội - Phó Trưởng đoàn. Vũ Hồng Khanh (cũng là người của Quốc dân Đảng), Phó chủ tịch Kháng chiến ủy viên hội, cũng là đại biểu trong đoàn. Thực tế, cơ cấu đoàn như vậy thể hiện rõ rệt chủ trương đoàn kết, hiệp lực vì lợi ích chung của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến.

Bên phía thực dân Pháp, Đácgiăngliơ muốn nhân danh là Cao ủy Đông Dương¹, y sẽ trùm lên cả hai phái đoàn đại biểu của đôi bên nhưng ta không chịu. Vì thế nhà cầm quyền ở Pari phải cử Mác Ăngđơrê (Max André) làm Trưởng đoàn của họ.

Hiệp định Sơ bộ ngày 06/3/1946 đã là bản hiệp định quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với một nước ngoài. Chứng kiến lễ ký

1. Chức Cao ủy Đông Dương của Đácgiăngliơ là do Đờ Gôn phong năm 1945.

có những người thuộc tất cả các cường quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Đó là những người thay mặt nước Pháp, những người đứng đầu Bộ Tư lệnh quân đội Tưởng ở miền Bắc Đông Dương và các đại diện phái bộ Mỹ, Lãn sự Anh.

Lần này, người Việt Nam và người Pháp với cương vị ngang hàng lại sắp gặp mặt nhau để bàn định tương lai của nước Việt Nam khi người Pháp có cuông vọng muốn lập lại chế độ thuộc địa ở Đông Dương.

Khi đoàn của ta tập trung ở Bắc Bộ phủ để lên đường ngày 16/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến gặp, thăm hỏi sức khỏe mọi người rồi dặn: Cần đặt vấn đề Nam Bộ và đình chiến lên đầu chương trình nghị sự. Rồi Người lần lượt bắt tay tất cả mọi thành viên trong đoàn.

Cùng cộng tác để chung lo việc nước, các thành viên trong đoàn dù có khác nhau chút ít về thành phần, về ý kiến thì qua những bước khó khăn phải cùng trù liệu, họ đã ngày một hiểu biết và thân thiện với nhau. Trước giờ đoàn xuất phát, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại cùng Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ra tiễn đưa và nói những lời căn dặn máu thịt. Trưởng đoàn Nguyễn Tường Tam đã thay mặt các thành viên nói: “Xin cảm ơn Chính phủ đã đề cử chúng tôi đàm phán. Xin hứa sẽ làm trọn nhiệm vụ và yêu cầu Chính phủ điều khiển nhân dân ủng hộ phái đoàn và yêu cầu các đảng phái đoàn kết”.

Một đại biểu trong đoàn là học giả, giáo sư Hoàng Xuân Hãn nhận xét về vị Phó Trưởng đoàn của ta: “Lần này là lần đầu tiên tôi biết cá nhân Võ Nguyên Giáp. Trái với tiếng đồn là người róng riết, Giáp đã tỏ thái độ nhã nhặn, có tình cảm nhiều nhưng ý tưởng thì rất cương quyết. Trong hơn ba tuần ở cùng nhau, làm việc cùng nhau, xa không khí thành thị dưới đồng bằng, tôi đã nhìn rõ cái bản lĩnh đặc biệt của nhà cách mệnh trẻ tuổi này”¹.

Chiếc máy bay Gioongkơ (Junker) đưa đoàn của ta đến Pắcxế (Lào) thì bị hỏng máy, phải hạ xuống để đợi máy bay khác từ Sài Gòn lên đón. Anh Văn và mấy người cùng nghỉ trưa trong một ngôi nhà gạch nhỏ, nơi hồi trước viên Công sứ Pháp ở đây dành cho những vị khách cấp cao đi qua Pắcxế nghỉ lại ban đêm. Anh Văn nằm trên một chiếc ghế bố, cạnh Nguyễn Mạnh Tường và Hoàng Xuân Hãn. Anh kể chuyện về chiến khu Cao - Bắc - Lạng và nói: “Phong cảnh nơi chiến khu rất đẹp. Đời sống ở đó say sưa. Lúc về, thế nào tôi cũng đưa các anh lên thăm”. Rồi đến những câu chuyện vui. Tường bông đùa rằng: Anh Giáp phải lấy vợ. Anh Giáp cũng đùa: Nhờ các anh kén cho. Đoạn, anh Hãn nói: “Chúng ta đều đang lo cho số mệnh nước”².

1. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 1552, 1551.

2. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, Sđd*, tr. 1552, 1551.

Lên đến Đà Lạt, để tiến hành hội nghị, các đoàn được phân ra nhiều ủy ban để cùng thảo luận về từng lĩnh vực. Số đại biểu ít mà các phần việc thì nhiều nên một người có thể tham gia nhiều ủy ban. Võ Nguyên Giáp làm Trưởng Ủy ban Quân sự và cũng là Ủy viên bên Ban Chính trị. Những lúc cần, cả hai ban ấy cùng nhóm họp tập thể.

Hội nghị Đà Lạt chỉ là hội nghị trừu tượng cho một cuộc đàm phán chính thức sẽ mở ở bên Pháp. Ta không mong đợi ở Hội nghị này nhiều nhưng trong trao đổi thì phải giữ cho được những điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn trước lúc ra đi mà hai điều quan trọng nhất là: “Phải đình chiến để đợi đàm phán chính thức và không được tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam”. Khi đoàn Pháp khẳng định đòi Nam Kỳ tự trị, Võ Nguyên Giáp tuyên bố: Nếu Nam Bộ mất thì nhân dân Việt Nam quyết chiến đấu cho đến khi đòi lại được. Nguyễn Mạnh Tường nói như lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Miền Nam là thịt của thịt chúng tôi; là máu của máu chúng tôi. Nguyễn Văn Huyền trầm ngâm: “Không phải Nam Bộ là của Việt Nam mà Việt Nam là của Nam Bộ”.

Đácgiăngliơ là kẻ độc đoán, bảo thủ, tự cao. Khi chưa bước vào Hội nghị, y ngạo mạn cho rằng, Đoàn đại biểu của Việt Nam là “tụi trẻ con” nhưng qua tiếp xúc rồi qua diễn biến của cuộc đàm phán, y đã phải “nhã nhận” mà nói lên

trước một bữa tiệc rằng: “Nước Pháp quan tâm nghiêm túc đến nước Việt Nam” (La France prend au sérieux le Vietnam), tức: “Việt Nam là một nước thật chứ không là một sự đùa trẻ con”¹.

Đó là một sự thừa nhận của Đắcgiăngliơ, dù là trong tư tưởng cũng như hành động, y vẫn chủ trương và cố thực hiện việc tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam và lập một chế độ chính trị chung của Liên bang Đông Dương, tức chia để trị đối với Việt Nam hay một lần nữa xóa tên Việt Nam trên bản đồ thế giới.

Sau một số điểm chung mang tính thủ tục mà đôi bên dễ thống nhất, trong phiên họp toàn thể ngày 10/6/1946, Đoàn ta tiếp tục nêu lên chủ trương về việc thực hiện trưng cầu ý dân tại Nam Bộ. Các đại biểu về phía Pháp vẫn ngoan cố giữ lập trường như Đắcgiăngliơ. Nghĩ đến Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí của ta từ Hà Nội cũng như ở các nơi đang theo dõi sát sao diễn biến của Hội nghị Võ Nguyên Giáp đứng dậy nói với đoàn Pháp:

- Các chiến sĩ Việt Nam đã trải qua biết bao khó khăn trong cuộc chiến đấu vì sự sống còn và toàn vẹn của đất nước. Họ chỉ có thể chấp nhận hòa bình trong độc lập, thống nhất, tức công bằng và danh dự cho Tổ quốc mình,... Nhân danh là đại

1. Trích cả nguyên văn và lời dịch của Hoàng Xuân Hãn trong *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, Sđd*, tr. 1551.

diện cho một dân tộc đã có hàng ngàn năm tôi luyện trong lao động và đấu tranh, tôi khẳng định với các ông rằng: Ngày nào Nam Bộ còn tách khỏi Việt Nam thì ngày đó mỗi người dân Việt Nam còn không ngừng dốc hết nghị lực của bản thân vào cuộc đấu tranh để đưa Nam Bộ trở về trong lòng Tổ quốc mình. Nếu tiếng nói của chúng tôi không được đáp lại, bản Hiệp định (Sơ bộ ngày 06/3/1946) không được tôn trọng thì chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm về tất cả những gì xảy ra trong tương lai,... Lịch sử sẽ chứng minh lời nói của chúng tôi là đúng.

Không ít đại biểu Pháp cho lời nói của anh Văn là đúng nhưng số đông trong họ thuộc về phía Đắcgiăngliô và Ăngđơrê thì đã trả lời bằng thái độ chống chế.

Khi không khí của buổi họp cuối cùng diễn ra căng thẳng, trước thái độ ngoan cố của những người đại diện cho tư tưởng hiếu chiến của thực dân Pháp, đồng chí Võ Nguyên Giáp nhớ đến phong thái luôn điềm tĩnh, anh minh, nhẹ nhàng mà nghiêm lệnh trong cách giải quyết việc nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh không nói thêm điều gì, bởi như thế cũng chẳng làm nguội được những cái đầu hiếu chiến của đối phương mà chỉ thêm sự căng thẳng không cần thiết. Anh bình thản ôm cặp da đứng dậy, bước ra khỏi phòng sau khi cánh cửa đóng lại bằng một tiếng “sầm”. Hoàng Xuân Hãn bình luận hiện tượng đó với ý:

“Cái tiếng đống của “sâm” của ông Giáp có đánh thức được lòng mê muội của những người “có cao kiến” đến chính trị Liên hiệp Pháp không? Còn đối với tôi thì đó là tiếng sấm đầu tiên trong cơn giông tố mà nhân dân Việt Nam bắt buộc phải trải qua bằng một cuộc chiến tranh để giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc mình”¹.

Với bản thân anh Văn, qua thực tế đàm phán, anh nhận rõ thêm một điều: Trong đấu tranh chính nghĩa đòi độc lập thống nhất cho đất nước, ngoại giao nhất định phải dựa trên lực lượng của nhân dân. Vấn đề cùng với chính nghĩa là thực lực: dân tộc ta phải mạnh, đất nước ta phải mạnh. Anh lại thêm thấm thía lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói khi anh được Người giao phụ trách việc quân: “Thực lực như cái chiêng, ngoại giao như cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn”. Bấy giờ, về chức trách trong Chính phủ, anh là Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng. Anh nguyện đem hết sức mình góp phần làm cho “cái chiêng thực lực” là sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam ngày một phát triển hùng hậu và kiên cường.

Ngày 13/5/1946, Đoàn đại biểu đi dự Hội nghị trù bị ở Đà Lạt về đến Hà Nội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp đoàn. Người nói:

- Hoan nghênh phái bộ Hội nghị trù bị. Tuy kết quả chưa đủ nhưng phái bộ đã làm cho nước Pháp

1. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn, Sđd*, tr. 1551.

và ngoại quốc biết rõ rằng, người nước ta biết tranh đấu, biết chia nhau công tác và biết đoàn kết.

Võ Nguyên Giáp thắm thía rằng, lời xác nhận và động viên binh dị ấy đã bao trùm lấy mọi tâm hồn, bản lĩnh của những con người đại diện cho các giới, các đảng phái thuộc mọi tầng lớp xã hội trong một thời điểm lịch sử đầy thử thách nguy nan và cũng vô cùng kiên dũng của dân tộc. Và bài học lớn nhất có được qua cuộc Hội nghị trù bị Đà Lạt là đoàn kết và kinh nghiệm đấu tranh giải phóng.

Ngày 19/5/1946 là ngày sinh lần thứ 56 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một phóng viên của Hãng Thông tấn Pháp AFP tới, xin phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh về cuộc hội nghị bị đứt quãng ở Đà Lạt. Người trả lời:

- Đại biểu của hai nước đã nói rõ lập trường của mình một cách trung thực, thẳng thắn, đôi khi đến tàn nhẫn. Đó là một phương pháp hay. Vì nhờ vậy, bây giờ chúng ta hiểu nhau hơn trước. Có một vài điều hai bên đã thỏa thuận. Vẫn còn có những sự bất đồng ý kiến,... Các cuộc xung đột ý kiến không đến nỗi không giải quyết được. Hai dân tộc phải thỏa thuận với nhau để thực hiện một cuộc hợp tác thân thiện. Chúng ta sẽ đặt một nền tảng vững chắc cho cuộc đàm phán sau này.

Người rất tin ở tấm lòng nhân đạo cao cả của nhân dân yêu chuộng hòa bình Pháp và cũng hy vọng ở lương tri của những người Pháp thực dân biết phản tỉnh.

Hội nghị Đà Lạt đã diễn ra như vậy. Những người Pháp cậy vào sức mạnh của vũ trang quân sự đã không “nấn gân” được những đại biểu của nhân dân Việt Nam kiên cường. Và qua hội nghị ấy, người ngoài dễ nhìn thấy rõ hơn bộ mặt của bọn thực dân da trắng hiếu chiến ở Đông Dương cũng như đức nhẫn nại có mức độ của những người dân yêu tự do và công lý trên dải đất hình chữ S nhìn ra Thái Bình Dương: Việt Nam.

Dù kết quả đạt được từ Hội nghị trừ bị Đà Lạt là rất ít ỏi thì sau Hiệp định Sơ bộ (ngày 06/3/1946) cần phải có đàm phán chính thức. Ta cũng không hy vọng nhiều ở cuộc đàm phán sắp tới nhưng cái ta cần là phải có thời gian hòa hoãn nhằm chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến trường kỳ mà nhân dân mình buộc phải tiến hành để giữ trọn nền độc lập, thống nhất thực sự cho Tổ quốc.

Về địa điểm cho cuộc đàm phán này, bọn thực dân ở Đông Dương muốn đặt tại Việt Nam. Sau khi Hiệp định Sơ bộ được ký, chúng đã tung tin là Đácgiăngliơ sẽ cầm đầu phái đoàn của Pháp trong cuộc đàm phán chính thức sắp tới. Nhưng ta không chấp nhận. Bởi vì sau khi đi thăm Quốc hội Pháp¹ trở về, Phó Trưởng ban Thường trực Quốc

1. Chuyến thăm diễn ra từ ngày 25/4/1946 đến 11/5/1946 do đồng chí Phạm Văn Đồng là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội dẫn đầu, khác với Đoàn sang đàm phán ở Phôngtenblô (Fontainebleau) cũng do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu sau đó.

hội Phạm Văn Đồng cho biết là do sự bùng nổ của chủ nghĩa thực dân nên không những đa số nhân dân Pháp mà cả một số kiều bào ta ở bên đó cũng chưa có điều kiện để hình dung rõ về một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập và tự do đã từng tồn tại hơn nửa năm trời. Cho nên ta phải mang ngọn cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc mình đi tiếp đến nhiều nơi để nhân dân Pháp và cả thế giới biết rõ về một nước Việt Nam vốn bị thực dân Pháp âm mưu xóa tên trên bản đồ thế giới nay đã là một quốc gia với chính thể Dân chủ Cộng hòa, có chính phủ, quốc hội, tài chính, quân đội, quyền ngoại giao riêng và đang phấn đấu để đi tới độc lập, thống nhất thực sự và vẹn toàn. Ngoài ra, vì lợi ích của đất nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận lời mời của Đácgiăngliơ tới gặp ông ta ở vịnh Hạ Long (ngày 24/3/1946). Qua buổi tiếp xúc ấy, Người càng nhận thấy cuộc đàm phán chính thức phải được tổ chức ở một nơi cách biệt với bọn thực dân hiếu chiến và ngạo mạn ở bên này, nên Người đã phát biểu, đòi mở đàm phán chính thức ngay tại Pari. Bên Pháp, lúc bấy giờ cũng đang có những khó khăn về nội bộ nhưng họ đã phải chấp nhận đề nghị đó của ta. Thế là riêng việc ấy, ta đã thắng.

Đến ngày ta đã cử xong phái đoàn đi đàm phán chính thức do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn thì cũng là lúc nhận được thư từ Pari mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm với danh nghĩa là thượng khách của nước Pháp.

Vậy, là cùng một lúc, cả hai đoàn phải đi xa trong một thời gian dài khi việc nước còn nhiều khó khăn. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh rất tin vào tập thể Chính phủ và toàn thể nhân dân nên Người quyết định nhận lời mời của nước Pháp. Và Chính phủ đã họp, cử cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Quyền Chủ tịch nước trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh tạm đi vắng.

Ngày hôm sau, trong một cuộc họp để chuẩn bị cho chuyến đi thăm Pháp của Chủ tịch nước, Cụ Hồ nói về trường hợp ông Vũ Đình Huỳnh, một cán bộ được chọn làm công việc như Thư ký riêng của Người (trong thời gian ấy) rằng: “Trước đây (trong chuyến đi gặp Đácgiăngliơ), ta “phong” cho anh Huỳnh chức đại úy (capitaine), đi đường gặp quan tư của Pháp phải chào. Nay, nhân danh Chính phủ, tôi phong cho anh Huỳnh chức đại tá (colonel). Như thế, trong chuyến đi anh Huỳnh chỉ phải chào tướng (général de brigade) Salăng (Salan)”¹.

Ông Vũ Đình Huỳnh cũng có mặt tại đây. Đợi đến lúc có điều kiện, ông thưa riêng với Chủ tịch Hồ Chí Minh về nỗi băn khoăn là mình chưa được dự một lớp huấn luyện nào. Người bảo:

- Việc cầm quân đã có chú Giáp. Chú ấy cũng mới được đoàn thể cử làm Tổng chỉ huy lực lượng vũ trang và bán vũ trang của nhân dân ta. Việc

1. Salan là thiếu tướng, cùng trở về Pháp với Sainteny trong dịp ấy.

phong hàm “đại tá” cho chú là để đi duyệt binh, ngoại giao¹.

Ông Vũ Đình Huỳnh vui, tuy không khỏi bối rối. Nhưng càng ngày anh càng thấy chính với động tác đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo thuận lợi cho sự an ninh của đoàn trong chuyến đi.

Trước lúc lên đường, Chủ tịch Hồ Chí Minh cung kính thưa với cụ Huỳnh Thúc Kháng: “Dĩ bất biến, ứng vạn biến” (Lấy cái không thay đổi để đối phó với muôn sự thay đổi). Sau đó, Người ngoảnh sang phía anh Văn, và bảo: “Dĩ nhu thắng cương” (tức việc quân của ta với đối sánh lực lượng (lúc bấy giờ), phải “lấy cái mềm thắng cái cứng”). Anh Văn nhớ đến câu sách: ”Thiệt nhu năng tồn, xỉ cương tắc chiết” (Cái lưỡi mềm thì còn mà chiếc răng cứng thì gãy).

Võ Nguyên Giáp cùng những người ở lại tiễn vị Chủ tịch nước cùng đoàn của Chính phủ lên đường với biết bao là mến thương và hy vọng. Cả tiền đồ dân tộc đang ký thác ở tài chèo lái con thuyền cách mạng và kháng chiến để đi đến bến bờ toàn thắng của Người.

Đoàn đi dự cuộc đàm phán chính thức của ta do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu cùng lên đường một lúc với đoàn đi thăm nước Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sang đó, vì đang lúc nước

1. “Hồi ký của Vũ Đình Huỳnh”, trong *Nghĩ về Bác lòng ta trong sáng hơn*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2009, tr. 179.

Pháp bận việc thay đổi nội các nên cuộc đàm phán ấy phải hoãn lại và địa điểm họp chuyển đến lâu đài Phongtenblô, cách trung tâm Pari 60 cây số, nên sau này gọi hội nghị ấy là cuộc Đàm phán Phongtenblô.

Đã từ lâu, các cháu thiếu nhi gần xa cũng như rất nhiều người lớn và các cộng sự đã tôn gọi Cụ Hồ Chí Minh là Bác Hồ. Như linh mục Phạm Bá Trực (Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội) khi Cách mạng Tháng Tám mới thành công, được mời ra cùng gánh vác việc nước, lúc vừa nhìn thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ liền chào: “Thưa Bác!”.

Lúc Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pari, nhân kỷ niệm 157 năm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa Pháp (14/7/1789 - 14/7/1946), vào lúc 5 giờ chiều, nhân dân thành phố Pari làm lễ chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau đó, ông Thị trưởng Pari mở tiệc trà trọng thể chiêu đãi Người cùng với nhiều quan chức Chính phủ, nhiều nhà văn, nhà khoa học và nhà hoạt động xã hội danh tiếng ở thành phố này. Khi các quan khách cùng mời nhau ăn hoa quả, Cụ Hồ nâng lên một quả táo và nói: “Phong tục Việt Nam chúng tôi, người đi ăn cỗ thường lấy phần về”. Các vị khách đều cười và cùng nhìn theo khi Cụ Hồ bỏ quả táo vào túi áo và vẫn trò chuyện rất tự nhiên. Tiệc tan, ông Thị trưởng Pari cùng nhiều quan khách tiễn Chủ tịch Hồ Chí Minh ra tận cửa ngoài. Ở đấy có rất đông dân chúng đang chờ đón Người. Một em bé từ

đám đông chạy ra, dang rộng hai cánh tay, gọi: “Bác Hồ! Bác Hồ!”. Người cúi xuống bế em bé, đặt lên trán, lên má em những chiếc hôn thật âu yếm rồi lấy quả táo trong túi mình mà đặt vào tay em. Dân chúng nhìn, hoan hô vang dội. Ông Thị trưởng nói với viên “đại tá” cận vệ của Hồ Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Bây giờ tôi đã hiểu phong tục đi ăn cỗ lấy phần về của Bác Hồ”. Hai tiếng “Bác Hồ” (Uncle Hồ) lại được ông Thị trưởng Thủ đô của nước Pháp thốt lên. Từ đó toàn dân tộc ta và ở nhiều nơi, người người trên hành tinh thân mật gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Bác Hồ.

Còn về quan hệ chính trị giữa hai nước, vì sự ngoan cố của những người Pháp thực dân nên cuộc Đàm phán Phôngtenoblô rơi vào bế tắc. Bọn ngoại xâm hiếu chiến ở Đông Dương rất khát những cuộc đổ bộ và hành quân lấn chiếm với mộng tưởng là phía Việt Nam vì đang chờ ở kết quả đàm phán mà không kịp trở tay. Nhưng ta phải chặn đứng, ít ra thì cũng làm chậm lại ý đồ điên cuồng đó của bọn xâm lược.

Sau khi tiến đoàn của ông Phạm Văn Đồng trở về, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nán lại, cốt để làm cho nhân dân Pháp hiểu vì sao Đàm phán Phôngtenoblô không thành. Đồng thời, Người cũng mong tìm thêm cơ hội để làm chậm lại một cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi mà nhân dân ta phải đương đầu. Vào lúc 12 giờ rưỡi đêm

14/9/1946, Người phải ký với Bộ trưởng Thuộc địa, đại diện Chính phủ Pháp là Mu-tê (Moutet) bản Tạm ước gồm 18 khoản. Trong đó quy định một số điều khoản tạm thời về kinh tế và văn hóa giữa hai nước, đình chỉ chiến sự ở miền Nam Việt Nam, quy định thời gian tiếp tục đàm phán Việt - Pháp vào đầu năm 1947.

Bản Tạm ước ấy, tiếng Latinh là “Modus vivendi”, có nghĩa, đó là một sự thỏa thuận tạm thời giữa hai bên đang có tranh chấp. Nó không đề ra được những quyết định có tính nguyên tắc. Điều quan trọng mà chúng ta có được từ bản Tạm ước là việc Chủ tịch Hồ Chí Minh buộc phía Pháp phải ghi vào văn bản: “Pháp cam kết thi hành những quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ và sẽ đình chỉ mọi hành động bạo lực”.

Để được an toàn trên hành trình trở về, sáng 18/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với các đồng chí trong đoàn và một số anh em Việt kiều bước lên chiến hạm Đuymông Đuyécvin (Dumont D’Urville) trở về Tổ quốc.

Trong số những Việt kiều theo Người về nước lúc ấy có các kỹ sư Phạm Quang Lễ (sau được Người đặt cho tên mới là Trần Đại Nghĩa) và Võ Quý Huân là những nhà khoa học quân sự. Khi về nước, họ đã cùng đồng chí Võ Nguyên Giáp tạo ra được nhiều thứ vũ khí thích hợp, có hiệu quả cao, góp phần đánh bại quân Pháp ở các chiến trường (1946-1954).

Vào lúc hơn 4 giờ chiều 20/10/1946, đoàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đến Hải Phòng. Võ Nguyên Giáp cùng các đồng chí đi đón Người đã tề tựu ở đây. 15 giờ 05 phút ngày 21/10/1946, chuyến xe lửa đặc biệt từ ga Hải Phòng đưa Người và các vị trong đoàn về đến ga Hàng Cỏ, Hà Nội.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu đoàn đại biểu của Quốc hội, Chính phủ, tiếp đến là đại diện các đoàn thể đã tập hợp, chờ đợi sẵn, cùng đồng bào các giới, đứng kín cả sân ga và các đường phố bao quanh ngóng trông. Trong đó nổi lên là đông đảo các chiến sĩ bận quân phục màu lá cây, cùng đoàn quân nhạc mang kèn đồng, các thanh niên nam, nữ ăn bận theo đời sống mới: áo sơ mi trắng cộc tay, quần soóc xanh. Và ngập trời những cờ, hoa. Tất cả cùng nô nức đón chờ Người.

Bộ Chỉ huy quân đội Pháp cũng cử đến một đội danh dự và một đoàn quân nhạc. Tướng Pháp Moóclie (Morlière) mới từ vịnh Cam Ranh ra cũng đã có mặt tại đây. Chủ tịch Hồ Chí Minh dự lễ đón mừng ở sân ga rồi lên xe, trở về Bắc Bộ Phủ.

Ngày 23/10/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về”, khẳng định: “Không trước thì sau, tôi dám quyết rằng, Việt Nam nhất định độc lập, Trung, Nam, Bắc nhất định thống nhất”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.468.

Người nói với đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ là những nơi đang bị giặc Pháp lấn chiếm và âm mưu tách các nơi đó ra khỏi Việt Nam, rằng:

“Trung, Nam, Bắc, đều là đất nước Việt Nam.

Chúng ta đều có chung một tổ tiên dòng họ, đều là ruột thịt anh em. Nước có Trung, Nam, Bắc, cũng như một nhà có ba anh em.

Không ai có thể chia rẽ con một nhà... thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta.

Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Tôi trân trọng hứa với đồng bào rằng: Với quyết tâm của đồng bào, với quyết tâm của toàn thể nhân dân, Nam Bộ yêu quý nhất định trở lại cùng thân ái chung trong lòng Tổ quốc Việt Nam”¹.

Một trong những điều khoản chính của bản Tạm ước ngày 14/9/1946 mà Chính phủ Pháp nhận thi hành là: “Hai bên thôi đánh nhau”.

Ta tôn trọng chữ ký của đôi bên. Được sự ủy thác của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 26/10/1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt Tổng Quân ủy hội gửi cho Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Pháp một bản đề nghị, nói rõ quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội Pháp sẽ cùng ngừng bắn vào 0 giờ ngày 30/10/1946 và ta đã nghiêm chỉnh thi hành lời đề nghị đó.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.469.

Mệnh lệnh của Chính phủ ta liền được quân và dân Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ thực thi một cách nghiêm túc.

Điều này khiến bọn Đăcgiăngliơ bất ngờ và hoang mang, vì rõ ràng, chính quyền ở các nơi đó không phải đã thuộc về tay chúng như lâu nay tên Cao ủy hiếu chiến đã huênh hoang rêu rao, tuyên bố là: “Hà Nội không kiểm soát được gì ở Nam Bộ!”.

Nhưng rồi bên phía địch, chúng không chịu thi hành bản đề nghị của ta, cũng như không thực hiện những điều được ghi trong Tạm ước ngày 14/9/1946. Chúng cứ hung hãn nổ súng vào đồng bào ta để mở rộng thêm phạm vi chiếm đóng nên ta cũng không thể đơn phương ngừng bắn. Đồng bào miền Nam và nhân dân cả nước càng thấy rõ, dù kẻ địch có lấn chiếm, khủng bố như thế nào thì đất Nam Bộ và Nam Trung Bộ vẫn là đất của một nước Việt Nam toàn vẹn lãnh thổ; đồng bào Nam Bộ và Nam Trung Bộ đều là dân của nước Việt Nam thống nhất ba miền. Chỉ là thời gian để thực hiện điều đó là sớm hay muộn mà thôi.

Tại kỳ họp thứ hai, ngày 31/10/1946, Quốc hội khóa I giao cho đồng chí Hồ Chí Minh một trọng trách là cùng tham gia thành lập Chính phủ mới để đảm đương những nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Cụ Huỳnh Thúc Kháng tuổi cao sức yếu, xin được nghỉ việc nước nhưng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị nên cụ đã ở lại tham gia thêm một

nhiệm kỳ công tác nữa. Nguyễn Hải Thần trước được cử làm Phó Chủ tịch Chính phủ lâm thời nhưng ông ta không làm việc. Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam và Nguyễn Hải Thần đã bỏ nước mà đi sau khi có Tạm ước ngày 14/9/1946. Chính phủ mới được Quốc hội nhất trí tán thành, bổ phiếu bầu vào chiều 02/11/1946 gồm:

Hồ Chí Minh, Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Và 11 Bộ trưởng khác, tổng cộng là 14 vị.

Sau đó, Quốc hội thảo luận rồi thông qua bản Hiến pháp chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Không đầy bảy tuần lễ sau ngày chúng ta lập ra Chính phủ mới, do chính sách xâm lược của thực dân Pháp, chiến tranh đã lan rộng ra cả nước. Bảy giờ, sau khi thăm dò ý kiến của một số đại biểu, đến một hôm, sau cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp:

- Nếu địch mở rộng chiến tranh trên miền Bắc, Hà Nội có thể giữ được bao lâu?

Bộ trưởng thưa:

- Có thể giữ được một tháng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh lại hỏi:

- Các thành phố khác thì sao?

- Các thành phố khác thì ít khó khăn hơn.

- Còn vùng nông thôn?

- Vùng nông thôn, ta nhất định giữ được.

Vị Chủ tịch nước suy nghĩ chốc lát rồi nói:

- Ta lại trở về Tân Trào¹.

Sau đó, ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh hạ bút ký “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”.

Trách nhiệm của người quân nhân Võ Nguyên Giáp càng thêm nặng nề và thiêng liêng.

1. Xem Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, *Sđd*, tr. 545, 546. Về việc giữ Thủ đô khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thăm dò qua một số người trước khi hỏi đồng chí Võ Nguyên Giáp. Các ý kiến là gần giống nhau.

TRAO CHO CHÚ CHỨC VỤ ĐẠI TƯỚNG

Ba mươi chín năm sau ngày Toàn quốc kháng chiến (ngày 19/12/1946) bùng nổ, một nhà khoa học Pháp tới Hà Nội chuyển đến đại tướng Võ Nguyên Giáp câu hỏi của cô con gái của cố Thống chế Lơcoléc (Leclerc): Cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp có thể tránh được không?

Nên biết là gia đình Lơcoléc cũng như gia đình Đơlát đờ Tátxinhi (De Lattre de Tassigny) là hai thống chế đã từng làm Tổng Chỉ huy quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương mà họ đều là nạn nhân của chiến tranh. Mỗi gia đình có một người con trai đi lính và chết trên chiến trường Việt Nam. Hai bà mẹ của hai gia đình đau khổ đó đã có lần mặc áo tang đến gặp Thủ tướng của nước họ là Plêven (Pléven) hỏi: Vì sao cứ kéo dài cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam?

Hàng chục năm sau khi nổ ra cuộc chiến tranh này, nhiều nhà sử học trên thế giới vẫn còn nêu câu hỏi: Ai là kẻ đã châm ngòi cho nó?. Tức họ muốn nói vì sao dẫn đến sự kiện đêm 19/12/1946.

Những năm 1987-1988, Xten Tônétxen (Stein Tonnesson), nhà sử học người Nauy và Philip

Đờvile (Philippe Devillers), nhà sử học người Pháp, trên cơ sở hồ sơ của các nước phương Tây đều đi đến kết luận: Valuy (Valluy) và Pinhông (Pignon), những kẻ trung thành với chủ trương tái lập quyền thống trị của Pháp trên bán đảo Đông Dương bằng sức mạnh, tìm mọi cách làm sớm nổ ra cuộc chiến khi thấy Lêông Bolum (Léon Blum) trở thành người cầm đầu Chính phủ Pháp. Nếu phía Việt Nam không cung cấp cho họ cái cớ mà họ mong đợi thì họ cũng sẽ chủ động kế hoạch tác chiến¹. Nguyên nhân sâu xa cũng như trực tiếp bùng nổ cuộc chiến tranh như thế là đã rõ ràng.

Còn ai là kẻ châm ngòi?

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm đủ cách để ngăn chặn, thậm chí nhằm trì hoãn một cuộc chiến tranh mà nếu nó nổ ra thì nhất định sẽ lâu dài và rất đau khổ cho đồng bào mình nhưng đã không thể ngăn nổi cuộc chiến đó. Mà thực tế cuộc chiến tranh ấy không phải đến ngày 19/12/1946 mới mở màn. Sự thật thì nó đã bắt đầu từ mười lăm tháng trước đó, khi mà ngày 23/9/1945, quân Pháp đã vô cớ nổ súng chiếm Sài Gòn rồi đánh loang ra ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả vùng Tây Bắc nước ta. Ngày 23/11/1946, chúng đánh

1. Xem *Chiến đấu trong vòng vây* (Hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hữu Mai thể hiện), Nxb. Quân đội nhân dân và Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1995, tr. 21.

chiếm Hải Phòng. Còn ở Hà Nội, ta đã rất kiên trì giữ yên vị trí đóng quân theo như Tạm ước ngày 14/9/1946 nhưng giặc Pháp thì sau những tháng không ngừng gây hấn, tướng của họ là Moóclie (Morlière) đã gửi giấy đòi chậm nhất là vào sáng 20/12/1946, quân Pháp sẽ tước vũ khí của lực lượng vũ trang Việt Minh tại Hà Nội. Tình thế buộc Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam phải điện cho lực lượng vũ trang các khu 1, 2, 3, 11, 12 và Đà Nẵng: “Lệnh nổ súng lúc 20 giờ ngày 19/12/1946”.

Có ý kiến cho rằng, lệnh nổ súng có thể trì hoãn thêm. Vì lúc này, bên Pháp, Thủ tướng còn là ông Lêông Bolum, người của Đảng Xã hội, cùng một số nghị sĩ là người của Đảng Cộng sản không muốn tiến hành chiến tranh ở Đông Dương, và như thế nếu để đến khoảng tháng 10/1947 mới chính thức nổ ra cuộc chiến thì Việt Nam có thêm thời gian chuẩn bị¹. Nhưng không phải thế, Cao ủy Pháp ở Đông Dương lúc đó vẫn là Đácgiăngliơ hiếu chiến, do Thủ tướng Sácđờ Gôn (Charle de Gaulle) bổ nhiệm chứ không phải người của Đảng Xã hội và y còn giữ chức đó cho đến đầu tháng 4/1947. Mọi thông tin giữa Hà Nội với Pari đều bị bọn Pháp ở Sài Gòn dập tắt hoặc làm cho trì hoãn. Rôi Bôlae (Bollaert), kẻ thay quyền, làm Cao ủy, cũng hiếu chiến không khác gì Đácgiăngliơ.

1. Theo ý của Stein Tonnesson trên *VietNamnet* (tháng 10/2014).

Dân tộc Việt Nam không chấp nhận việc để cho kẻ thù ngoại xâm bắt nạt.

Vì thế, chính Hà Nội là nơi nổ súng đánh trả trước và đánh rất kiên cường. Anh chị em tự vệ Thủ đô vì phải chống giặc mà đã quên cả việc mùa xuân năm Đinh Hợi đang đến. Trong thư gửi các chiến sĩ quyết tử quân Thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

“Các em ăn Tết thế nào? Vui vẻ lắm chứ? Tôi và các nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em nên cũng không ai nỡ ăn Tết. Còn 90 phần trăm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trăm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để chuẩn bị công cuộc trường kỳ kháng chiến. Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để cho Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn, tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em,... Các em hăng hái tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào luôn luôn ở bên cạnh các em...”¹.

Sau Tết, ngày 29/01/1947, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp² đến gặp Bộ Chỉ huy

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr. 44.

2. Ngày 17/12/1946, Hội đồng Chính phủ họp đã cử đồng chí Võ Nguyên Giáp làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (thay Luật sư Phan Anh).

Mặt trận Hà Nội bàn việc đưa bộ phận còn lại của Trung đoàn Thủ đô ra bên ngoài.

Đêm 17/02/1947, Trung đoàn Thủ đô đã bí mật rút ra khỏi địa phận Liên khu I sang Phúc Yên một cách an toàn. Mãi đến 9 giờ sáng 18 tháng 02, quân địch mới phát hiện ra và cho một lực lượng đuổi theo. Chúng đã bị tiểu đội du kích Hồng Hà chặn đánh, kìm chân lại. Cả tiểu đội ấy do Nguyễn Ngọc Nại chỉ huy đã anh dũng hy sinh để cho cả Trung đoàn Thủ đô được an toàn.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng chỉ huy quân đội Võ Nguyên Giáp đã gửi thư biểu dương tinh thần anh dũng của anh em du kích Hồng Hà cũng như các cán bộ và chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô:

“Các chiến sĩ đã chiến đấu hai tháng ròng rã để giữ vững ngọn cờ nước Việt giữa Thủ đô Hà Nội. Các chiến sĩ đã nêu cao tinh thần oanh liệt của dân Việt và thanh danh rực rỡ của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Các chiến sĩ lại mở được con đường máu vượt qua vòng vây quân địch để thực hiện Chỉ thị bảo toàn chủ lực. Các chiến sĩ sẽ tiếp tục chiến đấu cho Tổ quốc Việt Nam. Chúng ta sẽ chiến đấu 10 năm hay lâu hơn nữa, nếu cần.

Cho đến ngày Tổ quốc độc lập, thống nhất.

Cho đến ngày Thủ đô Hà Nội được rạng mặt làm Thủ đô một nước độc lập, thống nhất”¹.

1. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)*, tập 1, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr. 214.

Công cuộc tổ chức cho nhân dân tản cư khỏi các đô thị để đi kháng chiến bắt đầu. Từ đó kéo dài cho đến năm 1950, phải chiến đấu trong vòng vây của các thế lực ngoại xâm và của chủ nghĩa tư bản nhưng ta vẫn mở đường để đi đến thắng lợi.

Trung đoàn Thủ đô rút lên chiến khu, đông đảo nhân dân đi tản cư nhưng bộ đội địa phương và dân quân du kích Hà Nội thì không rời Hồ Gươm - Bông Tháp, vẫn chiến đấu kiên cường và tìm cách liên lạc ra ngoài.

Cuộc kháng chiến đã nổ ra trên phạm vi toàn quốc và quân dân Việt Nam ngày càng chiếm ưu thế nên càng đánh càng mạnh. Tổng số Vệ quốc quân vào ngày Toàn quốc kháng chiến là 85.000 người thì đến ngày 27/7/1947 lên đến 120.000 người. Địch thì càng đánh càng bị động, phải chấp nhận Kế hoạch Mác-san (Marchall), lệ thuộc ngày càng trầm trọng vào vào kinh phí và ý đồ chiến tranh của Mỹ. Còn nhân dân Việt Nam thì càng đánh càng trưởng thành. Nhưng vì bản chất là yêu chuộng hòa bình nên kể cả sau khi giành được những chiến thắng vang dội, ta vẫn cứ đề nghị bên phía Pháp cùng gặp nhau để đi đến một kết quả ngừng xung đột, miễn là tôn trọng quyền độc lập, tự do và thống nhất của đất nước và nhân dân ta.

Ở bên Pháp, Pôn Ramadiê (Paul Ramadier) đã lên thay Lêông Bôlum. Ngày 13/3/1947, ông Thủ tướng mới này tuyên bố: “Không thể giải quyết vấn đề Đông Dương bằng vũ lực”.

Ngày 19/3/1947, Đảng Cộng sản Pháp ra Nghị quyết về chiến tranh Đông Dương: Ban Chấp hành Trung ương khẳng định một lần nữa sự cần thiết hoàn toàn phải chấm dứt những hành động cừu nghịch ở Đông Dương, phải nối ngay những cuộc đàm phán với Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh trên cơ sở Hiệp định ngày 06/3/1946, phải tôn trọng độc lập và thống nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong khuôn khổ Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp.

Có được những thái độ và lời tuyên bố từ Pa-ri như vậy là nhờ những thắng lợi của nhân dân ta trên chiến trường cũng như trên mặt trận ngoại giao và nhờ vào uy tín của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ngày 21/3/1947, Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin về sự ngổ lời của ta: “Nếu Chính phủ Pháp tuyên bố chính thức và sẵn sàng công nhận độc lập và thống nhất của Việt Nam và bảo đảm thực hiện đường lối chính trị đó thì tất cả mọi vấn đề khác có thể giải quyết một cách dễ dàng...”¹.

Đácgiăngliơ vì thái độ hiếu chiến quá lộ liễu nên bị triệu hồi về Pháp. Ramadiê cử Bôlae (Bollaert) sang thay, Valuy vẫn được ở lại, giữ chức Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh. Đầu tháng 4/1947, Bôlae đến Sài Gòn. Khi đã sang bên này rồi thì Bôlae cũng như Valuy đều vẫn trung thành với chủ trương của Bộ Thuộc địa cũng như

1. Xem *Chiến đấu trong vòng vây*, *Sđd*, tr. 119-120.

của Đô đốc Đácgiăngliơ trước đó, tức vẫn đòi lập lại chế độ thuộc địa ở Đông Dương bằng bạo lực súng đạn và chia cắt.

Tuy nhiên, ngày 19/4/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn gửi thêm cho Chính phủ Pháp một bức Thông điệp nêu rõ: “Nước Việt Nam chiến đấu cho độc lập, thống nhất. Nước Pháp như lời tuyên bố của Thủ tướng Ramadiê là không chống lại độc lập và thống nhất của Việt Nam... Chiến tranh kéo dài chỉ có thể tăng thêm hận thù, dẫn tới những hy sinh về tính mạng... Để biểu lộ sự thành thật quan tâm của Việt Nam đối với hòa bình và hữu nghị, với nhân dân Pháp, chúng tôi đề nghị với Chính phủ Pháp cho ngừng ngay mọi hành động cừu nghịch và mở đàm phán để giải quyết hòa bình cuộc xung đột”.

Thiện chí hòa bình và tinh thần nhân đạo của chúng ta sáng rõ như vậy nhưng bên phía Pháp đã không chịu đáp lại bằng việc điều khiển một cách có hiệu lực đối với bọn tướng lĩnh hiếu chiến ở Đông Dương.

Thế là không còn những cuộc tiếp xúc để bàn về chiến sự giữa ta và Pháp, nhưng rồi do từ bên phía họ đề nghị, thỉnh thoảng ta cũng đã cử đại diện gặp những lãnh sự Mỹ, Anh, đại diện Hội Chữ thập đỏ và cả những chính khách, nhà khoa học Pháp do họ phái tới để gửi thông điệp hay dò tìm tù binh. Trước khi giải quyết những vấn đề như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường hỏi các

đồng chí trong Thường vụ Trung ương, có lúc thì hỏi riêng Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đầu tháng 5/1947, đồng chí Hoàng Minh Giám được cử gặp viên Lãnh sự Anh ở gần Cầu Đuống. Sau ít phút chào hỏi, làm quen, viên Lãnh sự hỏi:

- Ông có biết ông Pôn Muýt (Paul Mus) không? Ông ấy đã có dịp gặp ông ở Hà Nội và đã được yết kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh trước ngày 19/12/1946.

- Có, đúng như vậy.

- Ông Pôn Muýt muốn được gặp ông. Ông ấy đã đi theo tôi đến bên kia Cầu Đuống, cách đây khoảng độ một kilômét và đang chờ ở đó. Nếu ông đồng ý tiếp thì ông đó sẽ tới ngay.

- Về việc gì vậy, ông có biết không?

- Một việc rất quan trọng, ông ấy tha thiết gặp ông. Hiện giờ ông ấy là cố vấn, một người giúp việc thân cận của Cao ủy Bôlae.

Đó là việc Pôn Muýt muốn nhờ ông Giám thưa với Chủ tịch Hồ Chí Minh cho ông ta được gặp Người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh linh cảm biết đấy là việc gì. Điều hệ trọng và cũng là việc quan nên Chủ tịch Hồ Chí Minh có đem điều này ra trao đổi với anh Văn trước khi anh đi ra tiền phương. Sau đó, Người đồng ý gặp cố vấn của Bôlae.

Pôn Muýt đã có mặt ở Đông Dương vào những năm 1930 với cương vị là Giáo sư Khoa Khảo cổ học. Ông ấy thạo tiếng Việt và biết cả chữ Hán. Sau ngày 06/3/1946, ông ấy đến Hà Nội. Qua một thời gian về Pháp đầu quân trong Chiến tranh thế

giới thứ hai, sau ngày 06/3/1946, ông ấy đến Hà Nội với cương vị cố vấn chính trị của tướng Bôlae.

Vào một ngày đầu của trung tuần tháng 5/1947, người của ta đến đón Pôn Muýt ở Cầu Đống. Ông giáo sư này hăng hái đi bộ theo người dẫn đường đến thị xã Thái Nguyên và được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tối 12/5/1947. Sau vài lời chào hỏi, câu chuyện được mở đầu bằng lời của người khách:

- Thưa Chủ tịch, tôi rất cảm ơn Chủ tịch đã cho tôi được gặp để làm nhiệm vụ do Cao ủy trao, là chuyển trực tiếp đến Chủ tịch bản Thông điệp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh với thái độ niềm nở, hỏi:

- Bản Thông điệp ấy đâu?

Bằng một vẻ bí mật và cung kính, ông giáo sư đáp lời:

- Thưa Chủ tịch, vì những lý do không tiện trình bày ở đây, bản Thông điệp của Cao ủy trả lời bức thư đề nghị ngừng bắn của Chính phủ Việt Nam không được ghi vào giấy. Tôi đã nhớ kỹ nội dung, xin được nhắc lại đúng từng lời trong văn bản.

- Tôi sẵn sàng nghe - Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn ung dung chờ.

Và Pôn Muýt đọc một hơi: “Để thực hiện một cuộc ngừng bắn, về phần mình, Cao ủy Pháp ở Đông Dương xin nêu với với Chủ tịch bốn điều kiện: Thứ nhất, quân đội Việt Nam phải nộp vũ khí cho Pháp. Thứ hai, quân đội Pháp được tự do đi lại trên đất nước Việt Nam. Thứ ba, Chính phủ

Việt Nam phải trả lại cho Pháp tất cả những người nước ngoài đã bị bắt (mà họ gọi là con tin). Thứ tư, Chính phủ Việt Nam phải trao trả lại cho Pháp tất cả những người nước ngoài (ý nói là người Nhật và người Pháp) đã chạy sang phía Việt Nam”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nghiêm sắc mặt nhưng giọng vẫn ôn tồn:

- Ông Muýt, tôi nghe nói, ông đã tham gia cuộc kháng chiến của nhân dân Pháp chống chủ nghĩa phát xít Hítler, điều đó có đúng không?

- Thưa Chủ tịch, đúng!

- Vậy ông hãy trả lời, nếu ở địa vị tôi, ông sẽ có thái độ như thế nào với bản Thông điệp của ông Bôlae? Ông có nhận những điều kiện đó không?

Rồi Người tiếp lời:

- Tôi nghe nói, ông Bôlae cũng đã tham gia kháng chiến chống Hítler và có thành tích. Những điều kiện ông ấy đưa ra có nghĩa gì? Có nghĩa là ông ấy đòi chúng tôi phải đầu hàng. Ông Muýt, bản thân ông có nghĩ rằng, chúng tôi có thể đầu hàng không? Lại còn điều liên quan đến những người nước ngoài đứng trong hàng ngũ kháng chiến của Việt Nam chống thực dân! Phải là một con người hèn mạt mới chấp nhận những điều kiện như vậy. Nếu tôi chấp nhận, tôi là kẻ hèn mạt (*Si j'accepte, je serai un lâche*). Và tôi nghĩ, trong Liên hiệp Pháp không có chỗ cho những kẻ hèn mạt (*Je pense que, dans l'Union française il ne doit pas y avoir de place pour des lâches*).

Người nhìn Pôn Muýt.

Ông khách này tỏ ra thăm thía rồi cung kính:

- Tôi hiểu. Thưa Chủ tịch, tôi hiểu.

Chuyện về bức Thông điệp dừng lại đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tiếp về lập trường của Chính phủ và nhân dân Việt Nam là yêu chuộng hòa bình, muốn có quan hệ tốt với nhân dân Pháp nhưng kiên quyết kháng chiến để bảo vệ nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc mình. Pôn Muýt thừa nhận rằng, đó là tình cảm và ý chí chính đáng. Ông ta hứa là sẽ báo cáo đầy đủ với Bôlae.

Pôn Muýt tỏ ra xúc động thực sự. Trước lúc cáo lui, ông cung kính nói lời kính chúc sức khỏe Chủ tịch Hồ Chí Minh, rồi hỏi:

- Thưa Chủ tịch, như vậy là chiến tranh vẫn tiếp diễn.

- Chúng tôi muốn hòa bình nhưng không phải là hòa bình với bất cứ giá nào! Mà phải là hòa bình trong độc lập, tự do.

- Thưa Chủ tịch, chúc Người dũng cảm (*Du courage, Monsieur Le Président*).

- Luôn luôn, tất nhiên (*Toujours, naturellement*).

Đồng chí phục vụ cho cuộc gặp mang sâm panh ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Pôn Muýt uống cạn ly, chia tay rồi khuất vào trong bóng đêm¹.

1. Xem Hoàng Minh Giám: “Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Đặc phái viên của Cao ủy Pháp Bollaert tại Thái Nguyên”, Báo *Tổ quốc*, tháng 7/1987.

Chẳng biết rồi vị giáo sư Khoa Khảo cổ đóng vai thuyết khách kia có tỉnh ngộ thêm và đem hết tinh thần của buổi gặp mà nói với tướng Bôlae? Còn nhân dân Việt Nam thì không có con đường nào khác là phải chiến đấu đến cùng để giành giữ độc lập và thống nhất cho Tổ quốc mình.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp đã lĩnh hội đầy đủ tinh thần, ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong buổi trò chuyện với đặc phái viên của tướng Bôlae ấy.

*

* *

Một hôm, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với anh Văn:

- Chiến tranh còn lâu dài. Chú phải lo chuyện tục huyền để mà an tâm công tác.

Rồi, trong một buổi chuyện trò giữa hai người, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhắc đến Hoàng đế nước Pháp Napôlêông¹ hồi còn làm tướng, trong những ngày căng thẳng nhất về trận mạc, ông ấy vẫn dành thời gian viết thư gửi về cho vợ.

Sau đó không lâu thì anh Văn với cô Bích Hà, con gái trưởng của nhà văn Đặng Thai Mai (quê ở Thanh Chương, bấy giờ nhà văn Đặng Thai Mai đang giữ chức vụ là Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Thanh Hóa) làm lễ kết hôn. Nhà văn vốn là thầy giáo của anh ở Huế. Thời Mặt

1. Napoléon Bonaparte (1769-1824), Hoàng đế nước Pháp (1804-1814).

trận Bình dân, anh lại cùng thầy dạy ở trường Thăng Long. Anh chị chưa có dịp về “lại mặt” ở quê ngoại huyện Thanh và càng không thể về thăm quê chồng vì Quảng Bình đang bị giặc chiếm. Nhưng dãy Hồng Lĩnh chín mươi chín ngọn ở vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh cũng như dòng sông Gianh mênh mang trong vắt của đất Bình - Trị - Thiên tuôn dài ra bể thì vẫn hiển hiện như lòng chung thủy của lứa đôi. Họ ngầm nói với nhau, ngày về lại với đỉnh non quê ngoại và ngọn nguồn quê nội hẳn là không xa!

Canh cánh trong lòng lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chú phải học thêm quân sự”, khi rời Hà Nội để lên chiến khu Việt Bắc, anh Văn không quên mang theo cuốn sách *Bàn về chiến tranh* của Cólôđwít (Clausewitz)¹, tác phẩm mà Người bảo anh nên đọc. Chị Bích Hà cũng được bố trí lên công tác ở chiến khu. Chị cũng đã học đến bậc Tú tài. Nhiều buổi chị làm thêm chân “thư ký phụ” của vị Tổng chỉ huy quân đội, đọc cuốn sách *Bàn về chiến tranh* cho chồng nghe. Qua nhiều trang sách, khi nghe hết chương “Chiến tranh nhân dân” với giọng đọc đầy diễn cảm, anh Văn cứ nghĩ vì sao một sĩ quan của chế độ Phổ lại có được những nhận định rất triết học về một hình thức

1. Clausewitz nguyên là một sĩ quan của quân đội Đức. Vợ chồng đồng chí Võ Nguyên Giáp và Bích Hà đọc cuốn sách này qua bản dịch bằng tiếng Pháp của Denise Naville.

đấu tranh vũ trang của nhân dân? Colôdovít phải có một tinh thần thiết tha yêu Tổ quốc mình, không chịu cho đất nước Đức bị giày xéo dưới vó ngựa của kẻ thù ngoại bang mới viết nên được những điều như thế. Anh càng chú ý đến đoạn mà tác giả của cuốn sách nói là “Chiến tranh nhỏ”. Nó rất phù hợp với những điều mà tổ tiên người Việt nói: “Lấy yếu thắng mạnh; lấy ít thắng nhiều”, “Dùng đoản đao thắng trường trận”. Cũng là lời Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn anh trước khi Người lên đường đi thăm nước Pháp (năm 1946): “Dĩ nhu thắng cương”. Anh Văn bảo chị Bích Hà dừng lại khi chị vừa đọc xong đoạn viết sau đây của Colôdovít: Chiến tranh nhỏ biểu hiện các đặc tính: những phân đội nhỏ có thể đi qua mọi nơi, tự tiếp tế không khó khăn, giữ bí mật, di chuyển nhanh chóng, rút lui dễ dàng ngay cả khi không có đường sá... Rồi anh nghĩ, phải chăng, những gì nhân dân Việt Nam đang làm để giữ nước cũng có chỗ giống loại hình tổ chức như Colôdovít đã viết. Vừa lúc đó, chị Hà trao cho chồng tách trà có ướp hương hồi xứ Lạng. Thì ra, ở chiến khu cũng có những giây phút thật yên bình.

Sau đó, vợ chồng anh Văn nhận được một phong thư từ “Bình - Trị - Thiên khói lửa” gửi ra nơi “Thủ đô gió ngàn”. Bức thư do bà nội đọc cho cháu gái viết:

“Mẹ có mấy lời thăm con: Giáp và Hà.

Mẹ mong các con cho được mạnh khỏe luôn luôn thì mẹ mừng lắm.

Còn mẹ và Anh cũng được thường nhưng mà thua lúc ở nhà nhiều lắm.

Chuyện nhà nhiều nỗi đắng cay, của tiền không kể, nhất là thầy có còn hay không, điều ấy thì mẹ buồn lắm”.

Số là thân phụ đồng chí Võ Nguyên Giáp, cụ Võ Quang Nghiêm, khi giặc Pháp chiếm lại Quảng Bình (năm 1946), gia đình tản cư, cụ còn nán lại thu xếp một vài việc thì bị quân giặc xông đến. Có người trông thấy cụ bị chúng bắt, đem buộc tay vào phía sau một chiếc xe gíp (Jeep) mà chạy vào. Chúng giam cụ tại Huế, tra tấn rất dã man. Rồi cụ mất tại nhà lao¹.

Nợ nước, thù nhà chất nặng lên đôi vai những người con trung hiếu.

*

* *

Tháng 8/1947, Bộ Tổng chỉ huy quân đội mở lớp bổ túc về quân sự và chính trị cho các cán bộ Trung cấp toàn quân tại xã La Bằng, huyện Đại Từ,

1. Bức thư trên là do cụ Nguyễn Thị Kiên, thân mẫu của đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc cho cháu nội là Võ Thị Hồng Anh viết. Về Hồng Anh, sau khi mẹ là Quang Thái hy sinh trong nhà lao của giặc Pháp, cô được gửi về ở Quảng Bình để ông bà nội nuôi cho ăn học. Thư và chuyện nhà của cụ Võ Quang Nghiêm được dẫn ra ở trên là do chúng tôi dẫn theo cuốn sách *Võ Nguyên Giáp thời trẻ* của Hồng Cư và Bích Hà, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2004.

tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến dự. Đồng chí Võ Nguyên Giáp đi đón Người từ ở bên kia suối. Trước đông đảo sĩ quan các cấp, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn: “Người làm chỉ huy cao càng phải có trách nhiệm đối với kỷ luật, đối với binh sĩ, đối với nhân dân... Cán bộ phải thương yêu, săn sóc đội viên, khi thường cũng như lúc chiến... Đội viên chưa có cơm ăn, chưa có áo mặc, chưa có chỗ ngủ thì cán bộ không được ăn no, không được mặc ấm, không được ngủ yên. Bản thân cán bộ phải chăm lo học tập: học chính trị, học tập chiến lược, chiến thuật, học cách cầm quân... làm sao đánh thắng giặc mà đỡ xương máu của chiến sĩ, của đồng bào, rút ngắn lại những ngày đau khổ”.

Người có trách nhiệm đầu tiên trước lời giáo huấn của Cụ Hồ đối với Quân đội nhân dân là Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp. Lúc tại chiến khu cũng như trong cả cuộc đời, nếp sống và tấm lòng của Chủ tịch nước của chúng ta luôn luôn là vì đồng bào, vì các chiến sĩ, là tấm gương cho các vị chỉ huy, nhất là người đứng đầu lo việc quân noi theo.

Với sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự bảo vệ, nuôi nấng của nhân dân, quân đội ta đã ngày càng trưởng thành về đội ngũ, về kinh nghiệm chiến đấu.

Với địa hình chiến lược của mình, để chủ động đánh địch và rút lui được gọn nhẹ, ta chưa xây dựng đơn vị tác chiến cấp đại đoàn mà còn theo công thức “Đại đội độc lập, Tiểu đoàn tập trung”

để từng đơn vị gọn nhẹ có thể phân tán về các chi khu, các địa phương mà kết hợp việc bồi dưỡng cho lực lượng dân quân, du kích. Hội nghị Quân sự lần thứ tư của ta đã đề ra như vậy. Anh Văn mang tinh thần đó đi về Địch Mạc, báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người chăm chú nghe, rồi bảo:

- Phân tán một phần quân chủ lực để phát động chiến tranh du kích là rất cần. Không chỉ đưa từng đại đội vào phía địch hậu mà cả đến những địa phương nay mai chiến sự có thể lan tới. Nên, công thức “Đại đội độc lập, Tiểu đoàn tập trung” là phù hợp.

Đoạn, Người bảo:

- Việc này, Thường vụ Trung ương Đảng sẽ bàn và quyết định cụ thể. Sau đó, chú Văn cho triển khai ngay.

Gia đình nơi mượn làm chỗ gặp gỡ mang ra đĩa sắn và một bát mật mía. Người nói lời cảm ơn rồi bảo anh Văn:

- Chú ăn đi.

Người cũng dùng một ít để chủ nhà vui lòng rồi châm điếu thuốc, ngồi trầm ngâm. Đoạn, Người nói thêm:

- Địch đưa sang nhiều viện binh. Nay mai chiến sự sẽ lan rộng và ác liệt hơn, dân mình còn phải cực khổ nhiều... Thu đông này các chú chuẩn bị tốt chưa?

- Anh Văn báo cáo là Chỉ thị của Trung ương đã được Bộ Quốc phòng cho chuyển đến các nơi, cả

sự hướng dẫn về việc cất giấu kho tàng, lương thực và vật dụng của từng gia đình nơi có thể diễn ra chiến sự cũng như vạch kế hoạch phá hoại các cung đường giao thông quan trọng để ngăn sự cướp phá và các cuộc hành quân chiến lược của giặc. Ngoài số bộ đội được bổ sung, ta có trên một triệu chiến sĩ du kích. Tất cả đã được chấn chỉnh, bồi dưỡng suốt trong mùa hè vừa qua, đang sẵn sàng đợi lệnh chiến đấu.

Người gạt đầu, tin tưởng.

Sau đó, Việt Bắc bước vào chiến dịch Thu - Đông 1947.

Valuy là tác giả của kế hoạch tiến công chiến lược vào Việt Bắc. Ông ta vốn là tham mưu trưởng Quân đoàn 1, dưới quyền của tướng Đờlát trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nay lại là người được Lơcoléc chọn để kế nhiệm mình ở Đông Dương. Valuy nói găm gừ trong một cuộc họp cùng bộ hạ, với ý: Việt Nam không còn là những cộng đồng riêng rẽ như trong quá khứ để cho phép chúng ta đánh chiếm bằng bình định theo lối cổ truyền nhằm chiếm tuần tự từng vùng đất đai nữa. Xã hội Việt Nam ngày nay là một cấu trúc hình tháp (*pyramide*), cố kết bằng một ý thức hệ được lãnh đạo chặt chẽ từ bên trên. Muốn tái chiếm Việt Nam trước hết phải đập nát cái đầu (*écraser la tête*) là Việt Minh, tức là tách phần đỉnh ra khỏi cái đáy hình tháp. Để làm việc này, cần tiêu diệt “Khu cố thủ Việt Minh” (*Réduit Vietminh*) nằm ở Thượng du Bắc Bộ..

Các cuộc hành binh, nhảy dù, bủa gọng kìm của chúng tiếp sau đó đều nhằm tập trung vào một mục đích như vậy.

Từ ngày 7/10/1947, địch cho máy bay chở nhiều quân nhảy dù xuống Bắc Kạn. Chúng tưởng đó là trung tâm thủ phủ kháng chiến của Việt Minh.

Sau khi bố trí các công việc, điện cho các cấp và các đơn vị biết về tình hình đó, anh Văn về Địch Mạo báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người hỏi:

- Địch có thể huy động bao nhiêu quân vào cuộc tấn công này?

Anh Văn thưa:

- Dạ, theo tin tức gần đây, Valuy được tăng viện hai vạn quân.

Người nói:

- Thực dân Pháp không đủ sức để theo đuổi một cuộc chiến tranh lâu dài. Chúng muốn cố gắng đánh một đòn quân sự quyết định, mong tạo điều kiện cho Bôlae đưa Bảo Đại về, nhằm kết thúc chiến tranh. Dù Valuy có huy động được cả hai vạn quân vào cuộc tiến công này thì với địa bàn hiểm trở của Việt Bắc, với tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc ở căn cứ địa, ta cũng không có gì đáng ngại.

Người dự đoán, giặc còn đánh lấn và nhảy dù xuống nhiều nơi khác nữa nhưng tin là chúng phải trả giá đắt khi ta đang tiến lên không chế địch từ khi chúng còn ở trên không.

Quả là như vậy. Sáng ngày 9 tháng 10/1947, khi quân của chúng vừa nhảy xuống Cao Bằng thì

cũng là lúc một đơn vị Vệ quốc của ta trực trên đồi Thiên Văn đã bắn rơi chiếc máy bay Junke 52. Xác của nó rơi xuống địa phận xã Đê Thám, mang theo cả bộ chỉ huy đợt đánh phá Việt Bắc của chúng khi bọn này đi thám sát chiến trường, trong đó có viên Thiếu tá Lămbe (Lambert), đặc phái viên của quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tất cả bọn địch đều chết. Trong số tài liệu mà ta thu được từ xác chiếc máy bay ấy có một bản đồ tác chiến kèm theo “Kế hoạch tiến công Việt Bắc” của chúng.

Ngày 14/10/1947, khi kết thúc cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh:

- Tình hình rối ren về chính trị ở chính quốc và phong trào đấu tranh đòi giải phóng ở các thuộc địa đã dẫn Pháp đến chỗ muốn sớm kết thúc chiến tranh ở Đông Dương. Chúng chỉ tiến công ồ ạt được vào lúc đầu. Nếu ta thực hiện tốt việc đánh địch ở khắp nơi, buộc chúng phải dàn mỏng lực lượng đối phó thì chúng sẽ thất bại. Bên ta, nếu quân và dân bảo toàn được chủ lực qua mùa đông này thì coi như là thắng lợi. Còn phía địch, giá mà chuyển này chúng không đánh để kết thúc chiến tranh được nhanh thì lúc đó, cục diện sẽ đổi mới, có lợi cho ta.

Ngày 15/10/1947, theo tinh thần của cuộc họp hôm trước, Ban Thường vụ Trung ương Đảng thông qua và cho phát đi bản Chỉ thị do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp chuẩn bị là:

“Phải phá cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp”. Quân và dân cả nước đã nô nức thi hành bản Chỉ thị đó.

Ngày 15/10/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết trong Lời kêu gọi quân dân Việt Bắc đánh bại cuộc hành binh của địch rằng: “Giặc hội quân ở Bắc Kạn, tạo thành cái ô trùm lấy Việt Bắc rồi cụp ô xuống, dưới đánh lên, trên đánh xuống, mong phá cho được cơ quan đầu não kháng chiến của ta... Chúng mạnh ở hai gọng kìm. Gọng kìm mà gãy thì cái ô cụp xuống thành ô rách và cuộc tiến công của chúng sẽ thất bại”.

Tiếp theo Lời kêu gọi của Chủ tịch nước, ngày 16/10/1947, Bộ trưởng Võ Nguyên Giáp ký bản Mệnh lệnh, phát đi tín hiệu để các đơn vị ở Việt Bắc thực hiện.

Rồi binh lính Pháp trên chiến trường Đông Dương đã sớm hơn rất nhiều trong việc nhận ra sự thật về cục diện chiến tranh so với Bộ Tổng chỉ huy của bọn họ. Đây là những dòng về thư từ, nhật ký mà ta thu nhận được ở những con người từng chịu thất bại và vô vọng kia:

“Chúng tôi bị bao vây tứ phía. Đi ra ngoài một bước là lập tức bị đạn bắn tủa từ trên núi xuống” (Đội viên Gátxtông Varen).

“Bọn Việt Minh đông không thể tưởng tượng được. Chúng tôi bị phục kích nhiều lần và thua thiệt khá nhiều... Chúng tôi không càn quét được

gì hết, vì chúng tôi vừa đi qua thì Việt Minh liền trở lại ngay” (quan ba Tibô).

“Đây là chiến đấu của những toán quân nhỏ trên rừng núi. Nó đã gây cho ta những tổn thất nặng nề” (Đại úy Buócdô).

“Nếu chúng ta có con, chúng ta sẽ không cho chúng đi vào cái xứ khủng khiếp này” (Péc-nô - Thư gửi cho vợ ngày 15/11/1497).

“Người ta tự hỏi, những cố gắng và hy sinh của mình sẽ vô ích chăng!” (Logiê)¹...

Riêng những lời thú nhận của binh sĩ đối phương cũng đã thể hiện rõ là, Chiến dịch thu đông 1947 ta đã thắng to.

Quân đội nhân dân Việt Nam ngày càng tiến lên chính quy, hiện đại.

Đã đến lúc Nhà nước phải có thể thức phong cấp quân hàm cho đúng với tầm thế của một quân đội đã đương đầu và không hề thua kém đối với một đội quân nhà nghề, có tiếng là thiện chiến của một cường quốc ở châu Âu.

Trong phiên họp Hội đồng Chính phủ ngày 19/01/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị thành lập Bộ Tổng Tư lệnh quân đội quốc gia Việt Nam, phong quân hàm cho một số cán bộ quân đội và tặng thưởng huân chương cho những người đã lập được nhiều chiến công. Chủ trương

1. Xem *Chiến đấu trong vòng vây*, Sđd, tr.207.

đó được tất cả các thành viên trong Hội đồng Chính phủ hoan nghênh.

Sau này, trong buổi chuyện trò với một nghệ sĩ trẻ (tháng 02/2004), ông Võ Nguyên Giáp thổ lộ: “Sau một cuộc họp của Hội đồng Chính phủ tháng 01/1948 (mà lúc đó tôi còn bận đi công tác xa), Bác nói: Chính phủ phong chú Văn hàm Đại tướng. Chỉ có thể thôi và không báo trước. Sau đó với tư cách là Chủ tịch nước, Bác mới ra Sắc lệnh”¹.

Đúng là như vậy, ngày 20/01/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh Số 110-SL phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp; và một số sắc lệnh khác phong quân hàm cho các lãnh đạo, chỉ huy quân đội bao gồm 1 Trung tướng và 9 Thiếu tướng...².

Ngày 28/5/1948, vào lúc 1 giờ chiều, lễ phong quân hàm ở chiến khu được tổ chức một cách trọng thể. Hội trường là một ngôi nhà mới được

1. Xem Báo *Sức khỏe và đời sống* số ra ngày 21, 23/12/2006.

2. Được phong Trung tướng là đồng chí Nguyễn Bình. Được phong Thiếu tướng là các đồng chí: Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái, Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng, Trần Đại Nghĩa, Trần Tử Bình. Rồi cứ theo đó mà phong quân hàm ở các cấp dưới. Trong buổi lễ này chỉ kịp trao cho những đồng chí là quân nhân đang chiến đấu tại Việt Bắc và các tỉnh lân cận. Với các đồng chí đang chiến đấu hoặc công tác ở nơi xa thì Chính phủ gửi về để địa phương cùng phối hợp trao quân hàm.

dựng lên bên một dòng suối lớn, nép dưới tán cây rừng và dựa lưng vào sườn núi. Xung quanh chắn bằng những tấm vách mới đan, còn thơm mùi nứa tươi. Phía trong, bàn thờ Tổ quốc được kê cao, trang hoàng, giản dị mà tôn nghiêm. Nổi lên là lá cờ đỏ sao vàng và chiếc lọ cắm những chùm hoa núi đỏ thắm, tỏa mùi thơm dịu dịu. Hai bên bàn thờ là các khẩu hiệu: “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi”; “Thống nhất, độc lập nhất định thành công”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và cụ Trưởng ban Thường trực Quốc hội đứng hai bên bàn thờ, tiếp đến là các thành viên khác trong Chính phủ.

Chủ tịch nước nâng tờ sắc lệnh và gọi đồng chí Võ Nguyên Giáp lên. Bằng một giọng trang nghiêm và xúc động, Người nói: “Hôm nay tôi thay mặt Chính phủ và nhân dân...” Rồi bỗng người ngừng lời, nâng tấm khăn lên lau nước mắt. Lát sau, Người nói tiếp: ... “Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng để chú điều khiển binh sĩ làm tròn sứ mạng mà quốc dân phó thác... Đoạn, Người trao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp bản Sắc lệnh. Cụ Trưởng ban Thường trực thay mặt Quốc hội, ông Phan Anh thay mặt Hội đồng Chính phủ, ông Tạ Quang Bửu thay mặt Bộ Quốc phòng... bày tỏ lời chúc mừng và lời hứa của toàn thể bộ đội là sẽ nêu cao tinh thần chiến đấu anh dũng dưới sự chỉ huy của Đại tướng. Đồng chí

Võ Nguyên Giáp xúc động phát biểu, đại ý: Vào giờ phút này, tôi càng vô cùng nhớ tiếc các anh hùng liệt sĩ, biết ơn Chủ tịch nước, biết ơn Quốc hội, Chính phủ và nhân dân đã dành cho tôi vinh dự cao cả. Tôi hứa sẽ đem hết tinh thần và nghị lực làm tròn nhiệm vụ, góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc¹.

Sau buổi lễ ấy, mọi người ngồi quây quần quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người nói: “Có được việc phong Tướng cho chú Giáp và các chú khác như hôm nay là kết quả biết bao công lao của đồng bào, đồng chí... Các thế hệ đi trước cũng chiến đấu gian nan mà sự nghiệp chưa thành, nhắm mắt vẫn còn chưa thấy độc lập, tự do. Chúng ta ngày nay may mắn hơn nhiều nhưng trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn. Nghĩ tới hàng ngàn, hàng vạn người đã ngã xuống cho ngày hôm nay, chúng ta càng phải cố gắng giành cho được độc lập, tự do để thỏa mãn vong linh những người đã khuất”.

Cuộc trò chuyện trở thành buổi ôn lại tinh thần yêu nước, chống ngoại xâm trong truyền thống đấu tranh cách mạng của dân tộc ta.

Không khí ấy khiến Võ Nguyên Giáp nhớ đến lời của Đại vương Trần Hưng Đạo trong “Hịch tướng sĩ”: “Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ

1. Xem *Chiến đấu trong vòng vây*, *Sđd*, tr. 218-219.

mình vì nước đời nào chẳng có. Ví thử, những người đó cứ khư khư theo thói nữ thường tình thì cũng chết hoài ở nơi xó của sao có thể lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời được”.

Nghĩ như vậy, Trần Hưng Đạo đại vương mượn lời vua Trần mà nói lên nỗi lòng của mình: Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù. Dẫu trăm xác ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa, ta cũng nguyện xin làm.

Những bài học về lòng yêu nước, chí làm trai được các thầy giáo truyền thụ từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường sao mà hôm nay, Võ Nguyên Giáp nhớ lại thật sáng rõ. Bỏn phận của kẻ làm tướng trước hết là phải hy sinh chiến đấu. Chẳng vì thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Hôm nay, thay mặt Chính phủ và nhân dân... nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trao cho chú chức vụ Đại tướng...”. Người không nói “phong cho chú quân hàm Đại tướng”, mà nói “trao cho chú chức vụ Đại tướng”. “Trao” là trao trách nhiệm; “chức vụ”, quyền hạn là gắn với nghĩa vụ, phải cố làm sao cho tròn phận sự của kẻ làm tướng, đứng đầu hàng quân. Những lời trong “Hịch tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo được vang lên trong tâm trí Võ Nguyên Giáp vào giây phút đó, ở hoàn cảnh như vậy. Và, lúc bấy giờ, vị Đại tướng vừa được nhận thụ phong như muốn giơ cao nắm tay nói to lên hai tiếng: “Xin thề!”.

Vì vậy, khi đã được phong quân hàm cao nhất vào buổi đó, Võ Nguyên Giáp vẫn muốn mãi mãi, từ cậu binh nhất cho đến các vị tướng liêu hữu cứ gọi mình theo cái tên vốn đã rất thân thuộc, là: “Anh Văn”.

Khi sự kiện phong cấp quân hàm lần đầu tiên ấy của ta được công bố trên Đài Tiếng nói Việt Nam, một phóng viên là nhà báo người phương Tây xin gặp, hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Dạ thưa, vì sao trong cùng một lúc mà phong nhiều tướng, tá như vậy? Việc phong cấp này dựa trên những tiêu chuẩn nào?

Người cười vui, trả lời thật giản dị:

- Đánh thắng đại tá phong đại tá, đánh thắng thiếu tướng phong thiếu tướng, đánh thắng trung tướng phong trung tướng, đánh thắng đại tướng phong đại tướng.

Viên nhà báo đáp lời và cũng chỉ nhấn mạnh ở vị chỉ huy được phong hàm cao nhất trong đợt ấy:

- Thưa cụ Chủ tịch, ông Giáp sẽ không chỉ cầm quân đánh thắng đối phương ở cấp đại tướng.

Người đáp lời bằng một nụ cười tự tin và nói thêm:

- Đó cũng là việc mà toàn quân, toàn dân chúng tôi phải làm.

Sau lễ phong quân hàm lần ấy, một khí thế thi đua giết giặc lập công dâng lên trong toàn thể bộ đội chính quy cũng như dân quân du kích và hậu phương càng hăng hái thi đua với tiền phương. Máy tiếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Võ Đại

tướng vang lên. Hai tiếng mà đối phương gọi tắt, hoặc giả, đôi khi dám có ý trịch thượng gọi là “Tướng Giáp” thì sau này, trước Mác Namara (Mc Namara), nhà sử học người Na Uy có danh tiếng Tônnexon (Tonnesson) đã tôn gọi ông là Thống chế Võ Nguyên Giáp (Maréchal Giáp). Nhớ là hồi còn tồn tại chính quyền Sài Gòn, viên Đại sứ của họ tại Mỹ là Bùi Diễm, xưa đã từng học Võ Nguyên Giáp nhớ về người thầy học cũ của mình: “Ông như một người bị quỷ thần ám ảnh về cách mạng và về các trận chiến”. Điều đúng mãi với thời gian là tên tuổi của vị Đại tướng được phong cấp lần đầu tiên của nước Việt Nam cũng đã nhanh chóng đi vào lịch sử quân sự cả ở các từ điển bách khoa của thế giới. Và lần này, lần khác, các tổ chức quốc tế đã chọn ông vào danh sách những vị tướng tiêu biểu của khu vực, châu lục hay cả hành tinh này. Những dịp đó, khi các ký giả của những tờ báo có uy tín đến từ nhiều nơi trên thế giới xin được phỏng vấn thì trong trả lời không khi nào nhà quân sự lỗi lạc Võ Nguyên Giáp quên nhận mình là người học trò trung hiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Rồi nếu đọc kỹ lịch sử, truyện ký về cách mạng Việt Nam thì họ sẽ hiểu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chú ý đến Võ Nguyên Giáp ở năng khiếu quân sự từ buổi ông mới được gặp Người tại Trung Quốc và Người đã dặn khi ông được cử đi dự huấn luyện chính trị ở Diên An: “Lên trên ấy, chú cố gắng học thêm quân sự”.

Tiếp đến, một hôm sau cuộc họp rồi cùng dùng cơm tối ở Việt Bắc, tập hợp số đông thành viên trong Hội đồng Chính phủ, nhân bàn đến chuyện đánh giặc, Cụ Hồ ra một câu đối vui: “Giáp phải giải Pháp”. “Giải Pháp” là từ nói tắt của mấy chữ “Giải giáp giặc Pháp”, mà theo cách nói lái của người Nghệ thì “Giải Pháp” là: “Giáp phải”. Cũng theo cách đó, ông Tôn Quang Phiệt ứng khẩu, đối ngay: “Hiển tài hái tiền”. Số là ông Lê Văn Hiến lúc bấy giờ làm Bộ trưởng Bộ Tài chính mà “Hái tiền” có nghĩa là kiếm ra nhiều bạc, tức lo tăng ngân sách cho Nhà nước. Tóm lại, câu “Giáp phải giải Pháp” được đối bằng “Hiển tài hái tiền”. Cụ Hồ gật đầu khen vế đối chỉnh và hay, liền thưởng cho ông Phiệt một điếu thuốc lá. Nghèo, đơn sơ về vật chất mà lớn lao trong ý chí, tinh thần. Giữa Thủ đô Hà Nội cũng như trên núi rừng Việt Bắc, tình cảm giữa vị lãnh tụ tối cao với cán bộ, chiến sĩ các cấp như anh em, cha con; thân tình, gắn bó.

Thế là đã hai năm chín tháng ta đứng lên chống thực dân Pháp kể từ khi chúng trở lại gây hấn ở Sài Gòn (ngày 23/9/1945). Lúc này, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn Đại tướng Võ Nguyên Giáp:

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta tính đã ngót một ngàn ngày. Đến dịp đó ta phải có những hoạt động kỷ niệm để động viên tinh thần anh em chiến sĩ và đồng bào.

Về phần bản thân mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh khước từ mọi việc thăm hỏi, chúc mừng. Ngày

sinh nhật của Người, ta mới tổ chức lần đầu tại Hà Nội (năm 1946) cũng là vì yêu cầu đối ngoại. Lúc đã lên chiến khu, mỗi khi đến ngày 19 tháng 5, Người không cho bày biện gì mà thay vào đó là những hoạt động thiết thực có ích cho kháng chiến. Nhưng đối với những ngày kỷ niệm chung, đặc biệt là của quân đội và của các cháu thiếu nhi thì Người rất để tâm và luôn luôn chú ý nhắc nhở.

Kỷ niệm 1.000 ngày kháng chiến của nhân dân ta cũng là dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động phong trào Thi đua yêu nước, một sáng kiến vĩ đại của Người.

Sau đó Người nói với anh Văn:

- Về phần Trung ương, để thiết thực kỷ niệm ngày lịch sử đó, ta sẽ tổ chức một cuộc họp Kháng chiến - Hành chính toàn quốc. Chú phải chuẩn bị phần tổng kết về quân sự.

Cuộc họp ấy diễn ra từ ngày 21 đến 31/7/1948. Việt Bắc bấy giờ đã vào mùa mưa rừng. Khe suối đầy nước và các thung lũng ngập mênh mang. Đi lại rất khó khăn, nhưng các nơi vẫn về đủ. Cả thầy có 60 đại biểu.

Tất cả đều khẩn trương làm việc. Hội nghị nghe cụ Hồ Tùng Mậu báo cáo về tình hình Liên khu IV và ông Nguyễn Duy Trinh trình bày về tinh thần chiến đấu của đồng bào Liên khu V. Tiếp đến là báo cáo của ông Võ Nguyên Giáp.

Chỗ Cụ Hồ ở là xa nơi họp. Đường đi đang vào lúc mưa lũ như vậy nhưng với những buổi họp

chính, Người đến rất đúng giờ. Qua các báo cáo quan trọng ấy, Người xúc động rất nhiều trước những hy sinh chiến đấu của chiến sĩ, đồng bào ở nơi tiền tuyến cũng như vùng địch hậu. Người cũng chỉ ra rằng, tổ chức chính quyền của ta ở các cấp cũng còn nhiều khâu chưa hợp lý về tổ chức và bất cập về trách nhiệm, làm kìm hãm tinh thần của dân chúng. Phải có cuộc rèn cán chỉnh cơ và chỉnh đốn về tổ chức để nâng cao thêm chất lượng bộ máy Kháng chiến - Hành chính của ta, trước mắt là để đánh thắng giặc Pháp xâm lược.

Cuối cuộc họp, Người giao cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp với cương vị là Bí thư Đảng đoàn của Chính phủ tổng kết cuộc họp.

Về việc quân, ngày 12/3/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh 14-SL đổi tên Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam thành Bộ Tổng Tư lệnh Việt Nam.

Với cương vị mới được giao, thường thường, trước khi họp Hội đồng Chính phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đem các phần việc do mình phụ trách ra trao đổi với các ông Trường Chinh, Phạm Văn Đồng,... để thống nhất chương trình rồi xin ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại tướng làm như vậy là để Người bớt đi được phần nào sự bận tâm.

Cuộc họp ngày 30/9/1949 đã gây nhiều xúc động. Cùng một lúc, phải làm lễ truy điệu hai thành viên của Hội đồng Chính phủ. Cụ

Huỳnh Thúc Kháng vừa mất ở miền Trung và ông Hoàng Hữu Nam bị nước lũ cuốn trôi trên sông Lô. Như vậy là Bộ Nội vụ trong cùng một thời gian mất đi cả Bộ trưởng và Thứ trưởng. Cụ Huỳnh là một nhà khoa bảng của triều Nguyễn, hoạt động trong phong trào Duy Tân hồi đầu thế kỷ XX, bị thực dân Pháp đày đi Côn Đảo. Lúc hết hạn tù trở về đất liền, cụ được quần chúng cách mạng bầu làm Viện trưởng Viện Dân biểu. Cụ là người sáng lập ra tờ Báo *Tiếng Dân* ở Trung Kỳ, báo in chữ Quốc ngữ, cơ quan ngôn luận độc lập đầu tiên của ta, và cụ là chủ bút suốt trong thời gian tồn tại của báo (1927-1943). Tờ báo rất xứng đáng với tên gọi của nó. Vì một lòng tin tưởng ở Lãnh tụ Hồ Chí Minh mà khi tuổi đã cao, sức đã yếu, trước nhiệt tình cầu hiền của Người, cụ vẫn tiếp tục tham gia Chính phủ và luôn luôn nêu cao một tấm gương sáng. Lễ mặc niệm hương hồn cụ Huỳnh và ông Hoàng được Hội đồng Chính phủ cử hành trong một ngôi nhà sàn giữa núi rừng Việt Bắc. Mất Cụ Hồ róm lệ. Vị Chủ tịch nước đọc Tiểu sử của hai người, giọng đau đớn vì cùng một lúc mất đi một người anh và một người em. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cùng các vị trong Chính phủ đều thắm khóc. Tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cụ Huỳnh, với ông Hoàng cũng như trước anh linh các liệt sĩ đã ngã mình vì nước đã có tác dụng động viên rất lớn đối với bộ đội trong từng hàng quân, trên mỗi chiến trường.

Đó là khi cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta bước sang thời kỳ chuẩn bị Tổng phản công.

*

* *

Về quan hệ giữa Pháp và Mỹ trong chiến tranh Đông Dương thì từ năm 1947, Thủ tướng Pháp là Ramadiê (Ramadier) đã nhận sự tài trợ của kế hoạch Mácsan (Le Projet de Marchall) của Mỹ. Từ đó, kẻ thù xâm lược nước ta là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Cho đến những năm 1948-1949 thì sự can thiệp của Mỹ vào cuộc chiến (để giúp Pháp) càng sâu hơn. Đầu năm 1950, Đại sứ Mỹ là Grípphin (Griffins) đến Sài Gòn. Rồi hai chiến hạm của Mỹ cập cảng thành phố và một hàng không mẫu hạm Mỹ chở 70 máy bay lớn vốn ngoài khơi bờ biển Vũng Tàu. Ngày 21/01/1950, Bảo Đại và Đại sứ Mỹ đến Hà Nội. Bảo Đại là vua cuối cùng của triều Nguyễn đã nộp ấn kiếm cho Chính quyền cách mạng và được ta bầu làm Trưởng đoàn cố vấn của Chính phủ ngày nào nay lại phản bội quyền lợi dân tộc, được Pháp đưa về làm “Quốc trưởng” bù nhìn. Mỹ không đồng ý với con bù nhìn này nhưng cũng phải tạm chấp nhận. Trước đó, vào đêm 18 tháng 01, các dũng sĩ Hà Nội đã tập kích sân bay Bạch Mai, phá 22 máy bay và đốt cháy 60 vạn lít xăng. Khi quan thầy Mỹ và Bảo Đại đến, để biểu thị sự phản đối, anh em còn phá 15 trong số 42 trạm biến thế điện của thành phố, đúng vào những công sở, đồn bót của

địch. Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, 30 vạn dân phố xuống đường biểu tình hô vang các khẩu hiệu:

*“Đế quốc Mỹ cút đi,
Đả đảo Bù nhìn Bảo Đại,
Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!”.*

Ngày 19/3/1950 trở thành ngày nhân dân cả nước ta chống đế quốc Mỹ vì chúng đã đi sâu, can thiệp vào chiến tranh để chực thay thế Pháp ở Đông Dương.

Nói về tinh thần kháng chiến của quân và dân ta thì ngày 12/02/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 20-SL quyết định tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân để tiến tới tổng phản công. Cả nước cùng hưởng ứng: “Tất cả cho tiền tuyến”; “Tất cả để chiến thắng”.

Về phương diện ngoại giao, ta đã có thuận lợi mới, quan trọng.

Ngày 01/10/1949, toàn lục địa Trung Quốc được giải phóng. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập. Đó là một sự kiện quốc tế trọng đại, hết sức có lợi cho các nước lân bang.

Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô, Mông Cổ, Triều Tiên, Tiệp Khắc, Đức, Rumani, Ba Lan, Bungari, Anbani chính thức công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia độc lập và đặt quan hệ ngoại giao với ta.

Từ đó ta tiến lên giành thế chủ động trên chiến trường chính.

Cũng vào thời gian đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc và Liên Xô.

Chuyến đi của Người theo như Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói là, bấy giờ, cuộc kháng chiến của ta đang chuyển sang một bước ngoặt mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn với cương vị là một đại diện của Quốc tế Cộng sản, Người nhận thấy là phải dần dần thông báo với các nước bạn về tình hình kháng chiến của ta cũng như những biến chuyển mới về phong trào cách mạng Đông Dương trong những năm qua để tranh thủ sự đồng tình và sự phối hợp giúp đỡ của họ đối với chúng ta¹.

Trước ngày lên đường, Người bảo anh Văn làm một bản tường trình về tình hình quân sự để trao đổi với Liên Xô, rồi nói: “Chú viết ngắn, cần nêu được những vấn đề lớn, người nghe thông báo sẽ là đồng chí Stalin”.

Anh viết khoảng tám trang. Người xem xong, bảo: “Được”.

Khi chuẩn bị để Chủ tịch Hồ Chí Minh lên đường, anh Trần Đăng Ninh là người cùng đi nói với anh Văn về việc nên làm một chiếc cáng để cho Người đỡ mệt khi mỗi chân trên những chặng đường xa đi bộ. Anh Văn đồng ý. Người biết tin đó, liền gọi anh Ninh lên và hỏi:

- Các chú định làm cho Bác một chiếc kiệu à?

Anh thưa:

- Dạ, là một chiếc cáng, phòng khi Bác đi đường mệt, phải dùng tới.

1. Xem *Chiến đấu trong vòng vây*, *Sđd*, tr.408.

Người bảo:

- Tôi mệt thì các chú cũng mệt. Nếu lại phải cáng tôi thì các chú còn mệt thêm biết mấy? Chú chuẩn bị cho tôi một chiếc ba lô. Đồ dùng của ai người ấy mang. Tất cả đều hành quân như bộ đội.

Khi được anh Ninh trao đổi lại về ý của Người, anh Văn nói:

- Năm nay Bác đã sáu mươi, lại phải suy nghĩ, làm việc quá nhiều. Ta lo cho sức khỏe của Người nhưng Người đã bảo như thế thì đây là một sự nghiêm lệnh. Ta phải tuân theo.

Người bắt đầu cất bước hành trình với danh nghĩa một vị trong Phái đoàn của Trung ương Đảng ta qua gặp Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng của Liên Xô. Chuyến đi phải giữ bí mật. Quân Pháp vẫn còn chực ở dọc biên giới. Bên nước bạn trên đất Hoa Nam, quân Tàu Tưởng còn đóng rải rác khắp nơi. Sẽ có những chặng đường rất dài. Đoàn của ta phải đi bộ qua những quãng đất rừng. Trên hành trình, khi cần quan hệ với từng địa phương, anh Ninh sẽ đóng vai “Trưởng đoàn”. Người mặc bộ đồ chàm, đầu đội chiếc mũ rộng vành, trùm tấm khăn mặt trắng, che bộ râu có sợi đã điểm bạc. Đoàn cứ thế mà đi bộ cho đến những nơi có phương tiện giao thông công cộng.

Trong chuyến đi ấy, Người đã làm việc trực tiếp với Mao Trạch Đông, rồi Stalin. Qua đó, các vị lãnh đạo hai nước thấu rõ hoàn cảnh Việt Nam, biết thêm dã tâm của thực dân Pháp và bọn can

thiệt Mỹ. Họ đã có những quyết định chi viện cụ thể cho cuộc kháng chiến của ta¹. Kết quả lớn lao nhất đối với ta là qua chuyến đi của Người, ngoài sự công nhận nền độc lập của Việt Nam, các nước bạn còn thấy Việt Nam là nước đang anh dũng chiến đấu và chiến thắng đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ khi chúng trở lại xâm lược. Và nhân dân của Cụ Hồ quyết giữ vững nền tự do, độc lập của đất nước mình, là một tấm gương của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Thượng tuần tháng 4/1950 thì được tin Đoàn của vị Chủ tịch nước đã trở về an toàn và sắp tới cơ quan của Bộ Tổng Tư lệnh. Anh Văn và mấy cán bộ ra đón Người ở nơi cửa rừng. Một sĩ quan là Cương, Phó Văn phòng của Tổng Chính ủy được cử đi về phía cây số 31 đường Thái Nguyên - Bắc Kạn để báo tin trước với Người. Vì anh Cương mới về công tác ở Bộ, chưa được gặp nhiều nên sợ Người không nhận ra, anh Văn mới cử thêm chị Bích Hà đi cùng. Thế nhưng khi vừa mới gặp nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh liền biết rồi Người nói nhỏ với anh Cương: “Chú đi một thôi nữa rồi quay lại, còn cô Hà thì cứ đi tự nhiên”. Cả mấy

1. Trước mắt, Liên Xô trang bị cho ta một trung đoàn pháo cao xạ 37 ly, một số xe vận tải Mólôtôva và thuốc quân y. Trung Quốc sẽ trang bị cho một số đại đoàn bộ binh và một đơn vị pháo binh và sẽ giúp ta vận chuyển hàng viện trợ do Liên Xô giúp.

người trong Đoàn, kẻ trở về cũng như người đi đón, cứ bước cách quãng như là khách bộ hành vốn từ các nơi cùng đi một lối.

Về đến cơ quan, Người bắt tay anh Văn cùng các đồng chí đang đợi, mừng vui khôn xiết.

Hôm sau, trong cuộc họp của Thường vụ Trung ương. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã báo cáo tường tận về chuyến đi của Đoàn. Như thế là từ thực lực, từ những thắng lợi giòn giã ngoài mặt trận và từ những thành tích to lớn ở hậu phương, ta đã có thêm những thắng lợi quan trọng trên mặt trận ngoại giao.

Thăm thoát đã đến ngày 19 tháng 5, ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mấy năm trước, cũng ở chiến khu, khi sắp đến ngày đó, các đồng chí Trung ương bàn nhau tổ chức mừng thọ nhưng Người ngăn lại. Năm ấy, Người vừa tròn sáu mươi, ai cũng khẩn khoản xin được làm lễ chúc mừng. Người bảo vào ngày đó, Người đang bận chuẩn bị cho cuộc họp của Trung ương cận kề, nên sẽ có một buổi kèm theo để tiếp các đại biểu Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể và quân đội khi cuộc họp ấy được triệu tập vào nay mai.

Anh Văn nói với mấy sĩ quan cùng có mặt hôm ấy: “Đó là một cách chối khéo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người chủ trương, nếu có tổ chức mừng sinh nhật mình thì lễ đó sẽ hòa vào trong cái vui chung của quần chúng nhân dân, mừng thắng lợi trong sản xuất và chiến đấu”.

Và thời gian cho buổi lễ được ấn định là ngày 21 tháng 5 (chứ không phải là ngày 19 tháng 5) năm 1950.

Buổi sáng hôm ấy, khi các thành viên dự họp vừa đến tề tựu thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đi ngay vào những nội dung khẩn trương cần bàn. Không thấy nói đến lễ sinh nhật, có đại biểu thăm hỏi. Người nghe biết và hẹn là buổi lễ sẽ được tổ chức vào 4 giờ chiều. Thế là Ban tổ chức có thêm thời gian để chuẩn bị và nhắc những thủ trưởng các bộ, ngành, đoàn thể lo trau dồi thêm về những tiết mục văn nghệ mà đơn vị mình được phân công. Về phía Bộ Quốc phòng, dự kiến Đại tướng Võ Nguyên Giáp sẽ lên chúc thọ Người. Máy viên sĩ quan quân đội được điều đến giúp vào buổi mừng thọ cũng đã chuẩn bị cho bữa cơm chiều mời khách của Người có những bát canh miến sợi thật dài và món tráng miệng là những quả đào trường thọ chín đỏ, thật to, muốn gửi vào đó cái ý chúc Người sống lâu trăm tuổi. Những chi tiết ấy, Người đều biết và mỉm cười. Thế nhưng, khi Người xuất hiện thì cả chương trình của buổi mừng sinh nhật bị phá vỡ. Người vui vẻ thăm hỏi từng đại biểu và đề nghị những ai mới gặp Người lần đầu thì hãy tự giới thiệu về mình để mọi người cùng làm quen. Sau đó, Người đi ngay vào phần báo cáo thời sự. Người nói về tình hình quốc tế và thời cơ đã có thêm cơ hội cho giai đoạn tổng phản công của cuộc kháng chiến. Thật không còn

chỗ cho những nghi thức long trọng đã được chuẩn bị. Nhân lúc Người tạm dừng lấy hơi để nói tiếp, Linh mục Phạm Bá Trực trong Ban Thường trực Quốc hội liền đứng phắt lên, đọc những lời chúc thọ Người bằng tiếng Latinh. Người tươi cười rồi tiếp vị Linh mục, và coi như là đáp từ để kết thúc buổi lễ, Người đọc mấy câu thơ:

*“Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán,
So với ông Bành vẫn thiếu niên.
Ăn khỏe, ngủ ngon, làm việc khỏe,
Trần mà như thế kém gì tiên”*¹.

Những vần thơ đã tạo nên một không khí gia đình thật thân mật, đầm ấm.

Ngày hôm sau, Hội đồng Chính phủ vẫn tiếp tục làm việc. Trong khi họp, Trung ương liên tiếp nhận được những bức điện từ các chiến trường gần, xa gửi về báo tin thắng trận, là thành tích của bộ đội và nhân dân lập công để mừng thọ Cụ Hồ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr. 376.

TƯỚNG QUÂN TẠI NGOẠI

Không lâu sau ngày mừng thọ lần thứ sáu mươi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì chiến dịch Biên giới mở màn. Ta phải đuổi hết địch ở các tỉnh biên cương phía Bắc để giải tỏa vòng vây cho cuộc kháng chiến, nối Tổ quốc mình với các nước dân chủ anh em. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng ra trận. Người mặc bộ quân phục màu cỏ, ngồi trên mỏm cao của một dải núi đá thuộc bản Nà Lạc, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng để quan sát trận địa. Thật là “Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào, Khắp tướng sĩ một lòng phụ tử”¹. Và ta đã chiến thắng lẫy lừng trong chiến dịch Biên giới. Kết quả của chiến thắng đó, ta không chỉ khai thông được

1. Nguyên văn: “Đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi binh nhất tâm”, lấy từ bài “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi trong cuốn sách *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim. Xuất phát từ tích truyện: ngày xưa vua Hán Cao Tổ đi đánh giặc, được nhân dân địa phương đem dâng một vò rượu. Ngài bèn cho đem vò rượu ấy đổ hòa vào nước sông để quân ngũ hai bên bờ của khúc sông ấy cùng được hưởng chung mùi rượu. Vì thế, toàn binh sĩ cảm kích, xông lên đánh thắng quân thù.

biên giới mà còn mở được các con đường liên lạc tự do giữa Việt Bắc với Liên khu III, Liên khu IV.

Cùng với những thắng lợi to lớn ở các địa phương khác, sự trưởng thành của công cuộc giữ nước và dựng nước đòi hỏi Đảng phải ra công khai để lãnh đạo cuộc kháng chiến mau đi tới thắng lợi. Đại hội đại biểu lần thứ V Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Việt Bắc vào tháng 02/1951 đã thành công tốt đẹp. Từ đó, nhân dân ta có một Đảng riêng, lấy tên mới là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tháng 3/1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt toàn quốc họp quyết định thống nhất Việt Minh và Liên Việt thành Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt). Có Đảng Lao động, có Mặt trận Liên Việt, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và mở rộng, đủ sức đánh bại mọi âm mưu chia rẽ về chính trị của địch.

Sau những thắng lợi về quân sự của các nước bạn Lào, Campuchia, khối Liên minh của ba nước Việt - Miên - Lào được thành lập.

Cùng với các chủ trương phát triển kinh tế - văn hóa, Chính phủ ta ban hành chính sách thuế nông nghiệp tính theo sản lượng thu nhập trên diện tích đất cày của từng hộ nông dân.

Tất cả các sự kiện đó đánh dấu bước chuyển biến mới trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nhân dân ta.

Tiếp theo, ta mở chiến dịch Hòa Bình (cuối năm 1951) và chiến dịch Tây Bắc (năm 1952).

Ở hậu phương, ta thi hành Luật Giảm tô, giảm tức và bước đầu thực hiện cải cách ruộng đất. Những bức thư nhà từ hậu phương gửi ra, báo tin gia đình được chia ruộng, chia trâu, khỏi phải cày ruộng rẫy, vay nợ lãi làm cho các chiến sĩ ở ngoài mặt trận càng hăng hái chiến đấu. Cuộc kháng chiến của ta nhờ đó thêm trưởng thành và đi vào chiến cuộc Đông Xuân 1953 -1954.

Về tương quan lực lượng, bấy giờ Mỹ đã thất bại trên mặt trận Triều Tiên nên càng tìm cách can thiệp sâu vào chiến trường Đông Dương với âm mưu sâu xa là sẽ thay Pháp chiếm giữ vùng đất rộng lớn và giàu tiềm năng lại có vị trí trọng yếu đặc biệt này. Muốn thế, Mỹ phải giúp Pháp xây dựng một tập đoàn cứ điểm thật trọng yếu rồi “nhử” Việt Minh tới đó để tiêu diệt, nhằm làm suy yếu lực lượng quân sự của cộng sản ở các nơi, như thế sẽ dập tắt được cuộc kháng chiến mà chúng đã phải bị tiêu hao, tổn kém đến phá sản này. Vị trí mà Pháp và Mỹ chọn là Điện Biên Phủ¹.

1. Sau này địa danh Điện Biên Phủ (trong sách xưa là Điện Biên Phủ) trở thành tên của một chiến dịch lịch sử mà nhân loại từng nghe nói tới. Còn về mặt quân sự, từ cuối mùa xuân năm 1953, Điện Biên Phủ mới là một địa danh mà Pháp và Mỹ nói đến nhiều khi họ định xây một tập đoàn cứ điểm quân sự “bất khả xâm phạm” tại đây. Còn ta, ta vẫn gọi vùng đất thiêng ấy là vùng núi rừng Tây Bắc, trong đó có thị trấn Điện Biên (面邊), sau gọi chệch thành Điện Biên, rồi là Điện Biên Phủ.

Sau này, anh Văn nghĩ ra, trong kế hoạch Nava của địch khi nó mới được vạch ra, chưa xuất hiện ba chữ “Điện Biên Phủ”. Đề án hoạt động quân sự Đông Xuân của ta cũng chỉ nói là mở chiến dịch giải phóng Tây Bắc (năm 1954). Mấy chữ “Mặt trận Điện Biên Phủ” đầu tiên là do bên phía địch lấy một địa danh nổi tiếng ở vùng đất ấy mà gọi.

Nhưng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ vừa xây dựng xong thì liền bị quân đội Cụ Hồ bao vây dần dần. Khi Pháp đã tập trung tuyệt đại bộ phận sức mạnh cơ động, tinh nhuệ của quân lực vào đây mà khó có đường ra, thì quân lính Cụ Hồ cứ lạng lẽ đào giao thông hào, xây công sự với quân lương vũ khí từ trong dân liên tiếp, âm thầm chuyển lên. Các tướng tá bên phía địch biết phần nào. Chúng hết sức hốt hoảng.

Từ ngày 20 đến ngày 26/3/1954, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp tại Đông Dương là tướng Êli (Ely) đến Oasinhton (Washington), được Tổng thống Mỹ Aixenhao (Eisenhower) và Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ là Đô đốc Ráp-phô (Radford) cùng Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Phôxtơ Đuylet (M. Foster Dulles) tiếp. Ráp-phô đề nghị Tổng thống Aixenhao viện trợ thẳng cho quân đội Pháp ở chiến trường Tây Bắc Việt Nam bằng cách tiến công vào các căn cứ của Việt Minh xung quanh vùng núi rừng Điện Biên Phủ.

Sau này, tướng Êli nhớ lại: Trước mắt tôi, Aixenhao hứa là nước Mỹ sẽ đáp ứng tất cả các

yêu cầu của Pháp để cứu lấy Điện Biên Phủ. Ngày 25/3/1953, Tham mưu trưởng Đô đốc Ráp-phô gặp lại tôi một lần nữa, ông ta cụ thể hóa chỉ thị của Tổng thống là sẽ đưa đến Điện Biên Phủ 60 máy bay ném bom hạng nặng B.29, có 150 máy bay tiêm kích hộ tống. Mỗi phi đoàn có thể mở nhiều cuộc công kích trên các tuyến chiến đấu của Việt Minh mà mỗi lần công kích như vậy sẽ thả 450 tấn bom. Trận tái chiếm mang tên “Vautua” (Vautour - tức chim kền kền) sẽ kéo dài một tháng. Sau đó tùy tình hình mà làm công việc tiếp tục. Máy bay B.29 sẽ xuất phát từ Philip-pin dưới sự yểm trợ của không lực hải quân.

Chính phủ Pháp biết, ông “bạn vàng” Oasinhton gia tăng viện trợ cho họ ở Điện Biên Phủ cũng như cả chiến trường Đông Dương không phải vì Pháp mà là vì Mỹ. Mỹ cũng không giấu giếm ý đồ đó của họ. Phó Tổng thống Mỹ lúc đó là Ních-xơn (Richard Nixon) đã nói: Quân đội Mỹ sẽ thay thế quân đội Pháp một khi Pháp rút khỏi Đông Dương. Biết thế nhưng Pari cũng đành phải ngậm đắng vì nhận thấy: Ít ra, sự tham chiến của không quân Mỹ cũng tạm lấp được chỗ yếu là Pháp không ngăn cản nổi sự tiếp tế, tăng viện của Việt Minh, nhất là khi quân Pháp đang bị bộ đội Cụ Hồ bao vây ở Điện Biên Phủ.

Từ ngày Pháp gây hấn, hòng tái chiếm Việt Nam cho đến lúc bấy giờ, Nội các của họ đã phải đổi đến 17 lần. Riêng ở bên Đông Dương, 5 cao ủy

và 6 tổng chỉ huy quân đội Pháp đã lần lượt bị triệu hồi. Đến lúc này việc Pháp đưa Nava (Henri Navarre) lên thay Salăng (Raoul Salan) làm Tổng chỉ huy quân đội ở Đông Dương là việc cũng phải được Mỹ đồng ý. Rồi kế hoạch Nava, thực chất đó cũng là kế hoạch quân sự ở Đông Dương do Mỹ bảo họ làm. Kế hoạch ấy do Mỹ duyệt rồi cấp 80% chiến phí, và tất nhiên, Mỹ có quyền chỉ đạo trong việc thực hiện.

Tuy thế, bọn Pháp cầm quyền và cầm quân ở Đông Dương cũng phải huênh hoang để trấn an binh sĩ của mình. Ví như khi xây xong căn cứ Nà Sản ở Tây Bắc thì chúng coi đấy là một Vécđoong (Verdun) thứ hai¹ của nước Pháp, nhưng rồi đến tháng 8/1953 thì chúng đã phải bỏ Nà Sản mà chạy. Nay chúng phải nhờ vào thiết bị chiến tranh và đôla của Mỹ để mong xây một tập đoàn cứ điểm quân sự với hy vọng “Tiến có thể đánh, lui có thể giữ”, dù phải đặt ở một nơi là núi rừng xa khuất.

Cho nên, việc xây dựng tập đoàn cứ điểm này cũng không phải không có những ý kiến khác nhau trong các tướng lĩnh của giới thực dân.

1. Vécđoong (Verdun) là một trung tâm phòng ngự nổi tiếng của quân đội Pháp trên hai bờ của con sông Mơđơ (Meuse) trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918). Năm 1916, quân Pháp dựa vào trận địa kiên cố Vécđoong mà đánh lui được các cuộc tiến công của quân Đức, giữ vững nó trong 10 tháng rồi từ đấy phản công, chiếm lại các phần đất đã mất.

Kể từ buổi đầu, ngày 02/11/1953, tướng Nava gửi “Chỉ lệnh đặc biệt” cho Cônhi (Cogny), tướng chỉ huy quân ở Bắc Bộ, bảo là phải chiếm đóng Điện Biên Phủ.

Tướng Cônhi suy tính rồi đến ngày 22/11/1953 thì điện lại cho tướng Nava, phản đối “Chỉ lệnh đặc biệt” nói trên, vì cho rằng đây là một nơi xa khuất mà đánh nhau ở núi rừng là việc không quen với lính da trắng và lính châu Phi. Vả lại Việt Minh thì bao giờ họ cũng làm chủ núi rừng. Nava biết, nhưng không nghe, bởi sự thúc ép của bọn quan thầy Mỹ. Đây là một ví dụ.

Rồi khi xây xong, bọn tướng chỉ huy Pháp cũng phải huênh hoang rằng, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là “Pháo đài không thể công phá!”¹.

Giữa lúc đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp được giao nhiệm vụ trực tiếp cầm quân đánh vào tập đoàn cứ điểm của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ tại Điện Biên Phủ.

1. Cho tới khi bị ta tấn công, ở tập đoàn cứ điểm này, địch đã có 12 tiểu đoàn và 7 đại đội bộ binh tinh nhuệ. Chúng đưa tới đây 7/10 số quân nhảy dù mà chúng có, gồm toàn lính Âu và lính lê dương (légionnaire). Hai tiểu đoàn pháo 105 ly và một đại đội pháo 120 ly, tổng cộng 20 khẩu. Về máy bay thì chúng có 7 chiếc khu trục, 6 chiếc liên lạc trinh sát và 1 chiếc lên thẳng (chưa kể số Mỹ sẽ chi viện). Hệ thống phòng ngự gồm 49 cứ điểm, khoanh làm 8 cụm, mỗi cụm mang tên một thiếu nữ “quyền quý” người Pháp.

Một buổi sáng tháng 10/1953, Đại tướng từ Diêm Mạc, chỗ đóng cơ quan của Bộ Tổng Tư lệnh đi đến nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc là Khuổi Tát, một bản của người Dao. Đây là một ngôi nhà nhỏ lợp lá ở tận trên đỉnh núi. Rồi Đại tướng cùng đi theo Người, đến Hội nghị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Tỉn Keo. Tại đây, Đại tướng báo cáo kế hoạch tác chiến ở Tây Bắc như đã dự định, và cũng là để chào Người cùng các đồng chí dự hội nghị trước khi lên đường vì một chiến dịch lịch sử của dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi họp, điều thuốc lá kẹp giữa hai ngón tay, thái độ bình thản. Súc chăm chú của Người biểu thị ở đôi mắt.

Bỗng, Người nắm chặt bàn tay phải và bảo:

- Dịch tập trung quân cơ động, nhằm tạo nên sức mạnh khả dĩ đánh lui bộ đội mình. Nhưng ta không sợ. Khi chúng bị buộc phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn.

Nói xong, Người xòe bàn tay và mỗi ngón trở về một hướng.

Đại tướng nhận ra đó là lời dạy mà cũng là sự nghiêm lệnh.

Chỉ cần phá vỡ thế tập trung binh lực của địch là ta đã làm thất bại cơ bản kế hoạch Nava.

Người lại hỏi:

- Có dự kiến được không, khi ta đưa tăng quân lên Tây Bắc thì địch sẽ phản ứng ra sao?

Đại tướng báo cáo:

- Dạ, địch có thể tăng cường lực lượng để giữ

Tây Bắc hoặc đánh ra các vùng tự do. Nếu chúng dám dàn quân ra các nơi khác thì lúc đó hẳn phải rút quân khỏi Lai Châu. Như thế, sức của địch ở Tây Bắc sẽ mỏng.

Người lại hỏi:

- Các hướng khác có khả năng thu hút quân cơ động của địch không?

Đại tướng thưa tiếp:

- Dạ, ngoài Tây Bắc và Thượng Lào, còn Tây Nguyên, Trung Lào, Hạ Lào là những nơi xung yếu, địch không thể bỏ.

Hội nghị góp nhiều ý kiến quan trọng rồi thông qua bản Đề án của Quân ủy trình và nhấn mạnh thêm phương châm: Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt.

Khi kết thúc hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh bảo:

- Về phương châm hoạt động, ta lấy Tây Bắc là hướng chính. Các hướng khác là phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi nhưng phép dùng binh là phải thiên biến vạn hóa.

Khi nói câu đó, Người đã nắm được những thông tin:

Ngày 28/11/1953, tướng Cônhi báo là Việt Minh đã có trọng pháo kéo lên Tây Bắc nhưng Nava cho đó chỉ là kế hoạch nghi binh của đối phương.

Rồi, số phận tướng Nava đã được định đoạt từ cuộc họp Tỉn Keo của ta.

Ngày 30 tháng 11, Đờ Cátđơri (De Castries) được bổ nhiệm chức Chỉ huy quân đồn trú ở Điện Biên Phủ.

Tình hình trên các chiến trường lúc đó buộc địch phải phân tán lực lượng. Khối quân cơ động của Nava bắt đầu bộc lộ sự tan vỡ, buộc chúng phải tăng binh số lên Điện Biên. Đến tháng 12/1953, chúng đã có ở đây khoảng 10 tiểu đoàn.

Như thế là một tập đoàn cứ điểm quân sự mới do thực dân Pháp và can thiệp Mỹ dựng lên đã hiện hữu giữa vùng núi rừng Tây Bắc. Bọn chúng đặt cả hy vọng vào sự xây cất và chống đỡ ở trận cuối nên đã tập trung tất cả sức lực để dồn vào sự vót vát muộn màng này.

Và tình thế chiến trường từ đây cũng thay đổi rất nhanh.

Về phía ta, sau một thời gian đi kiểm tra công tác thì đến tháng 12/1953, Đại tướng lên gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Thường vụ Trung ương Đảng báo cáo về tình hình mà mình thu nhận được. Nghe, rồi cùng trao đổi xong, Bộ Chính trị hạ quyết tâm cho toàn quân, toàn dân tiêu diệt tập đoàn cứ điểm của địch ở Tây Bắc.

Ngày 01/01/1954, Bộ Chính trị chỉ định cơ quan lãnh đạo, chỉ huy chiến dịch. Đại tướng Võ Nguyên Giáp được giao làm Chỉ huy trưởng kiêm Bí thư Đảng ủy mặt trận.

Sắp đặt kế hoạch, ra lệnh điều động từng đại đoàn lên Tây Bắc xong, Đại tướng đến Khuổi Tát chào Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi lên đường. Người hỏi:

- Chú đi xa như vậy, việc chỉ đạo các chiến trường khác có gì khó khăn không?

Đại tướng trả lời:

- Dạ, thưa Bác, các đồng chí Tổng tham mưu phó, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đều đã có mặt trên đó. Ta sẽ tổ chức cơ quan tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh. Còn giải quyết công việc ở những chiến trường khác đã được phân công giữa các đồng chí Nguyễn Chí Thanh và Văn Tiến Dũng. Chỉ ngại là ở xa, không thường xuyên xin được ý kiến của Bác và Bộ Chính trị.

Người ân cần động viên với tinh thần tin tưởng:

- Tổng Tư lệnh ra mặt trận. Tướng quân tại ngoại, khi không có điều kiện kịp liên lạc với Trung ương, giao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh. Không chắc thắng, không đánh.

Ngót nửa thế kỷ sau đó (năm 2003), trong một buổi trò chuyện với một nghệ sĩ trẻ, Đại tướng cho biết, bấy giờ (tức lúc tiễn Đại tướng lên Điện Biên), Người chỉ dặn:

- Tướng quân tại ngoại, việc binh ở chiến trường xa, giao cho chú toàn quyền quyết định¹.

Suy nghĩ thêm một lát, Người nói tiếp:

- Có chắc thắng thì hãy đánh, ngược lại là “hết vốn”.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp vâng lời vị Chủ tịch nước và cảm thấy nhiệm vụ của mình lần này rất nặng và rất thiêng liêng.

1. Theo Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 28.

Ngày 05/01/1954, ông cùng Sở Chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh lên đường ra mặt trận.

Về sau, một nhà sử học phương Tây viết vào thời khắc này: Trong chiến tranh ở Việt Nam, quân viễn chinh Pháp luôn luôn đi tìm một trận đánh dàn trận. Cuối cùng, họ đã gặp nó ở Điện Biên Phủ¹.

Câu nói đó không hoàn toàn đúng. Vì từ lâu, quân đội nhân dân Việt Nam phối hợp chiến thuật dàn trận chính quy với lối đánh du kích. Cho nên, có thể nói, Điện Biên Phủ sẽ là nơi đánh dàn trận điển hình, cuộc đọ sức chung kết trên chiến trường chính của cuộc chiến tranh Việt - Pháp (1945-1954).

Về phía Việt Nam, lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà tổ chức cách mạng thiên tài, cũng là linh hồn của cuộc kháng chiến giữ nước của dân tộc trong thời đại mới: “Chắc thắng mới đánh; không chắc thắng, không đánh” luôn luôn vang lên trong tâm tưởng vị Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Khi nói câu đó, vị lãnh tụ anh minh của nhân dân Việt Nam không hề nghĩ là keo này quân đội của dân tộc mình phải trở về trắng tay.

Như vậy, cuộc chiến đấu ở Điện Biên Phủ không chỉ là một cuộc thử sức mà còn là một cuộc đụng đầu quân sự quy mô lớn mang ý nghĩa lịch sử mà đối phương mong từ đó sẽ rút ra khỏi cuộc

1. Xem *Chiến đấu trong vòng vây*, *Sđd*, tr. 76.

chiến trên thế mạnh, thì bên phía Việt Nam, đấy là sự tích tụ truyền thống hàng ngàn năm đánh giặc giữ nước với tinh thần quyết chiến, quyết thắng của thời đại độc lập, dân chủ, cộng hòa.

Nhớ là trước lúc đó, ngày 26/11/1943, một nhà báo đến từ nước Thụy Điển hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: Bây giờ, nếu Pháp muốn thương lượng thì Ngài nghĩ sao? Người trả lời: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do Pháp gây ra. Nhân dân Việt Nam phải cầm vũ khí anh dũng chiến đấu bảy, tám năm nay chống kẻ xâm lược... Nhưng, nếu Chính phủ Pháp đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hòa bình thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng tiếp ý muốn đó”¹. Nhưng rất tiếc là trong đầu óc của bọn tướng chỉ huy quân viễn chinh Pháp đi xâm lược, chúng chỉ muốn thương lượng trên “thế mạnh”, nhằm bắt ép Chính phủ và nhân dân Việt Nam khi chúng ta đang trên đà thắng lớn.

Như vậy là lúc ấy, lực lượng và thế trận của đôi bên đã rõ. Bên phía ta, vấn đề còn lại là cách đánh, là sứ mệnh của người cầm quân.

Lên Điện Biên, một lần nữa nhìn lại tình hình, thấy đôi bên đều đã sẵn sàng.

Bộ đội ta đã kéo pháo vào nơi vừa chuẩn bị. Và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 340.

đây là lần đầu tiên bộ đội ta dùng trọng pháo với quy mô dàn trận, đối địch với quân thù. Khảo sát kỹ càng mọi hướng của mặt trận, vị Tổng chỉ huy thấy không thể thực hiện cách “Đánh nhanh, thắng nhanh” vào lúc này được, vì địch đã xây dựng ở đây cả một tập đoàn cứ điểm với số binh lực không ngừng được gia tăng, chưa kể khi đôi bên cùng độ súng thì chúng còn có sự chi viện và tiếp tế bằng máy bay. Bên ta, các công sự chuẩn bị đã công phu nhưng cũng cần gia cố thêm để bảo đảm thật an toàn cho bộ đội. Nhất là các trận địa pháo. Ta mới tạo được lối cho đại bác vào chứ chưa tính đến việc là phải làm sao khi bắn là không bị lộ về vị trí phát hỏa, nghĩa là nền đất để đặt pháo phải thấp hơn. Rồi phải có không gian đủ cho pháo dễ đổi hướng, nhằm giữ bí mật và bảo đảm độ an toàn cao khi pháo hoạt động cũng như lúc cho nó di chuyển, rút lui. Các hầm hào giao thông cũng vậy, phải làm sao bọn địch từ mọi phía, từ những bậc cao, thấp khác nhau mà nhìn vào, đều không thể phát hiện ra trận địa của ta.

Sau khi trao đổi cách suy nghĩ đó của mình để thăm dò ý kiến của một số cán bộ chỉ huy chiến dịch, suốt đêm ấy, Đại tướng trần trọc, suy nghĩ. Vị Tổng chỉ huy mặt trận nhớ lại, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bút ký Hiệp định Sơ bộ (ngày 06/03/1946) thì bấy giờ, trong giới hoạt động chính trị cũng có nhiều ý kiến khác nhau nhưng lịch sử đã công nhận đó là một việc làm cần thiết, tạm

hòa để tiến. Có Hiệp định Sơ bộ cũng như Tạm ước (ngày 14/9/1946) thì thế giới mới hiểu rõ thiện chí hòa bình và hữu nghị của Chính phủ và nhân dân Việt Nam ta. Rồi dù khả năng hòa hoãn là chẳng toàn diện và cũng không lâu dài thì ta cũng đã có được một ít thời gian để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến giữ nước, làm cho kháng chiến mỗi ngày một trưởng thành và đạt được những thắng lợi quyết định như ngày hôm nay. Bây giờ hoàn cảnh ở chiến trường Điện Biên Phủ cũng buộc chúng ta phải chậm lại một chút, chuẩn bị cho thật tốt để khỏi “hết vốn” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiêm lệnh. Còn về phía địch, chậm giao chiến ngày nào là chúng thêm sốt ruột ngày ấy. Nguồn tiếp tế của ta là từ dân; nguồn tiếp tế của chúng là từ những chuyến phi cơ ít ỏi bay trên trời cao. Thế là sau một đêm thức trắng, khi gà rừng trên nương đã le te gáy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định là phải đề nghị với cấp trên cho được chuyển từ “Đánh nhanh, thắng nhanh” thành “Đánh chắc, thắng chắc”. Thế trận và tương quan lực lượng lúc bấy giờ chỉ rõ là chúng ta phải thật thận trọng, chậm một chút nhưng để thật chắc chắn và nhất định thành công. “Chưa chuẩn bị tốt, chưa đánh”, lời căn dặn của vị lãnh tụ tối cao vẫn vang lên. Đến giờ họp, Đại tướng trình bày sự nhận biết của mình về tình thế chiến trường để xin ý kiến của Đảng ủy và Bộ Chỉ huy mặt trận. Một vài vị còn có đôi

chút phân vân nhưng nói chung là tuyệt đại đa số người dự đã tán thành phương châm “Đánh chắc, thắng chắc” do vị Tổng chỉ huy đề xuất.

Ngày 30/01/1954, Đại tướng gửi báo cáo nói rõ về chủ trương tác chiến mới ở mặt trận Điện Biên Phủ là như vậy để xin ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị. Báo cáo nói rõ về kế hoạch chuẩn bị để thực hiện mục đích “Đánh chắc, thắng chắc” và tin là sẽ thắng lợi trọn vẹn¹.

1. Bản báo cáo đại thể gồm các điểm được tóm tắt như sau:

- Địch tăng quân lên đến 15 sư đoàn. Riêng cứ điểm Hồng Cúm, trước chỉ có 2 tiểu đoàn, nay chúng tăng lên gấp đôi, rồi còn thêm 12 lựu pháo và có sân bay riêng.

- Pháo của ta như đã bố trí thì chỉ thích hợp với cách đánh nhanh. Làm đường để đưa pháo vào như trước nói mất 2 đêm thì nay thực tế là phải mất 8 đêm, bởi phải tạo thế chủ động trong sự tiến, lui. Phải chuẩn bị thêm nữa về mọi mặt thì khi cần đánh lâu mình mới đủ sức.

- Xét thấy phải đánh tiêu diệt địch từng bước, bao vây tiêu diệt địch từ ngoại vi, đồng thời khống chế sân bay, tiệt đường tiếp tế, nên cần có thời gian và thêm công sức chuẩn bị cho kế hoạch và phương châm đó.

- Tạm đình chỉ nổ súng, vận chuyển pháo cao xạ và trọng pháo về phía đông để dễ cơ động và chờ xẻ đường mới, thời gian mất khoảng 7 ngày.

- Trong khi chờ đợi ý kiến của cấp trên thì cho Đại đoàn 308 tiêu diệt địch ở Mường Khoa, Mường Ngòi, chuẩn bị để liên lạc với Luông Phrabăng (Lào).

- Đồng thời có sự đánh phối hợp giữa các chiến trường để buộc địch phải phân tán lực lượng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đã đồng ý với Đề án tác chiến này.

Thế là ngày 22/02/1954, Hội nghị cán bộ chiến dịch diễn ra ngay tại địa bàn Điện Biên Phủ. Tất cả cùng thảo luận và quán triệt phương châm “Đánh chắc, thắng chắc”.

Đầu tháng 3/1954, Tổng Tư lệnh ra Lời kêu gọi toàn thể các cán bộ và chiến sĩ thuộc các đơn vị, các binh chủng chuẩn bị thật tốt để kiên quyết tiêu diệt toàn bộ quân địch tại chiến trường Điện Biên Phủ.

Đoạn, Đại tướng điện cho các đơn vị cao xạ: “Kéo pháo ra!”.

Kéo pháo vào đã khó. Nay kéo pháo ra cái khó cũng không kém. Mà tất cả đều phải tuyệt đối bí mật. Và, sứ mệnh của vị chỉ huy hàng đầu khi đã ra lệnh thì cái khó còn là bội phần. Nhưng với người lính vâng mệnh quốc dân ra mặt trận thì cũng không có cái mong muốn nào lớn hơn là có được sự “thắng chắc” nên họ không quản công sức, mồ hôi và khi cần giữ độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân thì họ không hề tiếc máu xương.

Phương châm “Tiến chắc” để có “Đánh chắc, thắng chắc” kể từ khi nảy sinh ý kiến đến lúc thực hiện, tuy thời gian rất ngắn nhưng cũng đã được tiến hành theo đường lối tập trung, dân chủ, khoa học, nên từ từng cấp chỉ huy cho đến các binh sĩ đều hăng hái làm chủ trên chiến trường, một lòng tin tưởng chắc thắng.

Sau này, Đại tướng nói: “Quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời cầm quân của tôi là là việc cho kéo pháo ra¹ ở Điện Biên Phủ.”.

Địch đã sẵn sàng, chúng đang đợi ra. Nhưng phải tạo cho chúng những sự bất ngờ.

Bị cuốn xuống một lòng chảo mà xung quanh và trên bờ cao là bộ đội Cụ Hồ cùng nhân dân Tây Bắc - Điện Biên trong tay sẵn sàng súng ống, giáo gươm, kẻ địch nhận ra, chúng càng cố thủ lâu càng tai hại. Rồi, tất cả mọi hành tung của quân đội Việt Minh đều được khép kín trong hệ thống công sự. Bọn địch hiểu rằng, thế trận không lợi cho chúng, thời gian không dành cho chúng. Còn ta, phải làm thật tốt công việc vừa bao vây vừa đào tiếp công sự. Những đường hầm kín đáo được xuyên khoét, thông vào sát từng sào huyết của mỗi Sở chỉ huy của địch. Đến khi có những nhát xẻng bổ xuống sát sườn sở chỉ huy tối cao của chúng, cũng là lúc đến giờ bên ta hạ lệnh nổ súng thì kẻ địch mới biết.

Ngày 19/3/1954, Đờ Cátteri gọi điện cho Cônhi, nói rằng: “Việc mất Idaben (Hồng Cúm), mất Điện Biên Phủ, tôi cho là điều không thể tránh được trong một thời gian ngắn. Phải tính đến chuyện cử tướng Lalang, bảo ông ấy cố gắng đi tìm con đường sang Lào để mà rút lui”.

Êly lại sang Oasinhton (ngày 22/3/1954). Aixenhao bảo phải cứu lấy “con nhím” Điện Biên Phủ.

1. Xem Báo *Sức khỏe và đời sống*, Tlđđ.

Vị Tổng thống nước Mỹ từ vùng ôn đới phía Tây bán cầu nhìn sang Việt Nam, độ đo là nửa vòng trái đất mà cũng khéo am hiểu về thế giới thú vật ở xứ nhiệt đới này để dùng từ mà so sánh, khi ông ấy hình dung ra bộ sậu liên quân Pháp - Mỹ ở Điện Biên bấy giờ như là một con nhím phải xếp các tầng lông của nó lại vì đang ở trong vòng vây của đối phương. Rồi sau đó, trong một cuộc họp báo, chính Aixenhao phải nói lời cay cú: “Vấn đề Điện Biên Phủ đã làm mất uy tín quá nhiều không chỉ của nước Pháp mà cả của phương Tây. Một thắng lợi của cộng sản sẽ cướp đi của Hoa Kỳ những nguồn nguyên liệu cần thiết, kéo theo đó là mất luôn cả Đông Nam Á và đe dọa vòng đai của Mỹ ở Thái Bình Dương”. “Con nhím” Điện Biên Phủ của thực dân Pháp và bọn quan thầy Mỹ tưởng sẽ xù được lông lá thì nay đang phải co lại, nằm im và không tránh được những nhát cước, nhát xẻng đào giao thông hào của đối phương. Đường của ta cho pháo vào mới được mở rộng, san bằng và ngụy trang thêm cũng là những công sự nối từng ngách núi, là các nẻo đường ngầm để cho mấy anh pháo thủ vốn quen cầm cày, cầm búa có thể vừa ca vang bài “Hò kéo pháo” vừa điều khiển cho từng “chú voi sắt” ấy trườn lên. Đến khi trọng pháo của bộ đội Cụ Hồ không chỉ gọi lửa xuống nóc hầm của bọn chỉ huy quân viễn chinh mà còn bay lên làm rối loạn cả vùng trời Tây Bắc làm cho phần lớn hàng tiếp tế thả bằng dù từ máy bay của

đối phương cứ rơi xuống các chiến hào và nơi đóng chốt của những người lính chân trần, đầu đội mũ nan; rồi từng loạt đạn pháo từ các “chú voi sắt” do họ điều khiển cứ mãi vọt lên, thiêu cháy cả những cỗ máy bay in cờ Pháp, cờ Mỹ thì lúc đó, bọn tướng tá địch mới thực sự biết là Việt Minh có trọng pháo và đã được kéo lên chiến trường Điện Biên này từ lâu.

Về sau, khi viết cuốn sách *Đông Dương hấp hối*, tướng Nava phải thú nhận: “Bộ Chỉ huy của Việt Minh đã dùng phương pháp lạ lùng trong chiến tranh... Khẩu pháo (của họ) được đặt trong hầm sâu và có nguy trang bảo vệ. Khi bắn xong một loạt lại kéo pháo vào hầm mới dưới làn đạn bắn của pháo binh Pháp. Từ vị trí mới đó, họ lại cho phát hỏa. Mỗi cụm đại pháo của Việt Minh đều được các pháo phòng không khác bảo vệ. Điều đó làm cho sự đánh giá của chúng tôi về pháo binh của đối phương hoàn toàn sai lầm. Trong cuộc chiến đấu ấy có đầy rẫy những điều kinh ngạc!”.

Trở lại thực tế ở chiến trường Đông Dương lúc đó, Nava chỉ thị cho Cônhi là phải ráng chống đỡ cho đến mùa mưa. Chúng hy vọng khi đó lũ lụt sẽ gây trở ngại trong việc giao thông, tiếp tế của Việt Minh và bên phía họ thì chờ thêm sự chi viện của Mỹ. Nhưng Oasinhton cũng biết, từ năm 1945 đến mùa xuân năm 1953, Pháp đã tiêu tốn vào chiến tranh Đông Dương

2.000 tỷ phờrăng¹, mà từ năm 1952, Mỹ đã viện trợ cho Pháp 1.000 tỷ USD, nên trong Quốc hội Mỹ, số đông các nghị sĩ đều đã phải lắc đầu vì Chính phủ Hoa Kỳ tham gia vào cuộc chiến này. Bởi vậy, thực tế cay nghiệt của chiến trường lại kéo quân đội viễn chinh Pháp trở lại cái hình thù của một “con nhím”, dù cho đến ngày 15/4/1954, Đờ Cátтори đã được thăng tướng. Và thời gian thì đang ủng hộ Việt Minh.

Giữa lúc đó có thư của cụ Hồ:

“Các chú sắp ra trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn, nhưng rất vinh quang.

Các chú vừa được chỉnh quân chính trị và chỉnh huấn quân sự và đã thu được nhiều thắng lợi về tư tưởng và chiến thuật, kỹ thuật...

Nhiều đơn vị đã đánh thắng trên các mặt trận. Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang sắp tới.

Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất.

Chúc các chú thắng to.

Bác hôn các chú”².

Qua máy phóng thanh, Đại tướng Tổng Tư lệnh phấn khởi, trân trọng đọc thư của Bác Hồ

1. Franc: Đơn vị tiền tệ của Pháp, thường gọi là quan tiền Tây.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr. 433.

cho toàn quân ở Điện Biên Phủ nghe, rồi trong tư thế chủ động hoàn toàn, vị Tổng Chỉ huy lại cho nổi thêm hồi kèn xung trận mới.

Ngày 26/4/1954, Hội nghị Giơnevơ (Genève) khai mạc. Phía Pháp đến với Hội nghị quốc tế này để bàn về việc kết thúc cuộc chiến tranh ở Đông Dương không phải với thế mạnh như họ từng mơ tưởng.

Còn, tại Điện Biên, 15 giờ 30 phút ngày 07/5/1954, lúc các sĩ quan Lănggole, Bigia, Lơminiê, Vadô,... với từng bộ mặt của những kẻ thất trận cùng ngồi bút tai, vò đầu thì tướng Đờ Cátđơri gọi điện cho Cônhi báo cáo là tiếng súng chống cự của họ sẽ ngừng vào sáng hôm sau (ngày 08/5/1954). Nhưng không kịp nữa, 17 giờ 55 phút ngày 07/5/1954, tất cả quân của họ trong vị trí trung tâm đã đầu hàng. Đờ Cátđơri và cả Ban Tham mưu của y đã bị bắt. Đến 24 giờ của ngày hôm đó, toàn bộ quân địch gồm hai ngàn tên ở cứ điểm cuối cùng là Hồng Cúm cũng cùng kéo cờ trắng và giơ tay xin hàng.

Thế là sau 55 ngày đêm chiến đấu ác liệt, quân đội ta đã kết thúc chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ một cách toàn thắng.

Nhớ là khi bắt được Đờ Cátđơri, bên ta, Đại đoàn trưởng Đại đoàn 312, chỉ huy của đơn vị quân đội đã chiếm lĩnh trung tâm Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ và bắt sống viên tướng vốn là kẻ Tổng chỉ huy quân Pháp này đã dẫn ông ta ra trình diện trước Thiếu tướng Lê Trọng Tấn. Thiếu

tướng Lê Trọng Tấn liền gọi điện, xin ý kiến Đại tướng Võ Nguyên Giáp về cách xử lý tình huống. Sau này Đại tướng nhớ lại: “Lúc đó tôi không có xúc cảm nào đặc biệt vì việc quân Pháp đầu hàng là chuyện tất yếu mà chỉ ra lệnh, hãy đối chiếu tù binh với ảnh Đờ Cắttori mà bên ta có để khỏi bị nhầm”¹. Lớp cán bộ trẻ, nhất là số trong quân đội, sau này càng ca ngợi rất nhiều về tính can trọng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, can trọng ngay sau khi ta đã giành chiến thắng một cách hoàn toàn và vang dội.

Bây giờ, việc xử trí với tù binh mà ta bắt được ở Điện Biên Phủ nên như thế nào?

Võ Nguyên Giáp nhớ đến việc ta đánh thắng quân xâm lược Minh hồi thế kỷ XV. Chuyện Nguyễn Trãi viết trong “Bình Ngô đại cáo”, quân giặc tàn ngược đến mức: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Trước đối thủ muôn ngàn mảnh khé, ác chứa ngọt hai chục năm. Bại nhân nghĩa nát cả càn khôn; nặng khóa liềm vét không trơn sạch”... Thế nhưng khi cuộc kháng chiến chống xâm lược Minh của ta đã hoàn toàn thắng lợi, nghĩa quân “bắt tướng giặc mang về nó đã vấy đuôi phục tội; thể lòng trời chẳng giết, ta cũng mở lòng hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực... Chúng

1. Xem *Báo Sức khỏe và đời sống*, Tlđđ.

đã sợ chết cầu hòa, ngô lòng thú phục; ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi”.

Bài học nhân đạo của tổ tiên thời xưa cũng là đức nhân nghĩa của Cụ Hồ, của Chính phủ thời nay. Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho toàn quân đối xử nhân đạo với tù binh mà ta bắt được ở các mặt trận, cũng như số đã ra hàng ở Điện Biên Phủ. Bởi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” chống thực dân Pháp ngày 19/12/1946: “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”¹. Ta phải chống giặc Pháp khi chúng hòng trở lại xâm lược Tổ quốc ta một lần nữa là để cứu nước (“cuốc, thuổng gậy gộc” là những vật chủ yếu để đuổi chứ không phải nhằm để giết). Cũng như sau này, Người viết trong bài thơ chúc Tết cuối cùng của đời mình - “Chúc Tết - mừng Xuân 1969”: “Vì độc lập, vì tự do/Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”². Ấy cũng là cái lẽ “thể lòng trời chẳng giết,... mở lòng hiếu sinh”, bởi “ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi” như trước kia Lê Lợi và Nguyễn Trãi chủ trương.

Ngày 03/9/1954, tướng Đờ Cátteri được trả tự do tại thành phố Việt Trì.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr. 534.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 532.

Ông ta xúc động, cầm tấm khăn lên chấm từng giọt nước mắt, chắc vì cảm phục trước tấm lòng nhân đạo cao cả của quân dân Việt Nam và Chính phủ Cụ Hồ.

Sau này, Bonnê (Gabriel Bonnet), một đại tá làm việc tại Viện Hàn lâm quân sự Pháp, trong cuốn sách *Chiến tranh cách mạng Việt Nam*, đã phân tích rất nhiều về nguyên nhân thắng lợi của Việt Minh ở Điện Biên Phủ. Đại tá Bonnê nói: “Họ tôn trọng lòng tự tôn của binh sĩ và đối xử hoàn toàn như con người với con người. Họ chia sẻ cuộc sống với binh sĩ, cùng ăn cơm nắm như binh sĩ... nhưng không vì vậy mà không có kỷ luật. Mọi người đều tự giác, công nhận kỷ luật như một sự đồng ý tập thể... Đội ngũ sĩ quan cấp dưới cũng có tất cả những đức tính người ta mong đợi ở một kỹ thuật gia...”¹.

Trong lời than vãn của tướng Nava về nguyên nhân thất bại của thực dân Pháp tại Đông Dương, cùng với việc chỉ ra rằng, vì lao vào cuộc chiến phi nghĩa và vô vọng ở đây mà Nội các Pháp chia rẽ, luôn thay đổi, mất lòng tin của nhân dân trong nước, ông ta còn nói: “Không bao giờ chúng ta (tức nước Pháp) có được một người cầm quyền từ đầu đến cuối. Trong khi đối phương chỉ có một lãnh tụ chính trị duy nhất - Hồ Chí Minh, và một chỉ huy

1. Theo *Lịch sử quân sự*, Sđd, tr. 60.

quân sự duy nhất - Võ Nguyên Giáp, lãnh đạo chiến tranh từ 7 năm nay. Thì để ứng phó, 19 chính phủ liên tiếp của chúng ta đã cử sang Đông Dương 5 nhà cầm đầu chính trị và 6 tổng chỉ huy quân sự, đến tôi là thứ 7!”¹.

*

* *

Bốn mươi bốn năm sau, tại Nhà khách của Chính phủ ta ở Hà Nội, nhân dịp vừa kết thúc Hội thảo về cuộc chiến tranh Mỹ - Việt Nam (từ ngày 20 đến 23/6/1997) tại nơi này, đoàn Mỹ do Mác Namara (Robert McNamara), nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ dẫn đầu. Tên ông ấy đã gắn với một chiến thuật của quân Mỹ từng thi thố ở miền Nam nước ta rồi bị thất bại đau đớn là “Hàng rào điện tử Mác Namara!”. Nay, sang lại Việt Nam, ông xin gặp anh Văn và đã được như ý. Trong buổi gặp có cả một vị tướng cấp chiến lược, một “cái đầu điện tử lạnh”, thành viên Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ, nguyên cố vấn của tướng Taylo (Taylor, Đại sứ Mỹ ở miền Nam Việt Nam trước đây). Ông này nêu ý kiến:

- Thưa Đại tướng, “Có lúc Mỹ đã bỏ lỡ cơ hội để tránh hoặc chấm dứt chiến tranh”! Thế, Việt Nam có lúc nào bỏ lỡ cơ hội như thế không?

Và nhận được câu trả lời:

- Không bỏ lỡ một cơ hội nào cả.

1. Nava: *Đông Dương hấp hối*, *Sđd*, tr. 71.

Mác Namara:

- Thưa Đại tướng, xin cho tôi được ngắt lời, việc này còn phải bàn lại.

Đại tướng cười:

- Mỹ xâm lược Việt Nam là một sai lầm, xin nhấn mạnh như vậy. Các ngài không hiểu Việt Nam. Hội thảo vừa rồi chỉ hiểu được chừng mực nào về bề ngoài thôi. Thực sự là các ngài không hiểu chúng tôi. Chúng tôi là một dân tộc có hàng ngàn năm văn hóa và văn hiến hun đúc nên một tinh thần quật khởi, kiên cường chống xâm lăng nhưng luôn luôn yêu chuộng hòa bình, giữ hòa bình lâu dài để xây dựng đất nước. Ở thế kỷ XV, sau khi thắng quân Minh xâm lược, ông cha chúng tôi ra tuyên ngôn: *“Mở nên thái bình muôn thuở, xã tắc ngàn thu vững âu vàng”*. Đó là lời trong bài “Phú Chí Linh” của Nguyễn Trãi. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường cứu nước và Người đã kế tục học thuyết quân sự của dân tộc mình một cách độc đáo, do đó đã huy động được toàn dân tham gia kháng chiến. Đó là cuộc chiến tranh do dân, vì dân¹.

Mác Namara ngồi nghe, im lặng rồi xin chuyển sang chuyện khác.

Khi có một chính khách nước ngoài nào đó nhắc đến chiến thắng Điện Biên Phủ rồi tỏ lời

1. Xem Tài liệu “Về cuộc tiếp xúc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp với Mc. Namara (23-6-1997)”, lưu trữ tại Văn phòng Đại tướng.

khen ngợi Đại tướng Võ Nguyên Giáp thì Đại tướng trả lời rằng, công đầu là thuộc Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đại tướng nói: Chủ tịch Hồ Chí Minh là người yêu nước vĩ đại, một nhà chiến lược thiên tài, là người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang của nhân dân Việt Nam. Những biến đổi phi thường của lịch sử Việt Nam trong mấy chục năm qua đều gắn với công lao và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh¹.

Cũng từ đức tính khiêm nhường trong tâm vóc vĩ đại của những bậc vĩ nhân như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tôn Đức Thắng, Huỳnh Thúc Kháng, Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Trường Chinh,... mà có được những nhận xét như nhận xét của Tổng thống Nam Phi Thabo Mbeki. Vị Tổng thống từ lục địa Đen này sang thăm Việt Nam, lúc về nước, ngài viết bài báo “Cảm hứng Đại đoàn kết” có sức vang dội rất lớn. Trong đó Tổng thống ghi: “Cuối cùng thì ngày 24/5/2007, chúng tôi có một vinh dự to lớn và hiếm hoi là được gặp một con người phi thường - Đại tướng Võ Nguyên Giáp, năm nay ông đã bước sang tuổi 97”.

Tiếp theo, Tổng thống Mbeki nhắc lại lòng biết ơn của Đại tướng đối với Chính phủ và nhân dân Nam Phi vì đã hết lòng giúp đỡ Việt Nam

1. Xem Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975, tr. 158.

trong cuộc kháng chiến gìn giữ độc lập trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay, ca ngợi tình hữu nghị vĩ đại, bền lâu của nhân dân hai nước và Đại tướng gửi lời chúc tốt đẹp tới ngài cựu Tổng thống Mandenla (Nelson Mandela).

Cũng ở bài viết nói trên, Tổng thống Mobeke kể lại lời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp khi trong câu chuyện của mình, Đại tướng có nhắc đến ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và Tổng thống coi đó là một “chỉ thị” mà “chúng ta phải thi hành nghiêm túc”. Ở chỗ này, Tổng thống Mobeke nói rõ lời của Đại tướng như sau: “... Chúng tôi cũng hy vọng rằng, Nam Phi sẽ ủng hộ để Việt Nam trở thành thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Trong cuộc gặp ngắn ngủi này, tôi không thể không nhắc đến những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người luôn nhấn mạnh đến sự đoàn kết và thống nhất trong nhân dân và các dân tộc trên thế giới. Và tôi xin nhắc lại lời dạy của Người: *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công*”...¹.

*

* *

Nói về những ngày cuối đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông Vũ Kỳ kể trong cuốn sách *Bác Hồ viết Di chúc* rằng: “Được Bác đồng ý, tôi gọi điện

1. Xem Báo *An ninh Thế giới* cuối tháng, số 71, tháng 6/2007.

báo cho anh Văn, mời anh 15 giờ 30 phút ngày 11-5 (1969) vào gặp Bác để 16 giờ 15 phút kể đó Bác sẽ gặp Hội nghị những đại diện ưu tú của Lực lượng vũ trang nhân dân. Bác hỏi anh Văn, xem Bác cần nói những gì với Hội nghị thì cho Bác biết trước, để Bác chuẩn bị”¹.

Trong buổi gặp, Bác hỏi: Có chú nào ở miền Nam vừa mới ra, chú nào trước đây đã ở Pác Bó (Cao Bằng), chú nào đã chiến đấu ở Điện Biên Phủ, chú nào đã tham gia đánh Mỹ. Thế là bố cũng chiến sĩ, con cũng chiến sĩ. Ta nhất định thắng, địch nhất định thua. Mấy hôm nay nghe tin đồng bào miền Nam đánh mạnh, thắng to, Bác cũng thấy khỏe trong người”. Được nghe như vậy, các cán bộ và chiến sĩ đều sung sướng cảm động. Có đồng chí rưng rưng nước mắt vì nhận ra tiếng của Bác đã yếu hơn nhiều so với mọi khi”².

Đó là buổi gặp cuối cùng của Người trước một Hội nghị cán bộ và các đơn vị điển hình của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cũng vào khoảng thời gian ấy, trước ngày Tết Độc lập (ngày 02 tháng 9) của năm 1969 một hôm, anh Văn và chị Bích Hà được vào thăm Người.

Chị Hà trao tay để anh Văn cầm lên chiếc lọ đặt ở trên bàn trong phòng nghỉ của Người bố

1. Xem Hồi ký của Vũ Kỳ: *Bác Hồ viết Di chúc* (Thế Kỷ ghi), Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế, 2005, tr.111, 113.

2. Xem Sơn Tùng: *Mẹ về*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1998.

hoa tươi¹. Cả hai cùng đứng lặng bên giường của vị lãnh tụ. Họ cố giấu những giọt nước mắt. Đêm hôm đó, anh Văn còn được vào trực bên giường bệnh của Người.

Hôm sau, cô Ngô Thị Oanh, một y tá của Bệnh viện Quân y 108 đang cùng các bác sĩ làm việc để góp sức chăm lo sức khỏe của Người thì được ông Vũ Kỳ đề nghị cô hát để Người nghe bài ca “Đón thư Bác”. Nghe xong, Người vui hẳn lên và ra hiệu nhờ ông Kỳ rút hộ một nhánh trong bó hoa mà vợ chồng anh Văn mang đến từ chiều hôm trước để Người trao tận tay, thưởng cho cô Oanh.

Sau đó, Người vĩnh biệt tất cả chúng ta!

Trong dịp kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19/5/1970), Đại tướng Võ Nguyên Giáp đọc lời tưởng nhớ Bác trước các đại biểu toàn quân:

“Cả dân tộc Việt Nam thành kính tưởng nhớ Bác Hồ.

Trong lòng chúng ta đang sáng lên sự nghiệp vĩ đại và hình ảnh thân yêu của Bác, đang sáng lên niềm tin thắng lợi. Những lời Người dặn trước lúc ra đi vang lên rất rõ, từng ý, từng câu.

Để xứng đáng với Bác hơn nữa, toàn quân ta quyết hy sinh chiến đấu, cùng toàn dân đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền

1. Xem Sơn Tùng: *Mẹ về*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1998.

Bắc, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước và xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh”¹.

*

* * *

Về chức vụ Nhà nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng Chính phủ), đã một thời phụ trách cả lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, ông cũng có những đóng góp quan trọng ở nhiều phương diện thuộc quyền lợi của đất nước và của đời sống nhân dân. Riêng về lĩnh vực quân sự, là sự nghiệp chính của cuộc đời mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp phát biểu: “Quân đội nhân dân Việt Nam ở cả miền Bắc và miền Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói là một quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng, có tinh thần quyết chiến rất cao. Còn vị tướng dù có công lao đến đâu cũng chỉ là giọt nước trong biển cả. Chỉ có nhân dân Việt Nam là người đánh thắng Mỹ. Các ngài gọi tôi là vị tướng thân thoai, nhưng tôi tự nghĩ, tôi bình đẳng với những người lính của mình”².

1. Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*, Sđd, tr.195.

2. “Cuộc đối thoại lịch sử: Tướng Giáp và nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ”, *Giáo dục.net.vn*, ngày 27/8/2011 (truy cập ngày 17/4/2012).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
2. Đặng Xuân Bảng: *Sử học bị khảo* (Bản đánh máy), Thư viện Sử học, Hà Nội, ký hiệu: ĐVĐ 307/1-2.
3. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
4. *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
5. Đảng ủy Quân sự Trung ương - Bộ Quốc phòng: *Một số văn kiện chỉ đạo Chiến cuộc Đông xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
6. Võ Nguyên Giáp: *Chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước*, tập II, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1975.
7. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử* (Hữu Mai ghi), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
8. Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây* (Hữu Mai ghi), Nxb. Quân đội nhân dân và Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 1995.

9. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
10. Võ Nguyên Giáp: *Đường tới Điện Biên Phủ* (Hữu Mai ghi), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
11. Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
12. Chu Trọng Huyền: *Truyện Lê Hồng Phong* (xuất bản lần thứ hai), Nxb. Nghệ An, Vinh, 2004.
13. Nhiều tác giả: *50 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Miền đất khai sinh và quá trình phát triển*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999.
14. Nhiều tác giả: *Đầu nguồn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975.
15. Kim Dung, Chí Thắng, Hải Anh: *Tình cảm Bác Hồ với các tướng lĩnh*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2007.
16. Hồi ký của Vũ Kỳ: *Bác Hồ viết Di chúc* (Thế Kỷ ghi), Nxb. Thuận Hóa, Thừa Thiên - Huế, 2005.
17. Hồng Cư (với sự cộng tác của Đặng Bích Hà): *Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời trẻ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2004.
18. Nguyệt Tú: *Chị Minh Khai*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1976.
19. Sơn Tùng: *Mẹ về*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1989.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
• TỪ NHỮNG DÒNG SÔNG	9
• TỪ TÂY HỒ ĐẾN THÚY HỒ	34
• CỐ GẮNG HỌC THÊM QUÂN SỰ	56
• VIỆC NÀY CHÚ VẤN CÓ THỂ LÀM ĐƯỢC KHÔNG?	76
• “DÙ PHẢI ĐỐT CHÁY CẢ DÂY TRƯỜNG SƠN CŨNG PHẢI KIÊN QUYẾT GIÀNH CHO ĐƯỢC ĐỘC LẬP”	103
• TA LẠI TRỞ LẠI TÂN TRÀO	112
• TRAO CHO CHÚ CHỨC VỤ ĐẠI TƯỚNG	147
• TƯỚNG QUÂN TẠI NGOẠI	188
• <i>Tài liệu tham khảo</i>	220

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
TS. ĐỖ QUANG DŨNG
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập nội dung: ThS. CÙ THỊ THÚY LAN
ThS. LÊ THỊ THANH HUYỀN
ThS. NGUYỄN KIỀU LOAN
NGUYỄN PHƯƠNG THÙY
Trình bày bìa: ĐẶNG THU CHỈNH
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in: ThS. ĐỖ THANH HOÀNG
Đọc sách mẫu: LÊ THỊ THANH HUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/88 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.48221, Fax: 080.48222, Email: suthat@xbcttg.vn, Website: www.xbcttg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên)

*** TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VÀ CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng

*** XÂY DỰNG Ý THỨC TÔN TRỌNG NHÂN DÂN
PHÁT HUY DÂN CHỦ, CHĂM LO ĐỜI SỐNG
NHÂN DÂN THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC,
PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH (TÀI LIỆU SINH HOẠT
CHI BỘ, ĐOÀN THỂ, CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2019)**

TS. Trịnh Thanh Mai

*** NGOẠI GIAO VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH
VÀ SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN
VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP
QUỐC TẾ**



SÁCH KHÔNG BÁN